

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon

NĂM THỨ VI ★ SỐ 100 ★ 1 - 4 - 63

1.— Văn-hóa thời đại	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Một nụ hôn trong v^n nghệ	Sở thượng Giang	10 — 15
3.— Tuổi, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	17 — 23
4.— Hoàng học lâu (thơ dịch)	Hồng Tiêu	24 — 25
5.— Mơ bóng cổ hương (thơ)	Hỷ Khương	26
6.— Đốt đàn (truyện ngắn)	Minh Đức	27 — 33
7.— Bar Phụng-Hoàng (kịch)	Viên-Linh	34 — 41
8.— Xung quanh giải thưởng Nobel	Võ Quang Yên	42 — 49
9.— Nhà cách mạng miền Nam : Cụ Thủ Khoa Bùi-hữu-Nghĩa	Long-Lộc	50 — 54
10.— Viên ngọc quý (truyện dịch)	Lê-huy-Oanh	55 — 59
11.— Phiên ca, sầu hoang (thơ)	Loan-Tùng	60
12.— Những bí mật trong thế chiến thứ hai	Thiếu-Sơn	61 — 64
13.— Chuỗi bồ-đề (truyện ngắn)	Lâm-Giang	65 — 70
14.— Thăm lặng (thơ)	Thanh-Huyền-Chi	71

15.— Những người đàn bà lừng danh.	Tân-Phong	72 — 77
16.— Cổ hương (thơ)	Tâm-Tình	78
17.— Tiếng nói của gái trai thế-hệ : Họ	Chi-Lan	79 — 81
18.— Bức thư Paris : cô thiếu nữ V.N.	Nguyễn-vân-Côn	82 — 88
19.— Mai sau (t'ơ)	Trần-tuân-Kiệt	89
20.— Vui (thơ)	Tuệ-Mai	90
21.— Phổ Thông vòng quanh thế giới.	Xuân-Anh	91 — 95
22.— Tuyết, lửa đôi (thơ)	Thanh-Nhung, Hồng-Liên	96 — 97
23.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	98 — 104
24.— Tết nhất năm nay (thơ)	Quốc-Phương	105
25.— Dục tính, một chứng bệnh hay trạng thái sinh-lý ?	B.s Thiên-Ý	106 — 110
26.— Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	111 — 112
27.— Sách báo mới	Phổ Thông	113
28.— Lợi ngược	Nguyễn-Vỹ	114 — 117
29.— Thư bạn đọc	P.T.	118 — 120
30.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	121 — 123
31.— Phụ-trang ngoại-ngữ	P.T.	123 — 148



- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
● Our general agent in Europa & Africa:
LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Genevière — PARIS V
(vente — abonnements — Publicité)

Hỡi Đồng-Bào ! Chúng ta hãy gấp rút

**văn - hóa thời - đại
phân đóng góp của**

BẠN TRẺ

2

Tôi biết phần đông bạn trẻ không muốn phí thì giờ để xây đắp những ảo mộng băng-quơ. Có lẽ những bạn ấy thông minh hơn cả, vì họ biết họ muốn gì, và họ có thể những gì. Họ không đeo đuổi những lý tưởng viễn-vông, không mơ ước những danh-vọng hảo-hiền. Cũng có những bạn tự xét không có điều-kiện cần

cứu trợ Nạn nhân Hỏa-hoạn Vĩnh-Hội!!

thiết về tinh-thần, không có khiếu về văn-ngệ, không có nhiệt-hứng.

Nên không bao giờ các bạn mơ-tưởng xây dựng một nhà lầu bằng giấy hoa. Chỉ ưỡng công mà thôi.

Với những kinh-nghiệm về đời sống thực-tế, tôi thành thật mến-phục các bạn, và tin chắc rằng các bạn sẽ thành công rực-rỡ trên những lĩnh-vực khác hơn là Văn-ngệ.



Còn những bạn đã có sẵn *kh khiếu* Văn-ngệ thường-thường là cái bầm-chất thiên-nhiên đã từng bộc-lộ ít nhiều ngay từ lúc thiếu thời, và tự mình nhận xét có đủ khả-năng và kiên-nhẫn để đạt đến kết-quả mong muốn, — các Mầm xanh Văn-ngệ — thì dĩ-nhiên không vì trở-lực nào mà các bạn phải thối-chí cả. Các bạn đã hăng-hái, mong các bạn sẽ hăng-hái thêm. Thấy các bạn say-mê, hoàn-toàn tin-tưởng, đầy nhiệt hứng, bất chấp các thử-thách của hoàn-cảnh, và cố gắng, cố gắng mãi, thật là những phần-khởi đáng khen và đáng khuyến-khích vô-cùng.

Nhưng muốn cho những đóng góp của bạn đạt được một phần Chân Thiện Mỹ, nếu không đạt được hoàn toàn chẳng nữa, tôi xin đưa ra đề làm quà cùng các bạn một vài cảm-nghĩ thực tế.

Trước hết, tự tín mà đừng kiêu căng.

Kiêu-căng là cái tật cố-hữu của những kẻ tự biết mình có tài mà tự cho mình là giỏi hơn thiên hạ. Tật ấy rất là đáng ghét, đáng ghét nhất đối với con người Văn-nghệ. Bạn nên tin tưởng vào tài năng của bạn — nếu quả thật bạn có tài,— nhưng tin tưởng riêng phần mình, mà vẫn nên khiêm-tốn với tất cả mọi người. Chúng ta nên luyện tập được tính khiêm tốn, đó là động cơ thúc đẩy mạnh nhất cho sự nghiệp Văn nghệ. Có tài mà kiêu-căng, phách-lối, chỉ thành công được 1. Có tài mà khiêm-tốn, sẽ thành công 10.

Còn những kẻ tài không có, hoặc không đáng kể, mà tự-cao tự-đại, thì không nói làm chi.

Phần đóng góp của người kiêu-căng tự-phụ, sẽ bị giảm bớt nhiều hiệu-quả, và có khi không bền. Phần đóng góp của kẻ tài-hoa tạo-nhã luôn luôn tồn-tại với thời-gian. Nó có ảnh-hưởng sâu đậm vào thời-đại, gây được tác-phong thực-tế rộng lớn, và lợi-ích hơn nhiều. Kẻ kiêu-căng, tự cao, tự-đại, thường-thường bị cô-lập, bởi mình tự tách mình ra khỏi quầng-đại quần-chúng. Kẻ khiêm-tốn, luôn luôn hòa mình vào đại-chúng rộng-rãi, và phần đóng góp tư-tưởng và nghệ-thuật sẽ trở thành gia-tài chung của loài người.

Tôi cầu mong những bạn trẻ có chân-tài ráng tập được tính khiêm-tốn, (khiêm-tốn chân thật, chứ không phải khiêm-tốn giả-vờ), để cái tài của mình được tăng cao giá-trị hơn.

Rồi đến Thực-học.

Bạn sẵn có tài-hoa, đó là một ưu-điểm đáng mừng, nhưng nó cần phải được phát-triển đến mức tối đa. Tài-hoa chỉ là cái vốn căn-bản thiên-nhiên. Nếu không phát-triển nó bằng học-thức, thì bạn chỉ khai thác được nó trong thời-gian bạn còn sung-túc mà thôi. Xong rồi, nó sẽ cạn.

Nó là bình diện của chiếc xe trí-não phát ra luồng điện tư tưởng. Nó cần phải lấy thêm điện vào luôn. Học-thức và kinh-nghiem của đời sống chính là điện lực cần-thiết thúc đẩy động-cơ trí-óc, phát-huy tư-tưởng tác-dụng văn-nghệ.

Có tài-hoa mà thiếu học-thức, là tự giam-hãm tinh-thần trong cái chết khô-cạn mau lẹ. Học-thức là nguồn sống hấp-dẫn luôn luôn mới, luôn luôn còn, luôn luôn trẻ. Thiếu học-thức, là thiếu ánh-sáng, thiếu sức mạnh, thiếu tương-lai. Bạn nhớ rằng có nhiều tài hoa mà có ít học-thức, cũng như có nhiều học-thức mà không có tài-hoa, đều là hai khuyết-diểm lớn lao không cấu tạo được văn-nghệ vĩ-đại.

Bạn trẻ ơi, mong bạn đừng quá ỷ-lại vào cái tài-năng duy-nhất, dù rằng bạn có nhiều tài, bởi nó không có bảo-đảm được thành-công. Nó đứng một chỗ. Nó không tiến lên. Trong Lịch-sử nhân loại tự cổ chí kim, những kẻ có chân-tài đều là những kẻ có thực-học. Học-thức càng sâu-rộng bao nhiêu, tài-năng càng phát-triển mạnh bấy nhiêu.

Chúng ta nên theo gương những bậc tiền-bối, phát-triển trí-óc, để đóng góp với gia-tài trí-óc vĩ-đại của loài người.

N.V.

M

ỘT NỤ HÔN TRONG VĂN NGHỆ



Sở-Thông-Giang

đáng giá hàng tỷ mỹ-kim

● BỨC DANH-HỌA
LA JOCONDE VÀ
HỌA-SĨ LÉONARD DE VINCI

(Tiếp theo P.T. 99)

HỒI 15 tuổi chàng vào phòng hội-họa của Andrea Verrocchio, ông này vừa là họa-sư vừa nhà điêu khắc, chẳng bao lâu học trò đã vượt qua thầy ; nhiều tác phẩm của Léonard de Vinci đã làm cho tên tuổi chàng vang dậy cùng khắp. Tại Milan tiếng tăm chàng nổi lên như cồn làm cho hoàng tử Sforza một tay hào phóng thích nghệ-thuật

vời chàng vào năm 1483 đến bên ông để cho ông thưởng thức tài-nghệ.

Chính trong thời gian này Léonard de Vinci đã tạo nên một tác-phẩm rất được hoan-nghinh : bức truyền thần của bà Lucrezia Crivelli, hiện nay còn nổi tiếng với danh hiệu La Ferronière đó.

Rồi nhà hội-họa như con chim trời bạt gió, tung cánh

MỘT NỤ HÔN TRONG VĂN NGHỆ

muôn phương, chàng từ đô-thị này sang tỉnh thành kia. Từ Milan chàng đi bước đến Florence, rồi từ Florence đến Mantone và ở nơi này một ít lâu chàng phăng lần bước đường tới Ferrare. Chỗ nào chàng cũng mở phòng vẽ, thâu thập môn đệ, tên tuổi bay xa mau như gió cuốn, mây trôi. Ngoài nghề hội-họa, chàng Léonard de Vinci tỏ chức dạ hội, vẽ sắc phục, đàn ca xướng hát. Chàng trở nên một nhân vật ai này đều biết và được phái đẹp mến yêu, do nhân cách tài ba của chàng đã xuất phát xung quanh chàng một ma lực vô cùng hấp dẫn.

Viết về Léonard de Vinci, một nhà văn hạ bút : « Là một người đàn ông đẹp, sức lực dồi dào, cỡi ngựa hay, lợi không biết mệt, Léonard de Vinci còn là một tay đầu kiếm đại tài. Hình như thiên nhiên đã gom tất cả cái gì tốt đẹp về vật chất và tinh thần vào trong cái thể xác ấy . »

Một nhà văn khác lại ca tụng : « Với gương mặt đẹp như trăng giã, Léonard de Vinci là một người hết sức duyên dáng, nồng nhiệt, ca

hát lại giỏi. Chàng đã chinh phục nhiều ông hoàng bà chúa, như là có những bà chúa vẫn không từ chối ban sắc đẹp cho Léonard de Vinci.

Không những có duyên với hàng quý tộc, phụ-nữ các tầng lớp khác cũng vô cùng hâm mộ chàng. Đối với chàng chỉ đẹp là được. Chàng thích những nét đều đặn của gương mặt và những nét cong cân đối của thân mình. Đặc biệt là chàng thích những cặp mắt đen long lánh, trơn-trợt. Chàng nói : « Không kẻ cặp mắt thì sắc đẹp của thể gian còn gì. Đó là cái sắc đẹp thần thánh nó xoa dịu linh hồn bị bó rọ trong cái lồng thể xác ».

Chàng rất có nhiều người tình. Sở dĩ đích xác là bao nhiêu không hề chàng cho ai biết. Có thể nói người thiếu nữ nào hay thiếu-phụ làm mẫu vẽ cho chàng, hình như đều bị chàng chinh phục trọn vẹn. Trong số có 2 người tên tuổi là Lucrezia Crivelli tức La Ferronière và Isabelle d'Este một bà chúa tiếng tăm lừng lẫy.

Và người tình đẹp hơn hết, vang danh cùng khắp là La Joconde vậy.

Chuyện phải đến đã đến

Tay lái buôn ngựa quý tộc Francesco del Giocondo đã vô tình đưa một kẻ tài hoa đủ mọi phương diện vào nhà. Cái lỗi bắt chước làm sang giữa bọn quý tộc bấy giờ với nhau, đã đem tới cho Francesco del Giocondo một tai hại không lường được.

Lúc bấy giờ Vinci đã 48 tuổi nhưng sức khỏe vẫn dồi dào, còn *Monna Lisa* mới được 25 tuổi, lòng xuân đang bông bột. Nàng tuy mang tiếng là đã có chồng nhưng nào biết tình yêu. Là một người vợ bị bỏ rơi, nàng héo xài, ủ-rủ trong cô đơn, vắng lặng. Trong tình cảnh như thế, bỗng nhiên trước mắt hiện ra một người đàn ông đẹp trai đúng cái ý nghĩa của tiếng đẹp, và người ấy lại là một bậc tài danh, bảo sao nàng không xúc cảm đến tột độ. Còn Léonard de Vinci? Tuy tay chàng đã vẽ biết bao nhiêu cảnh hoa, song chàng cũng ngần không nổi tiếng sét ái-tình trước con người ngọc ấy. Chuyện phải đến đã đến. Nó đến đúng

thời cơ thuận tiện là chồng nàng *Monna Lisa*, con người quá chủ quan ấy, bỏ nhà thả đi cùng khắp nước Ý để kiếm ngựa mua!

Thế là chàng họa-sĩ và người mẫu mỗi ngày đối diện với nhau trong một gian phòng rộng kín đáo, không người ngoài nào được bước chân vào đó.

Phê bình cái mỉm cười tuyệt đẹp nở ra trên bức họa *La Joconde*, nhiều người đã bết *Monna Lisa* bầm tính u buồn không bao giờ hé môi cười nụ, họ phải phân vân bàn tán.

Làm sao họa-sĩ tạo được nụ cười ấy trên gương mặt của người trầm lặng u-buồn kia?

Phải chăng họa-sĩ đã cho bao-bọc xung quanh người mẫu một giàn nhạc vui, những tay ca hát nhộn cười.

Họ đều có lý mà nghĩ như thế, song họ không được biết làm thế nào đối môi của *Monna Lisa* mỉm chặt được, khi mà một cặp môi khác của một chàng trai đầy phong-độ nồng cháy đặt lên.

Đối môi ấy làm sao không mỉm cười khi bên tai nàng có giọng âm-âm thì-thào : khi

ánh sáng tắt tôi sẽ bồng nàng vào chiếc giường nệm êm như nhung đặt sẵn ở góc phòng kia ?

Có phải như thế thôi đâu ! *Monna Lisa* còn không ngần ngại khỏa thân làm người mẫu nữa. Léonard de Vinci còn vẽ cho Francesco del Giocondo hai bức tranh khỏa-thân của *Monna Lisa* ! Còn gì nữa mà phải thắc-mắc, phân-vân !

Khi kẻ phạm phu trả thù

Léonard de Vinci lưu ở tại lâu - đài ở Ferrare tới năm năm ! Vâng, đúng 5 năm. Họa sĩ là tay vẽ có tiếng mau chóng nhưng đã kéo dài thời gian như thế với ý-định nào không phải khó đoán. Mỗi bức tranh chàng sửa đi sửa lại mãi. Và khi chữa sửa xong thì chàng lại không hài lòng. Cứ mãi kéo dài như thế để nuôi mối tình yêu giữa họa-sĩ và *Monna Lisa*. Phải chăng vì mục-đích nầy mà tất cả tác phẩm do *Monna Lisa* làm mẫu đều vượt bậc, đặc biệt như

là bức họa *La Joconde* ?

Trong thời gian trên đây, trong những lúc đi về, Francesco del Giocondo không hay biết gì mối tình vụng trộm giữa vợ và họa-sĩ chẳng ?

Có đại-khờ dờ-dẫn mây đi nữa, người chồng cũng biết được. Nhưng biết thì sự đã muộn rồi. Phải giải-quyết thế nào ? Là giòng-dối quý-tộc, muốn rửa nhục thì phải so gươm. Nhưng Léonard de Vinci là một tay gươm có tài. Hơn nữa lại đầy sinh-lực hơn người chồng mọc sừng ấy.

Francesco del Giocondo nghĩ ra một cách trả thù tầm thường hết sức. Người ta bảo lời trả thù như thế là của một kẻ tục-từ phạm-phu. Ông ta không khứng trả tiền các bức họa như đã thương-lượng từ trước.

Léonard de Vinci vẫn đâu có buồn ! Chiếm được quả tim của *Monna Lisa* thì còn cái gì quý giá hơn nữa. Giữ được bên mình những tác phẩm do *Monna Lisa* làm mẫu thì hân-hạnh và sung-sướng cho chàng họa-sĩ biết bao.

Léonard de Vinci mang



LA JOCONDE (Monna Lisa)

mấy bức danh-họa ra đi, rồi bỏ lâu đài tại Ferrare mà nơi ấy chàng đã sống một thời gian đắm chìm trong thơ mộng.

Rồi *Monna Lisa* lại bị người chồng ghen ấy nhốt lại trong 4 bức thành sáu chẳng? Hay nàng liễu-linh bắt chập dư-luận bay theo Léonard de Vinci để kéo dài mỗi tình cho đến tận cùng? Không, họ không bao giờ gặp lại nữa! *Monna Lisa* trở lại sống cô đơn giá lạnh trong lâu đài ở Ferrare.

Từ đó, không còn ai nghe nói đến tên nàng. Có chăng mấy chục năm sau, nàng đã trở nên góa phụ, lúc ấy nàng gần 50 tuổi.

Một người quen biết với nàng thuật lại: « Nếu nàng không cho tôi biết tuổi thật của nàng gần 50 tuổi thì không bao giờ tôi đoán ra. Sắc diện nàng vẫn tươi như thuở còn xuân, không một đường da nhúm, nhăn trên khuôn mặt. Nhìn nàng vẫn tưởng nàng vẫn còn lời hai mươi tuổi đầu. »

La Joconde : 4000 nén vàng !

Trên bước đường phiêu-lưu Léonard de Vinci đi đến La-mã, dừng chân lại bên cạnh Đức Giáo-hoàng trong một thời gian ngắn, rồi lại tính việc viễn du. Cảnh-tình nước Ý còn gì lôi kéo nhà họa-sĩ tài tình ấy nữa! Chàng đã chán nản, mệt nhọc.

Vua nước Pháp lúc bấy giờ là François 1^{er} rất hâm mộ nghệ-thuật, nghe danh Léonard de Vinci liền đề-nghị với chàng sang Pháp, bảo - đảm đầy đủ đời sống cho chàng.

Trong cuộc hành trình chậm chạp sang qua xứ người trong hành-lý của Léonard de Vinci chỉ có mỗi một bức họa *La Joconde*. Léonard tới điện Amboise vào ngày 10 tháng mười 1516.

Vua nước Pháp tiếp rước chàng với tất cả sự long-trọng đối với một bậc tài - danh. Tiệc tùng, dạ-hội mở ra có đủ triều-đình, quý-tộc.

Đề cho Léonard de Vinci có

chỗ yên tĩnh ngồi nghỉ, François 1^{er} hiến cho một lâu đài ở Cloux tuy không lớn nhưng rất đẹp ở gần điện Amboise. Như vậy rất tiện cho nhà vua yêu nghệ-thuật thường lui tới thăm viếng họa-sĩ.

Một hôm, như François 1^{er} đến lâu đài Cloux, Léonard de Vinci mới đem *La Joconde* trình cho vua xem. Vua chóa mắt vì sắc đẹp của người mẫu và phục tãi hội-họa của Léonard de Vinci. Vua nghĩ ý muốn mua bức tranh *La Joconde*.

Nếu với ai khác, hẳn là họa sĩ không bao giờ chịu nhượng song đổi với nhà vua đã trọng đãi chàng biết bao nhiêu. Ông

sâu, nghĩa nặng, hơn nữa, đời của họa sĩ đến đây cũng đã đến lúc xế chiều, chàng giữ *La Joconde* sao bằng nhà vua. Thế là Léonard de Vinci đành chịu nhượng cho François 1^{er} với số vàng là 4000 nén, tính theo quan Pháp có đến 9 triệu quan.

Giao bức tranh *La Joconde*, Léonard de Vinci còn được dịp ngắm-nghía người xưa, mãi cho đến 3 năm sau vào ngày 2 tháng năm 1519, nhà họa-sĩ đáng bậc sư vang danh thế-giới buồng hơi thở cuối cùng trên đất Pháp.

SỞ-THƯỢNG-GIANG



* SAO ĐÂY CHỈ CÓ MỘT ?

Hai vợ chồng một gia-đình nọ rủ nhau vào Chợ-lớn ăn, lúc người bồi bàn đem một đĩa xà-lách trộn dấm ra, người chồng nhìn đĩa xà-lách và hỏi :

— Này anh, đĩa rau này để cho hai người ăn hay một đấy ?

— Thưa ông, hai người ăn ạ.

Người chồng cầm đĩa gặp ngay một con sâu ở trong đĩa ra và nói :

— Thế sao đây chỉ có một con sâu thôi vậy ?



(Tiếp theo P.T. 99)

TUẦN đã viết thư về nói dối với cha mẹ là ở lại Qui-nhon để học tư, nhưng sự thực là suốt ba tháng nghỉ hè Tuần không hề mó đến một quyển sách hay một tập vở. Cả ngày Tuần ưa lai vãng đến nhà mấy đứa bạn để đọc lên tờ *Thực-nghiệp Dân-báo*. Sau có thêm tờ *Khai-hóa nhật-báo*, tờ *Trung Bắc tân-văn*, cả ba đều từ Hà-nội gửi vào. Từ Saigon gửi ra có tờ *Sài-Thành nhật-báo*, *Đông-Pháp thời-báo*, một tờ báo Tây, *Echo Annamite* của một người Annam làm chủ bút, tên là Nguyễn-Phan-Long, và tờ *La Cloche Félée* cũng của một người An-nam tên là Nguyễn-an-Ninh. Tuần không

biết nhưng tờ báo này do ai ở Saigon gửi ra, ai ở Hà-nội gửi vào, và ai ở Qui-nhon gửi mua. Chỉ biết rằng cả Qui-nhon chỉ vài ba người có mà thôi, và được chuyển nhau mượn coi lên lút trong một nhóm học-trò đệ-nhị và đệ-tam niên.

Giáo-sư An-nam không dám coi báo, trừ một ông giáo người Bắc dạy Quốc-Văn, mà học trò thường gọi là ông Đốc Bính và thầy trợ T. dạy lớp Năm, mà trong thành phố người ta gọi là « Thầy Cộng Sản » để ngạo cái chủ trương của thầy là « của đời muôn sự của chung ». Nhưng ông Đốc Bính thường dặn trò Tuần đừng chơi thân với Thầy T. vì thầy này là một con « mouton »

(con cừu), tiếng Pháp có nghĩa là kẻ làm mất thắm. Do đó, học trò bảo nhau là thầy T làm mất thắm cho Tây. Ở các sở nhà nước, hầu hết các Thầy Thông, Thầy Phán đều không dám coi báo công-khai trừ hai thầy ở Kho-bạc, và một thầy ở Tòa-Sứ. Thầy này hăng hái nhất, tuy còn trẻ, mới 23, 24 tuổi, quê quán ở Huế, và chưa có vợ, tên là thầy Đồng sĩ-Bình. Mặt thầy nhiều mụn, và lúc nào thầy cũng nói tiếng Tây để chửi Tây. Tuần mê nghe Thầy giảng về « *Les Droits de l'Homme et du Citoyen* » (Nhân quyền và Dân-quyền). Thầy nói tiếng Tây rất trôi chảy, giảng tiếng Tây rất hay, và lạ nhất là ít khi Tuần nghe thầy nói tiếng An-nam. Có lẽ tiếng An-nam chửi Tây không hay bằng tiếng Tây, Tuần nghĩ thế nhưng không dám hỏi. Cũng có lẽ nói tiếng Tây đã thành ra thói quen của những người học tiếng Tây đã giỏi, cho nên có một lần Tuần được dự một cuộc hội họp bí-mật tại nhà ông Đốc Bính, suốt mấy tiếng đồng hồ ông và thầy Đồng-sĩ-Bình đều nói tiếng Tây, đề hồ hào tụi học trò theo phong trào « ái-quốc » và chống Tây, chửi Tây kịch liệt.

Lúc bấy giờ những danh từ

« dã dǎo », « thực dân », « đế-quốc » v.v... chưa ai dùng. Người ta chỉ có đầu môi một chữ thông thường nhất là : « **Cách mạng** ».

Đêm nhóm họp đầu tiên ấy do thầy Thông-Phán Đồng-sĩ-Bình tổ-chức và chính thầy bảo trò Tuần chạy đi rủ thêm trò Quỳnh, trò Tố, và trò Thu đến nhà ông Đốc Bính. Lần đầu tiên Tuần được nghe hai chữ **Cách-mạng** do thầy Bình lập đi lập lại không biết bao nhiêu lần. Ba tờ báo Hà-nội thuật chuyện cụ **Phan-Bội-Châu**. Báo quốc-ngữ Saigon thuật chuyện cụ **Phan-châu-Trinh**. Tờ báo Pháp-ngữ *La Cloche Fêlée* của ông **Nguyễn-an-Ninh** thì chửi Tây và hô-hào « **Cách mạng** » hăng hái nhất. Mỗi lần Thầy Bình trao cho trò Tuần một tờ báo ấy, thầy đều căn-dặn xem xong phải chuyển cho mấy trò khác xem. Nhưng Tuần không bao giờ dám đem báo vào lớp học. Mỗi lần xem xong trò rút nó trong lưng quần dưới lớp áo dài đen, và chạy đến nhà trò Quỳnh, đưa lên cho trò này.

Một buổi tối, Tuần đến nhà thầy Bình, (thầy ở một mình một căn nhà mướn trong một ngõ hẻm gần bờ sông). Thầy chỉ cho Tuần một bài Thơ bằng

chữ Nho ký tên là Phan-châu-Trinh, do tự tay Thầy chép ra bằng nét chữ đậm và thật đẹp, lồng khung kiến treo trên tường. Tuần không biết bài Thơ này do Thầy chép ở đâu ra, nhưng Tuần học thuộc lòng ngay. Bài Thơ như sau đây :

*Thế sự hồi đầu dĩ nhưt không,
Giang-san hòa lỵ khắp anh-hùng
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bất cổ văn chương túy mộng trung.*

*Trường thử bách niên cam thoả
mạ,
Bất tri hà nhưt xuất lao lung
Chư quân vị tất vô tâm huyết
Thỉnh bả tư-văn khản nhất thông*

Tuần đã được học chút ít chữ Hán, nhưng lần đầu tiên nghe những chữ mới lạ : *anh hùng, nô lệ, cường quyền, lao lung, tâm huyết*, Tuần chưa hiểu rõ nghĩa cho lắm. Thầy Bình ngâm từng câu, giảng từng ý, rồi thầy ngâm đi, ngâm lại nhiều lần. Thầy giảng rộng ra nữa, và nói : « Nước Annam đã mất, nhà An-nam đã tan, dân An-nam bị làm nô lệ ! »

« Đồng bào như người mê ngủ chưa tỉnh ngộ đề cho Tây nó đè đầu, nó áp chế... Một trăm năm nữa cũng đành chịu hay sao? » v.v...

Thầy nói bằng tiếng Tây, rất hăng hái, rất say mê. Thầy đập tay xuống bàn, thầy dẫm chân xuống đất, thầy hét lên : « Trời ơi ! Trời ơi ! Nước An-nam là con rồng cháu Tiên, mà dân An-nam ngày nay là tôi, là tớ, là mọi, là rợ, bị xiềng xích, gông cùm, áp-chế ! Thế có tui nhục cho Hồn thiêng của Đất Nước hay không ? ». Bỗng thầy òa ra khóc, thầy gục đầu xuống bàn, khóc nức nở... Tuần bị quá cảm xúc, cũng rưng rưng nước mắt, ngồi khóc ngất-ngồ. Tuần nhìn lên bài thơ đóng khung treo trên tường, càng nhìn càng khóc. Mỗi câu thơ như :

*Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bất cổ văn chương túy mộng trung !*

mà thầy Bình đọc đi, đọc lại, kêu gào lên, rồi khóc, làm cho trò Tuần có cảm tưởng như đây chính là tiếng nói đau khổ, tiếng rên-siết bị thương của một vong-hồn huyền-bí, hiện về kêu gọi con cháu bằng giọng ai-oán lâm-lý.

Không khí bi thảm ấy kéo dài một lúc lâu. Rồi thầy Đồng-sĩ-Bình ngước đầu dậy, mắt còn đầm lệ, bảo trò Tuần :

— Tuần ơi ! chúng ta là con cháu của Hồng Bàng, của Lạc Long quân, ta phải làm thế nào

chứ! Làm thế nào để phá tan cái xiềng-xích nô-lệ, để đòi lấy Độc-lập, để...

Tuấn chỉ biết ngồi cúi đầu nghe và khóc.

Thầy Đồng-sĩ-Bình đứng dậy, đôi mắt Thầy đỏ ngầu, tay thầy run lên thầy chỉ ngón tay lên bài Thơ chữ Tàu của cụ Phan-châu-Trinh, và nói bằng tiếng Pháp có vẻ căm giận, oán-thán, nhấn mạnh từng câu:

— *Notre grand Patriote Phan-chu-Trinh a dit : nous sommes des esclaves !... Nous sommes des esclaves !...*

(Nhà đại ái-quốc của chúng ta là cụ Phan-chu-Trinh đã nói đấy: chúng ta bị làm nô-lệ... chúng ta bị làm nô-lệ...)

Rồi thầy nói liên tiếp bằng tiếng Pháp, thầy nói thao-thao bất-tuyệt, thầy nói cho đến trào nước miếng hai bên mép, đỏ mồn trên trán, trên má, thầy hô hào « cách mạng »: phải làm cách-mạng! Il faut faire la Révolution! Il faut faire la Révolution... I pour que les Annamites ne soient plus des esclaves, pour que les Français ne soient plus des oppresseurs... des tyrans... (để cho người An-nam hết làm nô-lệ nữa, để cho người Pháp hết còn áp-chế tàn bạo nữa!)

Tuấn đã bị hoàn-toàn thôi miên bởi giọng diễn-thuyết hùng hồn ai oán của thầy Đồng-sĩ-Bình, Thông-Phán đầu tòa của Quan Công-Sứ Pháp, chủ tỉnh Qui-nhơn!... Đêm hôm sau, Tuấn đến nhà trọ của mấy cô học trò lớp Nhất. Năm này cô Thực lưng-quần-dò đã thi đỗ « primaire » về nhà lấy chồng làm chánh Tổng, cô Lại cũng đã thi đỗ, được mẹ cho ra Huế học trường Đồng-Khánh. Chỉ còn cô Trâm và cô Anh thì rớt phải học lớp Nhất trở lại một năm nữa. Tuấn đem bài thơ đã học thuộc lòng ở nhà thầy Bình, đọc cho Trâm và Anh nghe. Tuấn lặp lại những lời hô hào cách mạng của thầy Đồng-sĩ-Bình, và Tuấn cũng đã được tiêm nhiễm những giọng say mê ai oán của Thầy, nói hùng hồn như Thầy, đến đôi một lúc sau Tuấn cũng bị xúc động gục đầu xuống bàn khóc... Trâm và Anh cũng rung-rức khóc theo... Đêm ấy Tuấn nói hết những gì Tuấn biết về việc hai cụ Phan-Bội-Châu và Phan-Chu-Trinh cho Trâm và Anh nghe say sưa, mãi đến gà gáy sáng.

Sau kỳ nghỉ hè năm ấy, một số đồng học trò ở toàn xứ Việt nam khắp ba kỳ, đều hăng-hái như Tuấn, đều thuộc lòng bài thơ của cụ Phan-chu-Trinh, bài

thơ « cách mạng » đầu tiên đã vang dội trong đầu óc thanh-niên thế-hệ 1925. Trong những trường hợp đại khái như trường hợp của Tuấn, việc cụ Phan-Bội-Châu bị bắt giam ở nhà lao Hà-nội, việc cụ Phan-Chu-Trinh về Sài-gon và bài Thơ của Cụ « Thế sự hồi đầu dĩ nhất không... » được truyền bí mật đi khắp nước, đã làm đảo lộn tinh thần thanh niên từ Bắc chí Nam.

Học trò con gái phần đông là nghe theo học trò trai, cũng được tiêm nhiễm tinh thần cách mạng, và sau này cũng hăng hái, thân thiện, cùng với bạn trai tham gia tất cả các cuộc hoạt động bí mật và công khai, làm « phá rối cuộc trị an của nhà nước Bảo hộ. »

Tuấn viết bức thư đầu tiên cho Lại ở Huế, như sau đây. (Lại ở « Internat » ký túc xá, trường Đồng-Khánh. Thư phải đề gửi cho một cô bạn cùng lớp đệ nhất niên với Lại, nhưng ở trọ nhà bà cô ở Thành-nội, nhờ cô bạn trao lại cho Lại).

Le 6 Octobre 1925

Cô Lại ơi,

Cô ở Huế, mà việc cụ Phan-Bội-Châu, một bậc anh hùng ái-

quốc bị Tây bắt ở bên Thượng-Hải giải về giam trong nhà tù Hà-nội, ngoài Bắc-Kỳ, cô có nghe tin không? Việc cụ Phan-châu-Trinh, bậc anh-hùng chí-sĩ ở Tây mới về Nam-kỳ, cô có biết không?

Bài thơ của cụ Phan-chu-Trinh: « Thế sự hồi đầu dĩ nhất không, giang san hòa lụy khắp anh hùng, Vạn-dân nô-lệ cường quyền hạ, bất cổ văn-chương túy mộng trung, trường thử bách niên cam thóa mạ, bất tri hà nhật xuất lao lung, chư-quân vị tất vô tâm-huyết, Thỉnh bá tư-văn khán nhứt thông ». Cô có thuộc không?

Cô trả lời cho tôi mừng kẻo tôi nóng lòng lắm. Còn cô Thực thi đỗ rồi mà không ra Đồng-Khánh tiếp tục học như cũ, lại ở nhà lấy chồng lão Chánh-Tổng nhà giàu góa vợ. Tại tôi tức giận lắm đó. Tết này cô có về Qui-nhơn ăn Tết không? Nếu cô về, thì tôi ở lại đề chơi với cô trong mấy ngày Tết. Tại mình đến nghe thầy Bình giảng Les droits de l'Homme et du Citoyen (Nhân quyền và Dân quyền). Tôi có cái hình cụ Phan-Bội-Châu đẹp lắm; nếu cô không có thì tôi gởi ra cho cô.

Tôi với Anh và Trâm nhắc đến cô hoài. Cô đau mắt hột, đã bớt chưa? Tôi chúc cô học tiến bộ nhiều.

Thơ bất tận ngôn. Au revoir, mademoiselle. Votre ami dévoué : Tuấn

Hơn mười ngày sau, Tuấn được thư Lài trả lời như sau :

Huế, le 18 Octobre 1925

Anh Tuấn ơi,

Em bắt được thư anh sáng thứ Tư, chị Tuyền đưa vô cho em mà Tuyền đã xé coi trước. Em giận lắm. Ở Huế, mấy cô trợ giáo và học trò trường Đồng-khánh cũng bàn tán la-xao việc cụ Phan-bội-Châu bị bắt bỏ tù ở Hà-nội. Mấy bữa ni đang làm đơn gửi Quan Toàn quyền đề xin tha cho cụ. Tụi em theo mấy anh học trò trai trường Quốc-học và cũng hăng-hái vận-dộng đánh giầy thép ra Bắc-kỳ đề xin ân-xá cụ Phan-Bội-Châu. Còn trường Qui-nhơn của mình? Không lẽ mấy anh làm thỉnh đề cụ Phan bị tù sao? Anh nghĩ sao, cho em biết, em mong tin anh lắm. Cụ Phan-Châu-Trinh diễn-thuyết ở Nam-kỳ, hô-hào lập

« dân-chủ », bỏ « quân-chủ ». Em có một cuốn sách in bài diễn-thuyết đó. Anh có không? Nếu không, thì em gửi vô cho anh. Hay hặng nhứt, anh Tuấn ơi, em đọc say mê. Làm sao em gửi lên vô cho anh? Nhưng có một trò con trai bị linh Vua bắt, vì đang ngồi cầu Trường-Tiền đọc quyển đó. Bài Thơ anh chép cho em, em cũng có rồi. Ở Huế, ai cũng thuộc bài đó, anh ơi. Trong lớp em, trò nào cũng thuộc lòng. Tết, em phải về Qui-nhơn thăm Mẹ em, em nhớ mẹ em lắm. Anh Tuấn ở lại ăn Tết với em hỉ? Thiệt hỉ? Em không có ảnh của cụ Phan-Bội-Châu, nhưng em thấy trong tờ báo Khai-hóa ở Hà-nội gửi vô cho cô giáo, cô giáo có đưa cho tụi em coi. Cụ đẹp quá, oai quá, anh hỉ. Anh ơi, dân nước An-nam mình bị làm nô-lệ cho cường quyền, anh có buồn không? Nghe tin cụ Phan-Bội-Châu bị tù, tụi em khóc hết. Tụi em nhứt định xin tha cho cụ. Em đã thuộc lòng bài thơ anh làm tiễn em đi Huế, và thuộc lòng cả bài thơ của cụ Phan-Châu-Trinh, với bài « Huyết-lệ-Thơ » của cụ Phan-Bội-Châu nữa. Tết em về, em

đưa cho anh coi bài Huyết-lệ-Thơ, em không dám viết vô đây, bài đó ghê lắm, anh à.

Em nhớ mẹ em, em khóc hoài.

Em cũng nhớ anh, em gửi lời thăm chị Trâm, chị Anh, và chúc hai chị sang năm thi đỗ đề ra Huế học với em.

Tết, anh ở lại đừng về Quảng-Ngãi, anh hỉ. Ông doc-teur chữa bệnh trachome cho em đã gần bớt.

Votre affectueuse amie qui pense à vous.

LÀI

Tái bút. — Nếu chưa lo việc làm đơn xin tha cụ Phan-bội-Châu thì anh nên làm thiệt gấp. Ngoài Huế này, mấy chị lớp trên nói: nếu Nhà nước kết tội chém cụ Phan-bội-Châu, thì cả trường Đồng-Khánh sẽ làm lễ đề tang cho cụ. Em viết tới đây, em khóc vì em sợ họ không tha cho cụ đâu. Anh Tuấn ơi, nếu cụ Phan bị chết chém thì anh cũng đề tang, nghe không anh? Anh cò động mấy anh học trò ở trường mình cho đông, thì sợ gì. Anh làm đơn gửi đi thiệt gấp. Nghe nói quan Toàn-quyền mới, tên là Alexandre Varenne, gần sang An-nam rồi, đề xử cụ Phan-bội-Châu. Chúng ta làm đơn xin ân xá cho kịp ngày, nếu đề trễ thì nguy cho tính mạng bậc chí-sĩ anh hùng của nước ta. Tụi em ngoài này mấy tuần nay chỉ lo có một việc đó thôi. Em chờ

thơ anh — au revoir, anh. Votre amie fidèle. Lài.

Đọc thư cô Nữ-sinh Đồng-Khánh, bị xúc-dộng về vụ Cụ Phan-Bội-Châu có thể sẽ bị chết chém, Tuấn vụt chạy ra sau nhà bếp ngồi khóc một mình. Cũng như những đám học-trò con trai con gái khác đã bị ảnh-hưởng về vụ Phan-Bội-Châu, — ảnh-hưởng tự-nhiên, ngấm-ngấm nhưng vô-cùng mãnh-liệt, — Tuấn sùng-bái Cụ Phan-Bội-Châu không xiết kể, và cứ hồi-hộp lo-sợ Cụ bị chết chém. Tuấn chạy đến nhà thầy Đồng-sĩ-Bình, và rưng-rưng nước mắt, nói thăm với thầy: « Thầy ơi, tôi nói đại-dột, nếu lỡ mà Cụ Phan-Bội-Châu bị chết chém thì làm sao? » Thầy Bình đang ngồi ăn cơm tối, vụt ném chén cơm và đôi đũa xuống đất, tiếng kêu choảng-choảng... Thầy đập bàn tay thật mạnh trên bàn và la lên giận-dữ, bằng tiếng Tây: « Jamais! Jamais! Jamais les Annamites laisseront mourir ainsi le Grand Patriote Phan-Sào-Nam! » (Không đời nào! Không đời nào người An-Nam để cho nhà Đại-chí-sĩ Phan-Sào-Nam chết như thế!).

Nhưng rồi như điên như cuồng, thầy gục đầu xuống bàn khóc, vừa lầm-bầm như cầu-nguyện: « Cụ Phan không chết!... Cụ Phan không chết!... (còn nữa)

Trong 300 bài thi Đường được lựa chọn, thi gia Trung-quốc đã đem bài thơ Hoàng hạc lâu lên bực nhứt. Người ta nói: Lý-Bạch khi qua chơi ở lầu này, cũng tính đề một bài thơ, nhưng chợt thấy bài thơ ấy, liền gút bút và nói:

Bao nhiêu cảnh tình ở đây, Thôi Hạo đã miêu tả ra hết cả, ta còn đề mà làm gì? Thế rồi, Lý bỏ qua Phụng hoàng đài và đề ở đó một bài. Vì thế mà từ thần thơ đến cách kiến trúc bài thơ, cả hai bài như rập nhau ở cùng một khuôn vạy.

Đã dịch bài Hoàng hạc lâu, dịch giả nghĩ nên dịch luôn bài «Phụng hoàng đài» đề cống hiến bạn đọc.

Nói riêng về thơ dịch bài Hoàng hạc lâu được các thi gia của ta phiên dịch có cả hàng trăm hàng ngàn bài, nhưng tựu trung, theo ý kiến nhiều người, chỉ có bài của Tân-Đà là xuất sắc hơn cả. Tiếc một điều là Tân-Đà lại dịch nó bằng thể lục bát, thành ra dù hay cũng không sao theo đúng được cái thi-hương của nguyên-tác.

Bài của bạn Hồng-Tiêu dưới đây dịch theo Đường-luật, không những trên lời văn mà đến cả ý văn, cũng rập theo đúng tinh thần của nhà thơ Trung-quốc. Thật là một bài dịch xuất sắc.

Tích nhen dĩ thừa Hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng hạc Lâu.
Hoàng hạc nhứt khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tinh xuyên lịch lịch Hán dương thọ,
Phương thảo thê thê Anh vũ châu.
Nhựt mô hương quang hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhen sầu!



lầu hoàng hạc

★ Hồng-Tiêu dịch

Cõi hạc người xưa tách mất rồi
Đất này lầu hạc đứng trơ thôi,
Một đi chim hạc không quay lại,
Muôn thuở vầng mây cứ mãi trôi.
San sát Hán dương cây líp bến,
Um tùm Anh vũ cỏ đầy doi.
Quê hương bóng xế nơi nào tá?
Khói sóng trên sông nào dạ người.

mơ bóng cô hương

★ TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG

Kỷ-niệm ngày Đại-Tướng của Phụ-Thân
(19 tháng 2 xuân Quý-Mão, 1963) Saigon

Xa cách một năm rồi,
Lòng thương nhớ không nguôi!
Có ai về chốn cũ,
Cho nhắn gởi đôi lời.
Nhấn cùng non nước Bình Hương ấy,
Có nhớ hôm nào đưa tiễn tôi?

Cùng vào độ tháng hai,
Giữa mùa xuân năm trước.
Nhưng liễu không xanh mướt,
Hoa không thắm ngàn mai.
Nắng không sưởi ấm lòng nhi-nữ,
Vẫn nặng sầu-vương mối cảm hoài...

Nay cách trở đôi đường,
Nương cánh gió ngàn phương:
Thả mộng hồn say đắm
Mơ hình bóng cổ hương:
Sông Hương lở-lững trắng in nước,
Núi Ngự mơ-màng nắng diêm sương.

Hoàng-hôn về hoang vắng,
Mồ ai ngát khói hương.
Tiếng chuông chùa vắng vắng,
Xa đưa trong đêm trường.
Câu hò mái-dây tình chan-chứa...
Khúc nhạc Nam-bình điệu cảm thương...

★ Minh-Đức
(Paris)



N GÀY tôi về với người
chủ mới là một ngày cuối đông,
cuối đông hay giữa đông gì
cũng thế, trời lạnh, tuyết phủ
đầy cả đường, vẽ những nét
trắng nổi lên khắp các cảnh
cây trụi lá.

Người chủ mới của tôi là
một cô gái bé nhỏ, người hơi
gầy, có mớ tóc dài và tính
nết rất hay đùa nghịch.

Từ già người chủ cũ về
với cô gái nhỏ, lòng tôi không
hề luyện tiêc. Đời tôi đã biết
mây lần đổi chủ, với người
chủ nào thì tôi cũng chỉ là một

cây đàn bằng gỗ tức là một
vật vô tri vô giác như trăm
ngàn đồ vật vô tri vô giác
khác mà thôi. Nếu họ có nâng
niều gượng nhẹ tôi, chẳng qua
vì họ sợ phải bỏ tiền ra mua
một cây đàn khác, họ thương
cho cái túi tiền của họ chứ
đâu phải họ thương gì tôi. Có
người cưới vợ vì yêu vợ, có
người cưới vợ vì cần một chị
đàn bà, cái khác nhau của con
người nghệ-sĩ và tên thợ đàn,
thợ vẽ là ở chỗ ấy...

Từ lâu lắm rồi, chủ tôi
muốn bán tôi bởi tôi già, tôi

xấu, tôi vô dụng nhưng vì tìm chưa ra khách.

Còn đâu cái thuở xa xưa, tôi cũng đã có một thời trẻ trung xinh đẹp nằm rất khêu gợi trong tủ kính của một hiệu đàn danh tiếng tại Valencia ở Espagne.

Bao nhiêu bàn tay sành sỏi ngày ngày, đèn ôm tôi vào lòng, nắn lên những tiếng trầm tiếng bổng, bao nhiêu cái nhìn thêm khát lượn qua lượn lại trước gian hàng, bao nhiêu cái trán, cái mũi dán sát vào tủ kính để ngắm nghía nhan sắc tôi. Đẹp là gì nếu không là da thịt rắn chắc, nước sơn bóng nhoáng và âm thanh rền vang.

Nhưng thôi không nhắc lại chỉ càng thêm khổ, ai chẳng có một thời xuân trẻ. Đi từ Espagne sang đèn Paris, thời gian đã làm cần cỗi cả xác thịt lẫn tâm hồn, mỗi một lần đổi chủ là một lần hạ giá, từ 300 pesetas mà xuống còn có mười mấy nghìn quan (giá lừa đảo). Thật là nhục nhã, chưa kể đến những sự mặc cả, những sự va chạm trong lúc xê dịch. Còn gì là tôi...

Cô chủ mới của tôi rất

nghèo, lại còn nghèo hơn cả những người chủ trước. Nàng ở trong một căn gác trọ tồi tằm, cả gian phòng không bằng một góc bếp của những người chủ trước, nếu ban ngày không mở đèn thì chẳng khác gì ban đêm. Nhưng nghèo mà có chút tâm hồn vẫn hơn cái phùng túi cơm giá áo, đưa cảm tình đi bán chợ đen, xem cây đàn không bằng giá trị một thanh củi tã. Với họ, thanh củi tã còn nẫu chín được nổi cơm.

Muôn mua được tôi, cô gái ấy phải bán một ít sách, nhịn ăn mất mấy ngày hoa quả, thịt, rồi còn phải xin giả góp trong hai tháng.

Chủ cũ của tôi rất muốn tòng tôi đi, mà cũng phải tòng cho có lãi, gặp được một cô bé khỏe khạo, còn gì sướng hơn, lấy cớ rằng tôi là một của quý mang từ Espagne sang, con giòng của giòng chứ không phải phùng tục tử như những cây đàn làm ở Pháp. Chỉ những khi đưa ra bán cho ai tôi mới được nghe những lời ngợi khen như thế, nhưng « có ai biết ta bằng ta... »

Thế là chiều hôm ấy tôi

theo cô bé về nhà mới, với chủ trước tôi chỉ là một cây đàn cũ kỹ, bệnh hoạn, sự có mặt của tôi chỉ làm chật nhà, suốt ngày chẳng ai thêm ngó ngang đến. Ở đây tôi là một bảo vật, là người yêu sở một của nàng.

Tuy rằng trong nhà đã có một cây hạ uy cấm, chúng tôi gặp nhau không ghen tương, giận dỗi, lạnh lùng, như phần đông những người yêu tâm thường khác. Hạ uy cấm ngoan ngoãn và rất biết thân phận mình, hẳn không hề dám đòi hỏi gì cả. Lâu lắm chủ tôi mới ôm đèn hân một lần, tất cả bao nhiêu tình thương chủ tôi chỉ dồn cho riêng tôi. Đêm đêm tôi ngủ cạnh nàng, mỗi lần nàng ho lên một tiếng nhỏ là tất cả phím tơ tôi rung vang theo.

Tôi cùng nàng đi hát khắp nơi.

Có những đêm đi về khuya, nàng run sợ cò lầy giăng mạnh bạo để tránh cái nhìn tò mò của những người say, người điên và những người quên đạo đức. Có những đêm đường phố vắng tanh chỉ mình hai chúng tôi còn thức,

tôi là bạn thân, là thần hộ vệ, mà cũng là yêu tố sinh song của nàng.

Có những đêm nàng được hoan hô nhiệt liệt nàng nhìn tôi mỉm cười, nụ cười bao hàm tất cả mọi tình cảm. Trái lại có những đêm nàng gặp cái thứ khán giả gỗ đá, nhất định không hiểu, người ta đèn không phải để nghe trình bày ca nhạc mà để tán tỉnh nhau. Nàng buồn rầu lên ngồi một mình trên « lô » dành riêng cho nghệ sĩ, nàng đã khóc trong lòng tôi, nước mắt của nàng rỏ xuống da thịt tôi vẽ thành từng chấm hoen ô. Nước mắt của những kẻ giàu sang hạnh phúc có mặn và ấm như thế chẳng ?

Có những phút nhớ quê hương, nhớ mẹ, nàng đã cùng tôi ca vang lên. Ôm chặt tôi vào lòng bàn tay bé nhỏ vỗ lên phím tơ đánh nhịp, ngón tay lấp lánh chiếc nhẫn kim cương kỷ niệm của người mẹ già chết không được gặp. Nàng cả không thành bài, có phải đây chỉ là những lời nói thốt tự trong tâm tư ? một vài hòa âm nhịp nhàn theo.

Ái thầy chúng tôi thương

yêu quân quýt lây nhau mà không tin rằng sẽ cứ như thế mãi... Nhưng còn thời gian, mỗi một phút qua có bao nhiêu người yêu nhau, bao nhiêu người xa nhau thì cũng có bao nhiêu người băng khuâng nhìn bóng mình trước gương nhỏ một sợi tóc bạc, vuốt một nếp nhăn bên mép... Tôi cũng thế, từ hơn một năm nay, có nhiều hôm tôi cảm thấy rêm mình thân thể như muốn rã rời từng mảnh, đường viền chung quanh thân tôi đã gấn long và hồ dãn như muốn nhả ra.

Trên sân khấu tôi đã từng phen toan phản bội nàng, vì phím tôi chùng dần, không giữ được đúng thanh âm. Có ai làm chủ được thời gian.

Thời gian, thật đáng ghê sợ...

Thế rồi một hôm, tôi còn nhớ rõ như mới hôm nay. Theo lệ thường mỗi sáng, nàng đang cùng tôi tập dượt thì có tiếng điện thoại reo. Người ta mời nàng đi hát ở một buổi đại nhạc hội. Trời mùa hè năm ấy sao mà nóng bức, từ Paris đến vùng ngoại ô của hội lại xa, phải đi bằng xe hỏa.

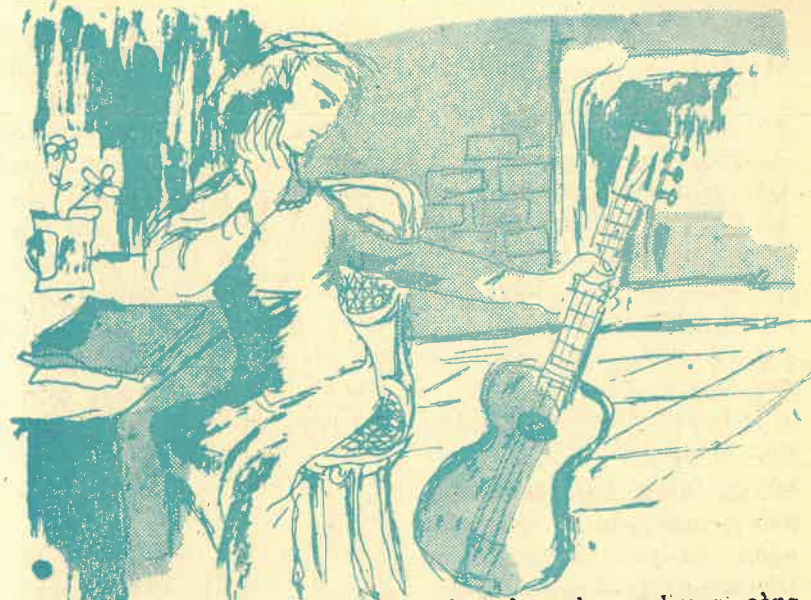
Cả hai chúng tôi đều không muốn đi nhưng vì cuộc sống, nàng không thể từ chối, đành phải nhận lời.

Đền nhà ga còn phải đi thêm một đoạn đường bằng xe hơi. Chúng tôi cảm thấy mệt mỏi. Xe chật, ca nhạc sĩ lại đông, ban tổ chức không thạo việc nên có rất nhiều khuyết điểm.

Người ta xếp tôi lên mui xe cùng với các nhạc khí khác. Thường lệ nàng không bao giờ chịu rời tôi, hôm nay có lẽ vì định mệnh đã xếp đặt nên mới xui ra thế. Xe chạy nhanh, đền một khúc quanh tôi bị rơi xuống đường.

Tại sao lại là tôi? tại sao lại không là một cái trống? một cái xập xoàng khác... Đền nay tôi vẫn còn cảm thấy đau đớn từ xác thịt đến tâm hồn, thế là hết...

Thế là hết, tôi trở nên một cây đàn vỡ, một kẻ tàn tật, một phế nhân vô dụng. Nàng ôm tôi vào lòng rơm rớm khóc, cổ thủ gầy lên vài riềng, nhưng có còn gì đâu nữa ngoài cái tiếng bần bật như tiếng giấy phơi quần áo ở ngoài dậu.



Mọi người đều xôn xao đền hỏi thăm, họ chỉ cho nàng cách sửa chữa, họ mách nàng địa chỉ của một nhà chuyên bán đàn lục huyền lậu thuê. Có người đòi cho mượn đàn để nàng lên sân khấu nhưng nàng từ chối.

Lần cuối cùng tôi với nàng hòa chung đây là nhã ý của nàng muốn cho tôi lên chào khán giả một lần chót. Biết rằng âm thanh của tôi không còn, nàng phải đền nói khẽ với người nhạc sĩ hãy theo giọng nàng bằng nhịp cương cầm thay tôi, cảm ơn sự tề

nhị của nàng, nhưng càng nghĩ lại càng tủi thân...

Thế rồi trong tiếng vỗ tay hoan hô hôm ấy, có ai nghe chẳng, hòa lẫn với tiếng nức nở của tôi.

Hết rồi... hết tất cả... Trên đường về âm u, âm u như mẫu tương lai của một cây đàn vỡ.

Mấy tuần lễ trôi qua, mỗi lần nàng đền ôm tôi chỉ để mà thở dài, không bao giờ nàng ca trọn một bản nhạc cùng tôi, nàng luôn luôn ngồi trước bàn viết tính toán, những con số, những dấu

cọng dầu trừ chi chút... Để làm gì?

Một sáng nàng đi đâu về với một cây đàn khác, mới nguyên, láng bóng trịnh bạch. Đàn màu trắng sữa, tiếng kêu âm ngọt. Tôi nhìn nàng đau đớn chiếc nhẫn kim cương kỷ niệm đã biến đâu mất, không còn lấp lánh trên ngón tay bé nhỏ, nàng đã cầm hay bán nó rồi chăng.

Giá nàng hiểu được lòng tôi, trời, tôi biết rằng tôi vô lý, nàng phải sống, cây đàn là một yêu tố sống của nàng, tại sao tôi lại ghen. Dầu sao nàng cũng chỉ là một con người, sống lẫn trong đám nhân loại nàng phải cúi đầu tuân theo những định luật chung của nhân loại.

Biết như thế nhưng không buồn sao được, chỗ tôi nằm ngày thường bây giờ là chỗ của cây đàn mới, nàng đã say mê hẳn như đã có lần say mê tôi.

Phải công nhận rằng hẳn đẹp, hẳn trẻ và tiếng hẳn âm lạ lùng, hẳn còn đẹp hơn cả tôi ngày xưa. Tuy không phủ nhận sự thật, tôi cũng không thể chịu an phận như cây

đàn Hạ-uy. Tôi đã từng được yêu rất say mê nên cái cảnh bị bỏ rơi lại càng đau đớn.

Nàng gác tôi lên tủ cho đỡ chật nhà, đây là chỗ nằm cuối cùng của tôi rồi đó chẳng? Mỗi ngày một lớp bụi trần phủ thêm lên thân mình. Thỉnh thoảng nàng cũng đưa mắt lên nhìn tôi, nói vài lời an ủi, nhưng để làm gì. Tôi muốn được hơn thế nữa, tôi muốn ngân vang, tôi muốn run rẩy trong cánh tay, tôi muốn hòa nhịp với giọng ca của nàng.

Những sự ước muốn ấy ngày nay chỉ là những ý nghĩ điên rồ không bao giờ còn có thể thực hiện.

Cây đàn thứ ba đã đến chiêm trồn tình yêu trong lòng nàng, còn tôi chỉ là một cây đàn vỡ, một đồng gỗ mục.

★

Chiều nay trời lạnh, cũng cái lạnh giống hệt độ nào chúng tôi mới quen nhau. Tôi nằm trên gác tủ lắng nghe nàng nói chuyện với một người bạn bên cạnh bếp lửa.

— Chắc tôi sẽ đốt cây đàn này, đợi một đêm nào rét buốt nhất, tôi sẽ mời vài

người bạn, hay chỉ một người bạn thôi cũng đủ đèn chứng kiến cái cảnh thiêu đàn của tôi.

— Tại sao lại phải đốt đi? người bạn hỏi lại.

— Tôi sợ hãi khổ mỗi khi nhìn tôi ôm cây đàn mới vào lòng như ngày nào tôi đã ôm hẳn.

— Cô nầy có lắm ý nghĩ kỳ lạ nhỉ, cứ để đây treo lên thì đã sao. Ngày sau, cô lấy chồng rồi lúc cô già, cô ốm, chồng nó cũng đòi đốt cô đi cô có chịu không?

— Anh không hiểu tôi nhưng chắc hẳn sẽ hiểu tôi, thà một phút huy hoàng rồi chết tôi...

Tôi thở dài, từ nãy đến giờ tâm tư cân thẳng, nghĩ đến lúc từng thớ gỗ được

bùng cháy, tôi sẽ cố gắng để ngân lên một tiếng vang cuối cùng vĩnh-biệt. Đốt tôi đi, vâng xin hãy đốt tôi đi, thà chịu đau đớn đến cực độ trong một phút rồi được chết còn hơn là mỗi ngày phải nhìn người tình địch đang âm vang trong tay ai. Chúng tôi nào phải là một cái bàn, cái ghế cho loài người nằn ngổ lên, để rồi đến khi long gẫy là vứt đi một xó không thèm hay biết đến. Chúng tôi là những cây đàn có linh hồn, có thanh âm, cung bậc... Nhất là tôi, đã từng yêu, và đã từng được yêu...

Đốt tôi đi cho tôi được hết một kiếp... Biết đâu kiếp sau chúng ta sẽ lại gặp nhau...

● MINH-ĐỨC
(Paris 60)



★ DANH NGÔN

● Giàu sang không thể đòi được tâm mình, nghèo hèn không thể đòi được tiết khí mình, uy-quyền không thể chinh phục được lòng mình.

MẠNH-TỬ



Bar Hoàng Hoàng

★ Viên-Linh

CÁC VAI

QUANG : Hai mươi lăm tuổi, cựu vô địch Quyền Anh, thi sĩ, người sẽ tự tử.

BÍCH : Thu ngân viên bar Phụng Hoàng.

LAM : Người con gái Quang thường nhắc đến.

ĐỘ SÀU : Quản lý bar Phụng Hoàng.

THỜI GIAN

Mười hai giờ rưỡi một đêm mưa.

KHÔNG GIAN.

Một quán rượu hỗn-tạp cạnh bến tàu vùng ngoại-ô thành phố. Đoạn đối thoại bắt đầu khi quán dần vắng, nhạc đĩa quay đi quay lại một điệu hát quen thuộc. Bích, thu ngân viên bar Phụng Hoàng đang ngồi sau kết đếm lại tiền. Quang ngồi lăm-lì trước cái máy hát cũ, một tay cầm cái ly không, đầu đội cái mũ dạ lấy của một anh phu xe quen.

BÍCH : Ngồi mãi sao anh ?
Cái đĩa hát đó cũ quá rồi. Em đã bảo phải quên đi mà.

ĐỘ SÀU : Đĩa cũ mà hay, nhớ hoài.

BÍCH : May ra được một tuần nữa. Đàn ông như mấy con chim tránh rét mỗi mùa đông. Lạnh rồi phải đi hết.

ĐỘ SÀU : Mấy tay tở bao giờ cũng ở lại canh chừng.

BÍCH : Canh chừng cái gì đi bằng hết. Mấy tay tở đi đầu nước nữa.

ĐỘ SÀU : (pha trò) canh chừng thời gian, cảnh cũ, tình xưa.

BÍCH : Ba ngàn tám trăm mười lăm đồng, không kè hơn một trăm tiền pour-boire.

ĐỘ SÀU : Em lấy năm chục đi. Hôm nay mưa, đề em đi xe.

BÍCH : Merci. Mưa rầu ghê.

ĐỘ SÀU : Lâu lắm mới nghe em kêu rầu. Sắp có kẻ chết đến

nơi rồi đây.

BÍCH : (cười) Còn lâu ạ.

ĐỘ SÀU : Thôi muốn nghe nữa thì ráng thay cái đĩa mới ông Quang.

BÍCH : Ông nội hôm nay chán đời quá. (bước ra khỏi quầy, đi thong thả lại phía người đàn ông) Thôi khuây khoả đi anh, Quên bà ấy đi. Hơi đầu nhớ.

QUANG : (vẫn ngó cái đĩa hát như lúc đầu) Mấy giờ rồi ?

BÍCH : Mười hai giờ bốn mươi ba phút. Còn nửa tiếng nữa thì đóng cửa.

ĐỘ SÀU : Hôm nay mưa, đóng sớm.

BÍCH : Mà anh hỏi giờ làm chi vậy ? Anh mà đề ý đến thì giờ chỉ cho mệt. Em là đàn bà em biết, (vuốt lại cái cổ áo cho người đàn ông), bà ấy dấu xa anh vẫn nhớ anh lắm.

QUANG : (cười, soi mặt vào đáy ly) Lại nói láo.

BÍCH : Em hỏi thật nhé : bà ấy bây giờ ở đâu ?

QUANG : Lam ấy à ?

BÍCH : Bộ anh tưởng em hỏi ai ?

QUANG : Xa lắm. ở xa lắm.

BÍCH : Bà ấy kém anh bao nhiêu tuổi nhỉ ?

QUANG : Quan hệ gì đâu ?

BÍCH : Sao không ? Tuổi tác là đời sống của tụi em.

QUANG : Em bao nhiêu tuổi ?

BÍCH : (mở sách lấy thuốc lá châm lửa) Hỏi chi vậy ?

QUANG : (nhắc lại, cười) Em đến hai mươi lăm chưa ?

BÍCH : Ông dở quá. Hai mươi lăm đề chết sớm à ?

QUANG : Lại nói láo (châm thuốc theo). Nhưng đàn bà nói láo về tuổi tác thì cũng vẫn được đi. Hăm bốn ?

BÍCH : (đứng dậy) Thôi ngồi đây mà đoán. Em về (gọi to) Độ Sầu đâu rồi, về đây.

QUANG : Mưa to lắm. Saigon mà mưa mùa này nhỉ ?

BÍCH : Mưa rầu thấy mồ.

QUANG : Bích, em bao nhiêu tuổi ?

BÍCH : Ủa anh hỏi chi kỳ vậy ?

QUANG : (cười, đặt cái ly lên thành máy hát) Tự dưng mê em quá.

BÍCH : (reo) Má ơi !

QUANG : (đột ngột) Lam năm nay hai mươi tuổi. Nếu đủ tuổi tụi anh đã mang nhau ra Tòa Đô Chính làm giá thú rồi.

BÍCH : (lại ngồi xuống cạnh người đàn ông, cười) Anh, em đủ tuổi rồi đó ?

QUANG : (lắc đầu) Thư thả, thư thả đi em ! Em tên thật là gì nào ?

BÍCH : Anh kỳ. Anh biết rồi mà ?

QUANG : Vẫn nói láo. Ngọc Bích hả ? Tên bịa.

BÍCH : (buồn bắt chợt) Cóc cần ai tin tụi em cả.

QUANG : (vội) Không phải. Anh đùa đó. (thân mật) Bích này, em tin rằng người đàn bà đó sẽ nhớ anh chẳng ? (cười) Anh đùa đấy. Chuyện đó chỉ anh biết, (nói to) Độ sầu đâu rồi ?

(Im lặng hoàn toàn. Một tiếng cách, đĩa nhạc mới chuyển dần. Người đàn ông khập khượng đứng dậy, cái mũ

lệch vẫn chụp một nửa mái đầu phía sau. Tiếng giày gõ rờ rạc trên nền đá hoa bóng, khô. Trong khi Quang đi ra phía cửa thì Bích lặng lẽ ngồi ngắm theo. Nàng xoa nhẹ tay lên mặt mình. Quang đi vòng theo mép tường, ngó vô định quang cảnh quán rượu lúc bấy giờ. Khi chàng đi hết vòng, quay trở lại chỗ cái máy hát Bích vẫn xoa tay lên mặt).

QUANG : (kêu) Bích, (bình thần lại) Bích, khóc đó à ?

BÍCH : (cười nhẹ nhàng) Em mà khóc được sao ? Em khóc để làm gì ? Em khỏi lo cái gì hết. Sống sao hay vậy anh à.

QUANG : (ngồi xuống, đi màu thuốc lên tay ghế.) Em biết tại sao anh buồn không ? Lam ấy à ? Không phải. Anh buồn vì chuyện khác.

BÍCH : (dò hỏi) Tán em hả ? Không vì bà Lam thì còn cái gì khác đâu ? Sống độc thân này, có tiền này, sướng quá rồi còn gì ?

QUANG : Anh chán. Không biết sáng mai anh sẽ dậy hay ngủ. Sáng mai, sáng mai. Thức dậy ngó khoảng trống bên cạnh mình, tâm hồn trơ ra như một

viên gạch nơi sàn nhà.

BÍCH : Anh đã từng sống với bà Lam ngày nào chưa ?

QUANG : Em con nít nhỉ ? Tụi anh từng ở với nhau non một năm.

BÍCH : Thế thì bà ấy đi là may cho anh rồi.

QUANG : (cười) Mới đầu thì thú lắm. Đang sống với vợ mà được đi một mình, ăn một mình, nhất.

BÍCH : Em hỏi thật anh : bà ấy đi đâu ? Bỏ anh à ? Hay đi xa vì... công chuyện ?

QUANG : Ở xa, xa lắm, (bối rối) Lam đi đã lâu rồi.

BÍCH : (trầm ngâm thở khói thuốc) Anh có tin tưởng gì ở bà ấy không ?

QUANG : (châm một điếu thuốc mới, chậm rãi ngừng máy hát và thay một đĩa mới. chàng phác một cử chỉ dẫn đo sau cùng bằng cách vuốt tóc. Mái tóc ngắn mà bông). Tin tưởng ở Lam ? Tin tưởng cái gì ? Em hỏi câu đó hơi khó. Em có biết rằng Lam đã... (ngập ngừng) Lam đã chết.

BÍCH : (ngạc nhiên). Vậy mà nghe anh nói em cứ nghĩ Lam hãy còn sống. Anh Quang,

(*giọng bình thản, thoáng vui*)
Lam chết rồi, thế là Lam chung
tình với anh nhất. Chung tình
đến cuộc thay đổi cuối cùng.
Em như anh thì em vui mới
phải.

QUANG : (*cười buồn*). Như
thế nếu còn sống chúng ta
không thể yêu nhau mãi.

BÍCH : (*lưỡng lự, thối khỏi
thuốc đề suy tính thiệt hơn*) Em
tưởng. Em tưởng... cũng đúng.
Đúng thế.

QUANG : (*lắc đầu cười*)
Nghe em nói càng thêm chán
đời. Chết ? Chết là cách giải

quyết êm đẹp nhất ? Anh không
bao giờ nghĩ được như vậy. Chết
là thua. Người chết không thua
nhưng người còn sống thua.
Lam không thua, anh mới thua.

BÍCH : Anh buồn vì thế đó à ?

QUANG : Không. (*lắc đầu*)
Không biết. Nhưng anh bối rối
vì chán cái chết. Bây giờ anh
đang ngồi đây với em. Anh cầm
cái ly này, ngồi trên cái ghế này,
nghe cái đĩa hát này, hút bao
thuốc này. Mai cái ghế này vẫn
còn đây, mai cái ly này được
rửa sạch sẽ gói thuốc còn dăm
điếu. Anh đã chết, chết từ lúc



nào không biết. Đến nỗi như
anh không có thật. Chỉ là một
cái bóng, thoáng qua, đi mất.

BÍCH : Nghe anh nói kể cũng
chán. Nhưng làm sao anh chết
được ?

QUANG : Vậy mà đêm nay,
lát nữa, anh sẽ chết.

BÍCH : Thôi đừng !

QUANG : Em sẽ thấy. (*Vút
nửa điếu thuốc đang hút dở,
đề nó bốc khói trên mặt sàn.
Vuốt tóc nữa. Một lát chàng
kẹp hai ngón tay vào mấy cái
răng cửa và rung*) Em nhớ
đọc báo ngày kia, ngày kia gì
đó.

BÍCH : (*nhìn người đàn ông
dăm dăm, gọi*) Anh.

QUANG : (*không đáp, đứng
dậy. Chàng bước lơ đãng ra
phía cửa, mắt nhìn bất động
qua tấm kính. Ngoài trời mưa
rì rào như sắp ngớt cơn. Cô
gái không còn đùa cợt, lặng
lẽ đến sau lưng người đàn ông.
Nàng vuốt ve cái cổ áo sơ-
mi lấm tấm gàu của chàng,
mắt cũng ngó ra ngoài mưa.
Đêm đã khuya, tiếng xe cộ
thưa thớt vọng lại. Tiếng máy
tàu từ ngoài bến âm âm một
nhịp đều đặn buồn bã*)

BÍCH : Lam chết khi nào,
anh ?

QUANG : (*nhìn chăm chú
người con gái*) Lâu rồi, hai ba
tháng nay.

BÍCH : Vì sao lại chết ?

QUANG : Tự đứng. Tự đứng
sống thì tự đứng chết. Cái
sống có sẵn và cái chết cũng
đã ở đấy. (*cười*) Anh cũng vậy.
Em biết khi trước anh là võ
sĩ, mỗi lần lên đài anh đều
thấy mình sống bần quá. Cuối
cùng anh là vô địch, năm ấy
là năm Lam còn sống. Vô địch
tức là cái cơ bản nhất mà anh
đã sống tới. Anh nghĩ có lẽ
chân tay anh bần quá. Còn cái
gì khác nữa...

(*Chàng thi sĩ ngừng nói.
Ngoài trời mưa nhẹ dần. Bích
ôm ngang lưng chàng, diu
chàng về ghế ngồi. Đèn bỗng
tắt phụt.*)

BÍCH : Độ Sầu đây à ? Bật
đèn lên đi. Bậy nào.

Im lặng. Mưa rơi rì rào.
Hai cái bóng đứng gần nhau,
thân mật, lặng lẽ. Người đàn
ông cúi xuống. Cái bóng hai
người thu gọn vào cửa kính,
lưng linh trên một độ sáng mờ
nhạt của nước mưa và đèn
đường hắt vào.

QUANG : *(thì thầm, gục đầu lên vai người con gái)* Mai em sẽ không còn gặp anh nữa.

BÍCH : Anh đi xa Saigon à ?

QUANG : Đêm nay anh chết. Anh cho em cái này nhé.

(Trong bóng tối người đàn ông móc túi và mở ví. Chàng cầm một vật gì đó đặt vào tay người đàn bà).

BÍCH : Gì vậy anh ? Anh định tự tử thật đấy à ?

QUANG : *(đột ngột đổi giọng)* Em tưởng anh nói đùa với em từ ban nãy đến giờ đấy à ?

BÍCH : Không. Em không tin.

QUANG : *(dúi người con gái ra phía cửa theo một vũ điệu tưởng tượng)*

Cũng không sao ? Có gì quan trọng đâu mà phải tin hay không. Miễn em nhớ, khi nào đó, một tháng sau hay một năm sau, là anh đã có sống ở đời, đã để lại một vài dấu vết trong cuộc sống của em. Anh chỉ hy vọng ở em có thể.

BÍCH : Nếu chỉ có thể thì anh không lo. Em sẽ nhớ anh.

QUANG : Cảm ơn em trước. Thôi anh đi. Anh chúc em ở lại được sung sướng, gặp được người yêu, sống cuộc sống an ninh. Thế là hạnh phúc rồi. *(Rời người con gái, bước đi).*

BÍCH : Anh Quang. Anh... khóc đó à ?

QUANG : *(cười buồn, dấu mặt trong bóng tối)* Không. Có gì đáng tiếc đâu ?

BÍCH : *(xao xuyến)* Mà anh... anh định... thật đó à ? Anh vừa đưa cho em xấp giấy gì vậy ?

QUANG : *(ngừng lại ngoài hiên, mưa nhỏ giọt nơi mái tôn.)* Khi anh đi rồi em hãy đọc mảnh giấy đó. Địa chỉ của anh cùng một bài thơ tặng em và ít lời dặn các cơ quan hữu trách. *(Bỗng khóc, hai dòng nước mắt nhỏ, rơi trên khuôn mặt khô héo.)* Bích, vĩnh biệt em. *(Bước vội ra)*

BÍCH : *(bối rối chạy theo)* Anh Quang.

QUANG : Thôi em vào đi. Gì đó em ?

BÍCH : *(ngập ngừng)* Hay là.. em về với anh đêm nay nhé.

QUANG : Cảm ơn em, không được đâu.

BÍCH : *(nổi giận)* Anh kỳ vừa vừa chứ. Anh tưởng ai em cũng đòi thế sao ? Người ta nắn nỉ em còn si và nữa là khác. Em không thể để anh chết thế được. Đi, em đi với anh suốt đêm nay.

QUANG : *(lắc đầu)* Anh đã bảo không.

BÍCH : Anh không thể chết vô cớ thế được. Phải có lý do thì mới đáng chết chứ ?

QUANG : *(khô khan)* Lam là lý do của anh.

BÍCH : Chỉ nghe anh nói đến Lam, Lam, Lam. Mà chắc gì Lam có thật, hay anh lại bịa ?

QUANG : Tùy em. Không việc gì đến em hết. Thôi anh về. *(bước vội)*

BÍCH : *(nổi sùng)* Thầy kệ anh. Anh sống hay anh chết can gì đến ai chứ ?

QUANG : *(chớp mắt)* Đúng. Em nói đúng. Không liên quan đến ai hết.

Chàng bước hẳn ra phố. Mưa còn rơi. Người nữ thu ngân viên đứng tần ngần nhìn theo trong

bóng tối cho đến khi người nữ sĩ vô địch kiếm thi sĩ khuất vào một góc phố. Lúc bấy giờ tiếng máy nổ âm âm từ bờ sông vọng lại...

★

Trích một nhật báo phát hành 3 hôm sau

... Theo cuộc điều tra của chúng tôi thì tất cả bạn hữu và họ hàng thân thuộc của võ sĩ Quang đều cho biết rằng người con gái tên là Lam chỉ là một danh từ. Ông Quang không yêu một ai tên là Lam như cô Bích nữ thu ngân viên và anh Độ Sầu quản lý bar Phương Hoàng đã kể lại. Cô Bích lại cực lực thanh minh lá thư tuyệt mệnh của ông Quang — theo lá thư đó thì vì cô Bích đã cự tuyệt mối tình tha thiết của ông nên ông tự tử. Anh Độ Sầu cũng quả quyết cô Bích không phải là lý do cái chết của ông Quang. Vậy không lẽ ông Quang chết vô cớ ? Phải vì một lý do gì đó... Trong khi chưa tìm ra ánh sáng của vụ tự tử này, ông Độ Sầu và cô Bích đã bị tạm giữ lại để điều tra...

VIÊN-L NH

Chung quanh các giải NOBEL 62

* Võ-quang-Yến (Paris)

Hôm thứ hai 10-12-1962, đúng ngày giỗ của nhà hóa học Alfred NOBEL, lễ phát giải thưởng mang tên ông đã được long trọng diễn ra tại nhà Hòa nhạc ở Stockholm, kinh đô nước Thụy-điền, do Hoàng gia chủ tọa. Lần đầu tiên, người ta chú ý sự có mặt của các nhà đại diện hội BALZAN, sáng lập bên hai nước Ý và Thụy-sĩ, mang cùng tinh thần và nhằm cùng mục đích với các giải NOBEL. Ông chủ tịch hội NOBEL đã hết lời hoan nghênh hội BALZAN từ nay sẽ cùng hội NOBEL nâng cao các công tác khoa học, văn chương

và hòa bình trong mỗi năm. Giáo sư A. TESILIUS tuyên bố số tiền giải NOBEL hòa bình năm 1961 thưởng cho ông Cựu Tổng thư ký Liên hiệp quốc Dag HAM-MARSKJOELD sau khi ông này đã bị nạn từ trần, cũng được người thừa thụ là em của ông đem hiến để lập thành hội Sten và Dag HAMMARSKJOELD. Hội này sẽ kiểm phương tiện cho nghị viện Na-uy, có nhiệm vụ cấp phát các giải NOBEL hòa bình, để thưởng tất cả các hành động có tính cách nâng cao sự hiểu biết giữa các dân tộc trong tinh thần của ông Cựu Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

XUNG QUANH GIẢI NOBEL NĂM 1962

Trong số bảy người được giải NOBEL năm 1962, chỉ có sáu người có mặt ở Stockholm:

Giải sinh lý-y học: hai nhà di truyền học F.H.C. CRICK (Anh), J.D. WATSON (Mỹ) và nhà vật lý học M.H.F. WILKINS (Anh);

Giải hóa học: hai bác sĩ J.C. KENDREW (Anh) và M.F. PERUTZ (Anh);

Giải văn chương: văn sĩ J. STEINBECK (Mỹ).

Còn giáo sư L. LANDAU (Nga) được giải vật lý học, vì bị nạn xe hơi, không thể qua Stockholm lĩnh giải được. Tuy nhiên, sau khi công trạng đã được nêu ra, tất cả phòng đều đứng dậy vỗ tay hoan nghênh ông. Đồng thời, ở trong một bệnh viện bên Matscorva, ông Đại sứ Thụy-điền ở Liên-bang Xô-viết trao lại cho nhà vật lý học những chứng thư của giải thưởng.

Người ta đề ý đặc biệt năm 1962, nước Anh chiếm bằng danh dự với bốn người được giải, mà trong số bốn người ấy đã có ba nhà khoa học thuộc viện đại học Cambridge. Theo các báo hôm phát giải, được hoan nghênh nhất không phải là phái đoàn Anh quốc mà là văn sĩ STEINBECK.

Văn sĩ là những kỳ thủ săn lạng của hy vọng và cạnh tranh.

Con người vạm vỡ, mặt đỏ, da dầm, môi trề lòng thông, STEINBECK trông có vẻ một tên cao bồi trong phim ảnh hơn là một nhà văn. (Về thân thể và sự nghiệp của văn sĩ, xin đọc Phở Thông số 96). Ông ta thường ghét lễ nghi và diễn văn. Hôm rời New-York lên đường qua Thụy-điền, ông đã tỏ ý sợ bài diễn văn cổ truyền phải đọc ở tòa đốc lý. Bạn ông, nhà văn A. MILLER, đã làm ông yên tâm: « Cứ tọa đâu có biết anh sẽ nói gì. Chỉ có một mình anh biết mà thôi. Chính anh đã nắm phần thắng lợi ». Và STEINBECK đồng ý: « Thắng lợi ấy đã giúp tôi nhiều ! »

Ai cũng đã nghe nói STEINBECK hằng tuyên bố không xứng với giải thưởng NOBEL văn chương. Tiếp các nhà báo hỏi tại sao, ông trả lời: « Các ông có biết có bao nhà văn đặc sắc ở Mỹ không? Bao nhiêu người cùng tuổi tôi, già hơn hoặc trẻ hơn, đang tiến lên? Chúng tôi có vô số. Tôi đã từng, kẻ một danh sách: Arthur MILLER, Karl SANDBURG, Robert



Văn sĩ JOHN STEINBECK
← nhận giải Nobel

Giáo sư M. WILKINS
trong phòng thí nghiệm



Những giải NOBEL năm 1962. Từ trái qua mắt :
giáo sư Maurice WILKINS, bác sĩ Max PERUTZ, nhà di tính học Francis
CRICK, văn sĩ John STEINBECK, giáo sư James WATSON, bác sĩ John
KENDREW. Vắng mặt : giáo sư Lev LANDAU.

FROST, John DOS PASOS, CALDWEL, Tennessee WILLIAMS, Jack KEROUAC,...» Trả lời câu hỏi giải NOBEL có thay đổi đời sống của ông không, và ông sẽ dùng số tiền thưởng 50.000 đô-la để làm gì, ông nói : « Khi tôi đang nghèo, thật đang cần tiền, tôi đã xin một trợ cấp để có thể viết một cuốn truyện. Người ta đã từ chối và còn từ chối hai lần khác nữa. Tôi liền cùng nhiều người bạn lập ra Nhóm các người bị từ chối. Muốn vào Nhóm phải bị từ chối ít nhất là ba lần. Người ta không bao giờ nhận được cái gì mình đáng được cũng như người ta không bao giờ xứng với những

gì mình đã nhận được. Tôi đã nhận giải thưởng trong một trạng thái xung đột. Đương khác, từ chối là một cử chỉ lỗ lã. Còn về số tiền thưởng thì là một chuyện tư nhưng có vẻ được nhiều người để ý đến. Tôi có thể cho biết là trong 15 ngày, người ta đã xin tôi một số tiền tương đương với 870.000 đô-la. Muốn trả số tiền thưởng ra thật chẳng khó gì ! »

Tối hôm 10-12, hội NOBEL

đã mở cuộc tiếp tân long trọng tại tòa đốc lý Stockholm với sự hiện diện của vua GUSTAV VI ADOLF. Trong buổi ăn, lần lượt các nhà được giải lên tiếng cảm ơn. Nhưng theo cổ truyền, người được giải văn chương phải đọc một bài diễn văn. STEINBECK đã chịu theo tục lệ : « Văn chương cũng cồ như lời nói. Vì nhu cầu của nhân loại, văn chương đã sinh ra nhưng không hề thay đổi và còn trở nên cần thiết hơn

nữa. Văn chương không phải là hiệu quả của những giáo đồ thiếu sinh hoạt, những người phê bình kém nhuệ khí, hát lên những kinh cầu của chúng trong những nhà thờ trống rỗng. Văn chương cũng không phải là một trò chơi cho một phần tử tinh anh nhốt mình trong nhà kín. Ủy nhiệm gia tiên của văn sĩ cũng không thay đổi. Nhà văn phải trình bày những tội lỗi, những thất bại vô số và trầm trọng của chúng ta, phát họa những giấc mơ u ám và nguy hiểm để đem lại tận thiện tận mỹ. Hơn nữa, nhà văn có nhiệm vụ phổ diễn và ca tụng tâm địa và tinh thần nhân loại, sự can đảm của con người trong lúc nghịch vận, dù tư cách đề có lòng trắc ẩn và tình thương yêu. Trong quá trình tranh đấu bất diệt chống sự nhu nhược và tình tuyệt vọng, các văn sĩ là những kỳ thủ sáng lạng của hy vọng và cạnh tranh. Một nhà văn không tin tưởng đắm đuối ở tính cải lương của con người là không ở trong ngành văn chương ».

Truy niệm đời sống và sự

nghiệp nhà khoa học Alfred NOBEL, STEINBECK tuyên bố: « Không đầy 50 năm sau ngày NOBEL mất đi, cửa thiên nhiên đã mở rộng và đặt chúng ta trước một sự chọn lựa cực kỳ khó khăn. Chúng ta đã chiếm đoạt biết bao quyền lực trước đây quy cứu vào Đức Chúa. Trong sự kinh sợ và thiếu kinh nghiệm, chúng ta đã đảm lĩnh quyền hành trên sự sống và sự chết của toàn thể giới. Chính ở ngay trong chúng ta mà chúng ta phải tìm ý thức của trách nhiệm và của khôn ngoan mà xưa kia chúng ta đòi hỏi ở một vị thần linh nào. Con người đã trở thành mối nguy hiểm lớn nhất và niềm hy vọng độc nhất của chúng ta. Và bây giờ chúng ta có thể dịch giải lời giảng của Thánh Jean: Sau cùng là lời nói và lời nói làm thành người và lời nói luôn ở với người ».

**sinh vật nhân tạo
hết còn là câu
chuyện viễn vọng.**

Nếu những lời của STEINBECK đã nhắc cho các nhà văn

sứ mệnh thiêng liêng của những người cầm bút, giáo sư LANDAU trên giường bệnh cũng đã nhắn cho các nhà khoa học một lời nhìn sâu xa của các cuộc khảo cứu. Sau một cuộc phỏng vấn của các nhà báo, ông kết luận: « Tôi là một người nhiều hình trạng. Tôi là một trong những số hiếm có các nhà vật lý học đã quan sát toàn diện các lý thuyết vật lý học. Năm 1926, khi tôi khởi đầu cơ nghiệp khoa học, những nhà lý thuyết phải lo về toàn thể, ngày nay môn vật lý lý thuyết không còn bao lâu nữa ». Thật vậy, đầu tấn sĩ từ năm 19 tuổi với một luận án vật lý học về các quanta, giáo sư LANDAU đã lần lượt khảo cứu về từ tính, về các bức xạ vũ trụ, về các lực liên kết nguyên tử thành phân tử, về khí heli-um ở khoảng gần số không tuyệt đối, và gần đây giáo sư học hỏi về cách biến đổi vật chất, cách ngưng đặc và khám phá ra những « chuẩn bộ phận nhỏ » là những bộ phận hoàn toàn lý thuyết nhưng rất cần để giảng giải những hiện tượng ở nhiệt độ thấp. Nhân viên viện Hàn lâm khoa-học, giáo sư còn có soạn một bộ sách cổ điển có tiếng

về môn Vật lý lý thuyết. Giáo sư LANDAU là một trong những nhà khoa học còn lại của thời đại đã qua may mắn chưa hằng biết tính cách bất buột của một sự chuyển hóa.

Trái lại với giáo sư LANDAU được thưởng chung cho tất cả các công tác của mình, các nhà khoa học khác đã được nêu danh bằng vàng nhờ những khám phá mới lạ thuộc về các phân tử cốt yếu nhất cho đời sống: các prôtêin (KENDREW, PERUTZ) và các axit nucleic (CRICK, WATSON, WILKINS). Ở vào một thời buổi mà sự chuyển hóa đã bắt đầu rõ ràng, mỗi người chỉ có thể khảo cứu sâu xa trong một ngành, người ta phải nhận ngay sự cần thiết về liên quan giữa các môn khảo tầm. Ở đây, ta thấy một sản phẩm hoàn toàn lý học là quang tuyến X được các hóa sư dùng để khảo sát về máu cũng như được các bác sĩ vận dụng để học hỏi về tính chất di truyền. Đáng khác ta lại đề ý hai bác sĩ y khoa (KENDREW, PERUTZ) đoạt giải hóa học và một vật lý sư (WILKINS) được đặt tên cùng hai nhà sinh vật học (không phải

bác sĩ y khoa) (CRICK, WATSON) trong một giải sinh lý y khoa.

Không phải là tình cờ mà các nhà bác học đua nhau khảo cứu về những phân tử còn con cốt yếu của sinh vật : đây là lúc cần phải đi sâu vào những cấu tạo phân tử của vật sống để tìm hiểu rộng thêm vào đời sống của con người KENDREW và PERUTZ cho vào các prôtêin hình cầu những nguyên tử nặng như vàng và thủy ngân, dùng quang tuyến X vẽ ra những hình nhiễu xạ có thể quan sát được rồi từ đấy suy luận ra cách sắp đặt trong phân tử. Ta thấy tất cả tính cách quan trọng của cuộc khảo cứu khi ta biết prôtêin hình cầu là những giểu tổ có một công tác hóa học đồ sộ trong các tế bào sống. Hai bác sĩ KENDREW và PERUTZ là những người đầu tiên đã phân giải ở cấp nguyên tử, đầu tiên dẫn bước vào một thế giới tí hon vô cùng mới lạ.

Bên phần CRICK, WATSON và WILKINS, công tác học hỏi về các axit nucleic cũng không kém phần hào hứng. Giữa các nhà sinh vật học, ai mà không biết « đường xoắn ốc » CRICK

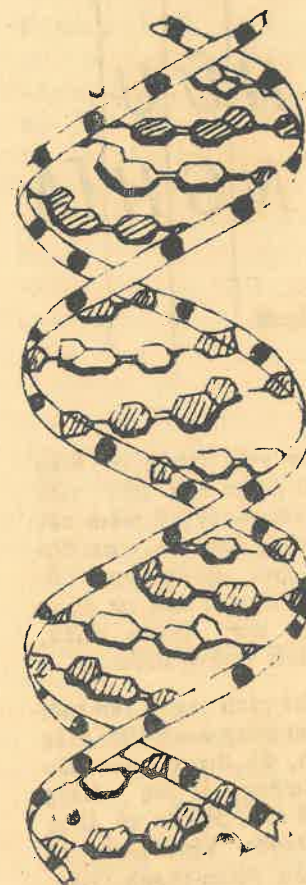
và WATSON. « Đây là biểu tượng của phân tử ADN (Axit Đêôxyribô-Nuclêic), nơi chứa đựng những bộ hạt di truyền mà hai ông đã xác định cấu tạo cách đây mười năm. Sau này WILKINS đã dùng quang tuyến X chứng thực cấu tạo ấy. Phân tử ADN giống như một cái thang vẹo mình mà hai thành dựa là hoặc chất đường (đêôxyribôt) hoặc axit photphoric, còn các nấc thang là các loại bazo amin. Có tất cả 4 loại (timin, cytôdin, adenin và guanin), tùy cách sắp đặt, hợp nhau lại thành bộ ám hiệu chỉ định cách chuyển di thừa kế từ tế bào mẹ qua tế bào con. CRICK và WATSON cũng kiểm được cách đọc được bộ ám hiệu này. Tiến triển khoa học thật lớn lao trong những năm qua. Chỉ lấy một chi tiết là thấy ngay những nỗi khó khăn của cuộc khảo cứu : làm sao mần mọ, học hỏi được những phân tử nhỏ cỡ một phần ngàn ly? Vậy mà máy móc tối tân đã đưa đường chỉ lối được cho các nhà bác học. Giờ đây, họ đang còn hằng mong vận dụng ở những bộ phận nhỏ hơn, cỡ phần ngàn triệu ly,

suy nghĩ phương cách kỹ thuật để mố dộng vào những nấc thang của phân tử ADN. Nay mai, các prôtêin nhân tạo sẽ ra đời, những cực trùng sẽ mọc lên khi người ta muốn,

sinh vật nhân tạo một ngày gần đây cũng chẳng còn là một câu chuyện viễn vông.

Với những tiến triển vĩ đại trong các ngành khoa học, với những ý thức về trách nhiệm mà STEINBECK đã nêu lên, chúng ta có thể rùng mình sợ hãi nhưng cũng nên bình tâm tự hào đã may mắn được sống một thời đại luôn luôn đổi mới, đồng thời là một thời đại làm trung gian giữa những cuộc sống hoàn toàn khác nhau, vì rồi đây tương lai nhân loại sẽ chứng kiến vô số biến thiên.

● VÔ-QUANG-YẾN



PHÂN TỬ ADN
giống như một cái thang vẹo mình
Thành dựa :
đêôxyribôt
axit photphoric
Nấc thang : (bazo amin)
timin
cytôdin
adenin
guanin



• **BÙI
HỮU
NGHĨA**

Ngô-Thành-Long ★ Nguyễn-Tân-Lộc

CUỘC cách mạng thành công, điều đó chứng tỏ rằng dân tộc Việt-Nam đã oanh liệt tranh đấu giành quyền độc-lập, thoát khỏi xích xiềng của thực-dân phong-kiến, mở một kỷ nguyên mới cho nước nhà. Giờ đây chúng ta hoàn toàn hãnh diện nhìn thấy tổ-quốc khỏi hiểm-họa xâm-lãng. Các quyền tự-do dân-tộc được kư-ý đặc-biệt. Và mấy năm vừa qua nước nhà có phát-động một phong-trào « Giác ngộ dân-tộc », chiêm ngưỡng công đức của các nhà cách-mạng tiền bối,

cũng như việc trùng tu, kiến thiết mộ phần. Rồi đến việc viếng thăm, ngày kỷ niệm các vị anh hùng dân-tộc, trợn đời hy-sinh cho giang-sơn Tổ-quốc, mọi người đều tự động đến lăng mộ, thánh miếu, thành kính tưởng niệm.

Các nhà cách mạng tên tuổi miền Nam sống oanh-liệt, thác lưu danh, đã được quốc dân tuyên dương, ái mộ, bằng chứng rõ rệt : Sài-gòn có lăng Lê-văn-Duyệt, Vĩnh-Long có thánh miếu Phan-thanh-Giản, Nguyễn-trung-Trực ở Kiên-

Giang, Thủ-khoa-Huân ở Gò-Công...

Ngoài việc được quốc-dân sùng kính, tri ân, các cụ còn được ghi tên nơi quốc sử, Lòng ưu ái của toàn dân với những nhà cách mạng lão-thành như thế thật không còn gì quý hóa cho bằng. Tuy nhiên, chúng tôi không khỏi đau lòng khi thấy cụ Bùi-hữu-Nghĩa, nhà cách mạng miền Nam suốt đời hy sinh vì đất nước, nêu một tấm gương trung-liệt, thề mà khi đã chết, không được ai nhắc nhở, cả đền quốc sử cũng không ghi chép công đức của cụ.

Đứng về phương diện khách quan, chúng tôi xin trình bày ở đây tất cả sự thật để chứng minh cụ Thủ-khoa-Nghĩa không được lịch sử ghi danh, mà chỉ có nhân dân địa phương thấu triệt tinh thần tranh-đấu và lòng liêm khiết mới ngưỡng mộ cụ mà thôi.

**Tinh thần bất khuất
của thủ khoa
Bùi-hữu-Nghĩa**

Ai xuôi ngược miền Hậu-Giang trên con đường Cấn-

thơ — Bình-Thủy khoảng bốn cây sỏ về phía tay phải, đi từ bờ lộ vào độ 200 thước thì thấy một ngôi mộ bề ngang khoảng ba thước, bề dài bốn thước, cạnh phần mộ có vài cây hoa sứ. Xung quanh đây có năm, ba mái nhà tranh, nếu ta hỏi thăm thề về cụ Thủ khoa, thì họ trả lời rằng : « Lâu lắm rồi chẳng ai đến viếng thăm và săn sóc ngôi mộ. Cách đây bốn, năm năm chỉ có một lần học sinh Trung học Phan-thanh-Giản tổ chức viếng mộ, đọc điều văn và làm cỏ ». Hiện nay có hai vợ chồng nông-dân tên Tô-văn-Thương cất nhà gần ngôi mộ, ra công săn-sóc nên quang cảnh đã bớt vẻ sầm uất âm-u.

Đề tỏ lòng ái mộ nhà cách mạng đồng hương, chúng tôi xin trình bày sơ-lược về thân thề và tinh-thần bất khuất của cụ Thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa, hầu xác nhận địa vị quan-trọng của cụ trong lịch sử nước nhà.

Bùi-hữu-Nghĩa sinh năm 1807, còn có tên là Quang-Nghĩa, hiệu là Nghi-Chi, người xã Long tuyến, tổng Định-Thời, huyện Vĩnh-Định,

phủ Định-Viên, trần Vinh Thanh (đời Minh Mạng là An-giang, nay là Cần-thơ). Xuất thân từ giai cấp bình-dân nghèo khổ. Quanh năm xuôi ngược, vất vả với nghề chài lưới, sông cuộc đời khổ cực. Nhưng trước cảnh thiếu thốn ấy không làm cho cụ nao núng, trái lại đó là một cơ hội để thử thách lòng nhẫn nại, chí cương quyết học tập để sau này trở nên một người lỗi lạc.

Đền Biên-Hòa cụ biết được Ông Đỗ Hoành, một nhà Nho đa văn quán kiền vì không chịu khuất phục bọn tham ô quan lại nên về quê mở trường dạy học.

Bùi-hữu-Nghĩa bỏ vợ nơi đất lạ quê người rồi cụ ngỏ lời xin vào ở trọ nhà cô Nguyễn-thị-Tồn (sau này là vợ của cụ) để tiện bề thọ giáo với thầy đồ. Bắt đầu từ đây, cụ cố gắng học hành, không lúc nào xao lãng. Đêm đêm người ta nghe tiếng cụ ngâm thơ, hoặc ngồi trảm ngâm bên ánh sách. Ông đồ Hoành nhận thấy trong đám học trò của mình không ai học hành giỏi giang và thông

minh như Bùi hữu Nghĩa. Một hôm, Ông đến nhà trọ của Bùi hữu Nghĩa, khoe môn đệ xuất sắc nhất của mình với thân phụ Nguyễn thị Tồn :

— « Lỗi lạc nhứt vùng đây. Văn chương đã hay mà tính tình lại khảng-khải. Họ suy vọng gần kẻ, tài đức đó mới đáng anh hùng chứ. Còn đợi gì nữa mà không nhận trâu cau đi, hỏi ông bạn già ? »

Quả như lời Ông đồ Hoành bảo, lúc 26 tuổi, nhằm năm 1835 (Minh Mệnh thứ 16), Bùi hữu Nghĩa thi hương đậu giải nguyên trường Gia-định, vì thế nên được gọi là Thủ-khoa Nghĩa. Năm sau lại một phen lều chông ra kinh thi hội, nhưng hỏng. Từ đây cuộc đời của một bạch diện thư sinh chuyển sang cuộc đời làm quan với chức Tri phủ Phúc Long (Biên Hòa). Vốn là con người cương-trực, cụ rất ghét bọn quan liêu thói nát, cậy thế lực hà-hiếp dân đen. Thế nên nhiều cuộc xung đột xảy ra giữa cụ và quan trên, cho ta thấy lòng cương quyết chí bất khuất,

luôn luôn ngự trị trong tâm hồn của Thủ-khoa Nghĩa.

Các mầm xung đột ấy vẫn tiếp diễn, càng lúc càng trở nên căng thẳng, có lần bị giáng chức từ Tri phủ xuống Tri-huyện nhưng cụ không hề nao núng. Một hôm, cụ ra lệnh bắt em quan Tổng-độc cân nọc đánh đòn vì dám láo xược với cụ. Tổng độc mặt mặt với nhân dân, tức giận chờ cơ hội để rửa thù. Cơ hội đã đến, khi ông còn giữ chức Tri huyện ở Trà Vinh (nay là Vĩnh Bình) có một cuộc lưu huyết thảm khốc xảy ra. Quan Tổng độc chạy sớ về Kinh tố cáo và đổ tội cho cụ. Vì xa xôi, vua Tự-Đức làm sao hiểu rõ sự oan ức ấy. Cụ bị triều đình tước chức và bắt giải luôn về Gia-định để chờ ngày trị tội. Với tai họa thập tứ nhất sanh, Thủ-khoa Nghĩa không hy-vọng gì mình oan cho mình. Trong cơn thất vọng ấy, Cụ quên rằng, vợ cụ người liệt phụ đất Đồng-Nai lặn lội về kinh vào Tam pháp Ty, nơi nhà vua thường ra vào để xét xử việc nước. Bà tự viết sớ minh oan cho chồng.

Nhờ vậy, thủ-khoa Nghĩa được tha nhưng bị giáng xuống làm « tiền quan hiệu lực » rồi dời ra làm phó quản cơ coi đốn Vĩnh-Thông (An-Giang). Gặp lúc quân Miên nổi loạn, Cụ bị bắt, nhưng được tha về.

Trải mấy mươi năm làm quan, bao nhiêu cái tủi nhục, bắt công làm cho cụ chán nản. Lại nghĩ đến lúc nước nhà gặp hiểm họa xâm lăng, nhiệm vụ của Nho-sĩ rất nặng nề, chẳng lẽ cúi đầu để rước lấy tủi nhục. Cụ cương quyết rũ áo từ quan, mở trường dạy học ở Bình-Thủy (Cần-thơ), uống rượu, ngắm cảnh, kết bạn với Cử-nhân Phan văn-Trị. Năm 1868 cuộc cách-mạng miền Nam nổi lên chống Pháp với những phong-trào bạo-động. Thủ khoa Nghĩa là một trong những nhà cách-mệnh miền Nam nổi lên chống Pháp, nêu cao tinh thần tranh đấu cho dân tộc, bên cạnh Trương-Công-Định, Nguyễn-trung-Trực, Thủ-khoa-Huân... Trước làn sóng ồ ạt của vô-khí Tây-Phương, các cuộc khởi nghĩa hoàn toàn bị thất bại. Một số nhà cách-mạng

bị bắt giải về Gia-định, trong số đó có Thủ-khoa Nghĩa, nhưng sau nhờ có người xin nên Cụ được tha.

Buồn vì đất nước tang thương, chán ngán trước thế thái nhân tình, Thủ-khoa Nghĩa uống rượu làm thơ tiêu sầu. Ông mất năm 1872 thọ 66 tuổi.

Ngoài công nghiệp cách mạng, Thủ khoa Bùi hữu Nghĩa còn để lại một sự nghiệp văn chương gồm những tác phẩm cả Hán lẫn Nôm và một vở tuồng « Kim-Thạch kỳ duyên » được truyền tụng đến ngày nay.

Dù rằng vong linh Thủ khoa Nghĩa không đòi hỏi ở quốc dân sự tri-ân, tưởng niệm. Nhưng bốn phận của kẻ hậu sanh phải biết nghĩ đến công ơn của ông cha ngày trước. Hay hơn nữa, nếu lịch sử gặt gao và cho rằng công nghiệp của Thủ khoa Nghĩa không hiền hách hoặc gian lao bằng các cụ Phan đình Phùng, Phan bội Châu Đê-Thám v. v... mà

không ghi tên cụ vào quốc sử thì tội nghiệp. Vì dù sao, cụ Thủ-Khoa Nghĩa cũng đồng thời với các đại thần như Phan thanh Giản, ngang hàng với các nhà cách mạng miền Nam, cùng một tôn chỉ giải phóng xứ sở, có công trong nền văn hóa nước nhà.

Với tất cả lòng thành kính, chúng tôi thiết tha mong mỗi nhà viết sử hãy đặc biệt lưu tâm đến các nhà cách mạng vô danh, coi công đức của Thủ khoa Nghĩa cũng như công đức của các bậc anh hùng tiền bối vậy.

Trước hương trầm nghi ngút ở các lăng tẩm, thánh miếu, ngày kỷ niệm của các cụ, người ta rộn rịp, chiêm-ngưỡng các vị anh hùng có công với Tổ-quốc. Người ta còn quên rằng ở ngoại ô Tây đô, mộ phần cũng như linh hồn bất khuất của cụ Thủ-Khoa Nghĩa ít ai nhớ tới...

• NGÔ-THÀNH-LONG
và NGUYỄN-TẤN-LỘC
(Tây-đô)



* John Steinbeck

VIÊN the pearl QUÝ

NGỌC

● LÊ-HUY-OANH dịch

CUỐN Viên ngọc Quý kể lại thảm kịch của một gia đình ngư phủ gốc người Ấn sống trên đất Mỹ vào cái thời nước đó chưa văn minh hùng cường như ngày nay. Kino, người chồng; Juana, người vợ, và đứa con nhỏ Coyotito. Kino làm nghề mò ngọc trai. Hằng ngày bác buộc ngang thắt lưng một hòn đá lớn, chèo thuyền ra khơi nhào xuống đáy biển để mò ngọc. Cái nghề nguy hiểm và vất-vả đó không mang lại cho gia đình họ sự sung túc đầy đủ. Chỉ những viên ngọc lớn mới bán được nhiều tiền nhưng chưa bao giờ bác Kino mò được một viên ngọc khá dĩ đáng giá. Nhưng bác vẫn không thất vọng, vẫn ngày ngày kiên nhẫn lao mình xuống đáy biển mò ngọc trai...

Một sáng kia, đứa con nhỏ của Kino là Coyotito bị một con bò cạp cắn. Hai vợ chồng lo sợ bề con ra tình nhờ bác sĩ chữa hộ. Nhưng vì thầy họ nghèo khổ, viên bác-sĩ từ chối không chữa, cho đẩy tớ ra nói với họ là bác-sĩ đi vắng.

Họ đau khổ ôm con về. May mà đứa con độc nhất đó qua khỏi tai nạn hiểm nghèo nhờ sự săn sóc tận tâm của người mẹ.

Vì họ nghèo nên xã-hội khinh rẻ họ, không ai muốn kết giao với họ. Họ buồn tủi sống lặng lẽ heo hút trong một túp lều lụp xụp gần bãi biển. Tuy nhiên, họ vẫn đạt được hạnh phúc nhờ ở sự thương yêu nhau. Chồng thương mến vợ, vợ kính yêu chồng và cả hai cùng đứa con nhỏ như trứng mỏng.

Thế rồi một ngày kia Kino mò được một viên ngọc trai rất quý, lớn nhất trong tất cả những viên ngọc mà người ta mò được từ trước tới nay. Với viên ngọc này, vợ chồng Kino sẽ trở nên giàu sang, sung sướng. Tin Kino mò được viên ngọc quý lan truyền khắp nơi trong vùng. Bây giờ thiên hạ mới ần ần kéo tới túp lều của Kino để nịnh bợ. Cả cái tên bác sĩ ich kỷ cũng thân đến nhà Kino để chăm sóc cho Coyotito.

Nhưng từ khi có viên ngọc quý, vợ chồng Kino đã phải hết sức vất vả khổ cực để bảo vệ nó. Bọn buôn ngọc lưu manh tìm đủ cách chiếm nó. Trộm cướp rình mò chung quanh lều của họ hòng đoạt lấy viên ngọc. Và cũng vì bảo vệ viên ngọc cũng như bảo vệ sinh mạng của gia đình nên Kino đã vô tình giết người. Kino biến thành một kẻ sát nhân bắt đắc dĩ. Vì luật pháp không dung tha những kẻ sát nhân nên Kino phải đưa vợ con và mang viên ngọc quý trốn vào rừng. Bọn Sheriff đuổi theo họ. Một đêm kia, người của nhà chức trách còn đã vô tình bắn chết đứa nhỏ Coyotito. Đời với vợ chồng Kino, không có một viên ngọc nào quý báu bằng Coyotito. Thế mà bây giờ đứa con yêu quý đó chết, vì viên ngọc trai mà chết. Viên ngọc ấy không mang hạnh phúc cho họ nhưng đã mang đến cho họ những tai họa ghê gớm. Viên ngọc đã khiến cho họ uống cái chén đắng cay nhất trong đời. Điên cuồng vì đau khổ, hai vợ chồng Kino dắt tay

nhau trở về tỉnh để tự nạp mình cho nhà chức trách. Trước khi nạp mình, họ đã ném viên ngọc quý xuống biển bằng một dáng điệu khinh bỉ trước sự chứng kiến của kẻ đồng loại.

Với một cốt chuyện kỳ lạ như vậy, cuốn *Viên Ngọc Quý* đã hấp dẫn người đọc từ đầu đến cuối. Nhưng cái giá trị nổi nhất của cuốn truyện là đã nói lên cái thân phận đau đớn của con người, tượng trưng bằng gia đình Kino. Thiếu cơm ăn, thiếu áo mặc, họ sống bằng tình thương, bằng sự can đảm và niềm hy-vọng. Rồi một ngày, niềm hy-vọng đó trở thành sự thực, thể hiện bằng một viên ngọc quý. Nhưng than ôi, Hạnh-Phúc vừa thành hình đã tan vỡ như một bong bóng xà-phòng. Sự tan vỡ đó còn đưa đến những hậu quả đau đớn. Con người thường đuổi theo ảo ảnh của sự phú quý giàu sang. Nhưng ít người có đủ sáng suốt nghĩ trước rằng sự giàu sang phú quý chưa chắc gì đã tạo ra hạnh phúc. Trường hợp gia đình Kino đã chứng minh hùng hồn điều đó.

Trong cuốn *Viên Ngọc Quý*, John Steinbeck còn đã bày tỏ sự hân học, khinh bỉ của ông đối với những cái hèn hạ, thấp kém của loài người. Viên bác sĩ trong truyện biểu dương cho sự đề tiện của con người. Bọn trộm cướp, gian thương đã biến xã hội này thành một địa ngục. John Steinbeck đã gặp Jean Paul Sartre trong cái quan-niệm : Địa-ngục chính là những kẻ khác sống chung quanh chúng ta (L'enfer, c'est les autres) Đọc cuốn *Viên Ngọc Quý* của Steinbeck, tâm hồn độc giả sẽ nặng trĩu một sự bi quan về cái tính chất phi lý của cuộc đời. Sự bi quan đó sẽ đưa tới một sự phản nộ cùng với một cái triết-lý bi đát. Đọc xong cuốn *Viên Ngọc Quý*, người ta cũng sẽ không khỏi không nghĩ tới Albert Camus và Clément Rosset. Người ta cũng đâm ra nghi ngờ cái chủ trương « Ở hiền gặp lành » trong những giọng tư tưởng Đông-Phương. Chính cái sự nghi ngờ đó đã khiến người ta phải nghĩ ngợi rất nhiều đến cái thân phận con người do Steinbeck nêu ra trong *Viên Ngọc Quý*.



Kino và Juana đi qua thành phố như thành phố không có ở đây. Mắt họ không nhìn phải, nhìn trái, không nhìn lên nhìn xuống, mà nhìn thẳng về phía trước mặt. Chân họ chuyển một cách hơi cứng nhắc giống như chân những con búp bê tình xảo bằng gỗ, và họ dần theo những trụ kinh hoàng chung quanh họ. Khi họ bước qua thành phố bằng đá trát vữa, những tên buôn ngọc lấp ló sau những khung cửa sổ nhìn họ, bọn đầy tớ ngó qua khe cửa, và những bà mẹ quay mặt, những đứa con nhỏ nhất của họ úp vào váy họ. Sánh vai nhau, Kino và Juana rảo bước qua thành phố bằng đá trát vữa, đi xuống phía những ngôi nhà trong đám lau sậy. Những người hàng xóm đứng đợi ra nhường lối cho họ qua. Bác Juan Tomás giơ tay lên chào nhưng không thốt ra lời chào hỏi và cứ để bàn tay bắt định một lúc trên không.

Trong tay Kino, Khúc

Hát Gia Đình nổi lên dữ dội như tiếng gào thét (1). Kino bất khả xâm phạm và đáng sợ, nên khúc hát của chàng trở thành một tiếng hò chiến đấu. Hai vợ chồng bước nặng nề qua cái khu khô héo, nơi dựng căn nhà của họ, nhưng họ cũng chẳng nhìn vào trong nhà. Họ rẽ đám lau sậy mọc bên bờ biển, đi xuống bãi cát tới rìa nước. Họ cũng chẳng nhìn tới con thuyền bè vỡ của họ nằm đó.

Khi tới rìa nước họ dừng lại, đưa mắt nhìn khắp vịnh. Rồi Kino đặt cây súng xuống, mò mẫm trong đám quần áo lấy ra viên ngọc lớn giữ trong bàn tay. Chàng nhìn vào mặt viên ngọc thấy nó xám lại và loang lổ. Những bộ mặt ma quỷ từ viên ngọc ấy nhìn soi mói vào mắt chàng, và chàng nhìn thấy ánh lửa cháy. (2) Trên mặt viên ngọc, chàng thấy đôi mắt điên dại của người nằm trong vũng ao (3). Trên mặt viên ngọc chàng thấy Coyotilo nằm trong chiếc hầm nhỏ, dính đầu bị đạn bắn thủng. Và viên ngọc xấu xí quá, nó xám ngắt như tội ác mọc lên. Và Kino nghe thấy điệu nhạc của viên ngọc, điệu nhạc méo mó như nhớp (1) Bàn tay Kino lắc nhẹ. Chàng thông thả quay sang Juana, xòe tay cho nàng thấy viên ngọc. Nàng đứng bên cạnh chàng, vẫn còn đeo trên vai cái bọc đựng xác đứa con. Nàng nhìn viên ngọc trong bàn tay

chàng một lát rồi nhìn vào mắt Kino thốt lên se se: «Không, anh».

Kino co tay về phía sau, dùng hết sức liệng viên ngọc ra xa. Kino và Juana nhìn viên ngọc vọt đi lấp lánh, thấp thoáng dưới ánh mặt trời đứng bóng. Họ nhìn thấy nước hơi tóe lên ở một quãng xa xa, và họ đứng bên nhau nhìn nơi đó một hồi lâu.

Viên ngọc đã rơi tòm vào làn nước biếc đáng yêu và chìm xuống đáy biển. Những nhánh rong rập rờn gọi nó và gật gật vẫy nó. Những ánh sáng trên mặt nó trở nên xanh biếc và đáng yêu. Nó chìm xuống đáy cát giữa đám hải thảo giống như những cây đuôi chồn. Một cơn sóng từ đáy biển nhào ra làm vùn lên một đám cát nhỏ. Khi đám cát lắng xuống thì viên ngọc mất dạng.

Và điệu nhạc của viên ngọc ngân như một tiếng thở dài rồi im hẳn.

● LÊ-HUY-OANH dịch

- (1) Tiếng hát và điệu nhạc đó là những tiếng trong tâm tưởng Kino.
(2) Sau khi Kino được viên ngọc nhà chàng bị cháy. (3) Đôi mắt của tên gian phi bị Kino giết chết.

(Chú thích của dịch-giã)

phiên ca

★ DƯƠNG-MINH-LOAN

Sao nhiều lá rụng thế này
Sao buồn phiền cứ giăng tay đan lời
Sao yêu thương cứ tan rời
Sao loài mây cứ muôn đời phiêu du
Sao ở đây vắng mùa thu
Sao cung ca lại trầm như thể nguyên
Bước chân nào rạn vỡ thêm
Mà thời gian cứ êm đềm trôi xuôi
Nỗi niềm xưa vẫn chưa nguôi...
Đầy hồn tôi những môi cười xót xa.



sầu hoang

★ BẢ-TÙNG
(Bình-Định)

Dấu chân in vết giang hồ
Sóng xe cát trắng cơ đồ tiêu tan
Hồn đi gió cuốn mây ngàn
Chiều rơi u tịch mang mang dạ sầu
Thoáng mơ một giấc đêm nào
Lặng nghe từng tiếng ngẹn ngào điêu linh.
Thời gian xóa buổi đấng trinh
Viễn phương riêng một bóng mình bơ vơ.

Những bí mật
trong

THẾ - CHIẾN THỨ HAI

★ Thiều-Sơn

TRẬN thế chiến thứ nhất kéo dài từ năm 1914 đến năm 1918 được người ta gọi là Đại chiến (La grande guerre) vì nó đã lôi kéo nhiều nước tham chiến, vì nó ác-liệt, tàn-phá và tàn-sát nhiều người hơn hết thảy những cuộc chiến tranh của nhơn loại cổ kim.

Nhưng 20 năm sau lại có một trận giặc rộng lớn hơn, ác-liệt hơn, tàn-phá và khủng-khiếp hơn là trận giặc kéo dài từ năm 1939 tới năm 1945 mà người ta gọi là Thế chiến thứ Hai.

So sánh với trận giặc này thì trận giặc thứ nhứt chỉ là một tiểu chiến chứ không đáng gọi là Đại-chiến nữa.



Trận Thế-chiến thứ hai này đã tiêu diệt 22 triệu người trong đó Nga chết nhiều nhất : 7 triệu. Kế tới là Đức : 3 triệu. Pháp : 200.000. Mỹ : 280.000, v.v...

Nhưng Thế-chiến thứ hai cũng chưa thật là Đại nếu có một Thế-chiến thứ III xuất-hiện với loại khí-giói hạch-tâm và những hỏa-tiến Liên-lục-địa.

Sau cuộc khủng-hoảng Cuba tháng 10 - 1962, chính Tổng-Thống Kennedy đã tuyên-bố nếu Nga không nhân-nhượng thì chiến-tranh nguyên-tử đã bùng nổ và chỉ trong một ngày đầu ở Nga, ở Mỹ, ở Âu-châu có lối 150.000.000 người bị hy-sinh. Ông còn nói thêm : chiến-tranh nguyên-tử nay mới ở giai-đoạn tấn-công chứ chưa tìm ra cách phòng-ngự, ví-dụ như người ta bắn ra một phát súng lục thì mình cũng phải dùng súng-lục để hủy-diệt viên đạn của đối-phương. Mà cả ngàn viên đạn như thế làm sao mà hủy-diệt cho nổi ? Chỉ còn có cách là thi đua trả đũa nhau để cùng chết với nhau và đưa luôn nhân-loại vào chỗ chết. Tổng-Thống Mỹ kết-luận : Đó là chung cuộc của Thế-giói, của tất cả (La fin

de tout le monde).



Mặc dầu nhân-loại đã tránh được ngày cùng vì vấn đề Cuba nhưng còn biết bao nhiêu vấn đề khác đều có thể sanh giặc được và thế giới đương bị bao trùm trong một không khí đầy nghi kỵ, kỳ thị và xung đột. Bầu không khí ngày nay có phần nặng nề hơn bầu không khí những năm trước ngày Thế-chiến thứ II bùng nổ.

Người ta nói Hitler đã gây nên cuộc Thế chiến thứ hai. Thật sự thì Hitler chỉ là người châm ngòi cho một cái pháo đương chờ nổ vì sau cuộc Thế chiến thứ nhất những nước thắng trận khi ký Hòa ước Versailles đã phạm phải lỗi-lầm nghiêm trọng để gieo mầm cho cuộc Thế chiến thứ Hai.

Sau cuộc Thế chiến thứ hai những nước thắng trận lại tái phạm những lỗi-lầm nghiêm trọng hơn nữa để gieo mầm cho một cuộc Thế chiến thứ Ba có thể sẽ bùng nổ ngoài ý muốn của những người lãnh đạo thế giới ngày nay.

Lịch sử chứa đựng những bài học vô giá.

Cuộc Thế-chiến thứ Hai là một kho tàng phong-phú cho ta khai-thác để học-tập để biết thêm về đời, về người, về sự tham-lam, về lòng giả-dối, về cái vô-nhân đạo của hạng người tự-xưng là văn-minh và hay nói tới nhân-dạo.

Hai ký-giả Jean Galtier-Boissière và Charles Alexandre đã lục-lọi tìm kiếm trong rừng tài-liệu về cuộc Thế-chiến thứ Hai để đưa ra ánh sáng những bí-mật về đủ các phương-diện : chánh-trị, ngoại-giao, quân-sự, kinh-tế và tâm-lý.

Tạp-chí *Crapouillot* đã đăng trọn trong 5 số đặc-biệt tác-phẩm của hai ông dưới nhan-đề *Histoire de la Guerre 1939-1945* (Lịch sử trận giặc 1939-1945).

Căn-cứ theo đó và những sách khác nữa tôi rút ra những đoạn chánh-yếu để giúp bạn đọc hiểu sơ-lược về những nguyên-nhân xa, gần của cuộc Thế-chiến nói trên và những ảnh-hưởng tai-hại của nó đối với bản-cờ thế-giói ngày nay. Cũng như dịp này ta biết thêm về giá-trị thật-sự của một số danh-nhân thế-giói, những danh-tướng thiếu dũng-lược, những trượng-phu thiếu nghĩa-khí và những con người khi đắc-thời thì hiều hiều tự đắc, khi thất-thế thì đê-tiện xấu xa.

Lịch-sử Thế-chiến thứ hai vừa giáo-dục thời-cuộc vừa giáo-dục con người.

Dân tộc Đức đòi một không gian để sống

Vai trò của cá-nhân không phải là hoàn-toàn không đáng kể nhưng phần nhiều họ liên-quan chặt-chẽ với những điều-kiện lịch-sử nó thúc đẩy họ hành-động và quyết-định trong những thành-công hay thất bại. Có những chánh-khách, những ngoại-giao lỗi-lạc rất hiệu-hòa mà không ngăn cản được chiến-tranh cũng như một vị danh-y có thể kéo dài sự sống mà không ngăn cản được cái chết. Những hiệp-ước, những hội-nghị cũng chỉ làm cho chiến-tranh chậm nổ nhưng rồi nó vẫn cứ nổ. Những phong-trào hòa-bình cũng thế, chẳng qua chỉ là những viên thuốc an-thần chứ chẳng tài nào ngăn chặn được chiến-tranh khi nó đã tới giờ phải nổ.

Chủ-nghĩa quân-phiệt cũng chỉ là một thương-tăng kiến-thiết nó nằm trên cái hạ tầng cơ sở là kinh-tế. Ngoài ra còn một yếu-tố quan-trọng nữa là vấn-đề nhân-khẩu. Mannel Delvadès đã nói một câu chí-lý :

« Những xung - đột kinh - tế giữa các dân-tộc biểu-lộ sự xung-đột của những nhu cầu vì lẽ sống của họ. Nhưng đằng sau sự-kiện kinh-tế còn có sự-kiện sanh-lý là sự sanh sản thêm miếng ăn và sự cần thiết kiểm soát miếng ăn cho họ ».

Hitler trong sách « Mein Kampf » đã nói trắng ra rằng nạn nhân-mãn là một trong những nguyên nhân chánh của chiến tranh.

Ông nói :

« Dân số Đức mỗi năm tăng thêm gần 900.000 người. Kiểm-nuôi đạo binh của những người công-dân mới đó là một sự khó khăn mỗi năm mỗi thêm kh. cho tới ngày có một biến-cố bùng nổ nếu không tìm được những biện-pháp thích-đáng để chặn đứng nạn đói ».

Đã vậy mà ông không chịu hạn-chế sanh-dục. Ông nói :

« Nhà nước quốc-xã không có ý-dịnh hạn-chế dân-số của mình. Chúng tôi quyết-dịnh cho phát-triển cái sanh-lực tự-nhiên của giống nòi ».

Hồi đó nước Đức đã có 80 triệu dân mà còn cho phát triển sanh lực theo nhịp điệu nói trên thì chỉ trong vòng 100 năm sẽ có 250 triệu nhân khẩu phải nuôi trong một lãnh thổ bị thu hẹp lại bởi Hòa ước Versailles sau Thế chiến thứ nhứt mà nước Đức đã thua trận.

Hitler không nghĩ tới việc chiếm thuộc địa ở xa mà nghĩ tới việc phải mở rộng biên giới để có thêm đất cho số nhân khẩu thặng dư. Ông đòi có không gian sinh tồn (espace vital) cho dân tộc của ông.

Ở Âu-châu có 3 dân tộc sinh sản mau hơn hết là dân tộc Đức Ý và Ba-Lan.

Chính một tờ báo Ý đã chê người Pháp không biết làm cho vợ mình có bầu để phát triển giống nòi và đề cao những « tử cung huyền diệu » của người đàn bà Ý đã ấp ủ sự cường tráng của dân tộc Ý. Ở đó sản xuất những thanh niên đầy nhiệt huyết làm cho những nước « dân-chủ bá láp » phải lung lay khiếp vía. Họ muốn ám chỉ nước Pháp và nước Anh.

Những nước này quá tham-lam đã chủ-trương chia-xẻ nước Đức bằng Hòa-ước Versailles nhưng không đủ sức kiềm chế cái sanh-lực của nó nên nó mới vẫy vùng quật khởi và làm cho họ phải điêu-dứng nhục nhã nhiều phen trước khi họ bị bắt-buộc phải chịu đựng một cuộc chiến-tranh miễn-cường.

Tuy-nhiên, vấn-đề nhân-khẩu chỉ là một nguyên nhân. Còn nhiều nguyên-nhân khác nữa sẽ nói ở những bài sau.

● THIẾU-SƠN



★ LÂM GIANG

Huyền Thúc Cung

CHUỐI

BỒ

ĐỀ

Chúng tôi có nhận được truyện ngắn rất đẹp sau đây mà tác-giả là một bạn bạn-phạm, từ Trung-Tâm Oải-Huấn Chí-Hòa gửi ra, có dấu kiểm-duyet của Thiệu-tá Quân-đốc Trung-tâm. Chúng tôi cũng có nhận được một bản kịch bằng Thơ rất hay, cùng một tác-giả, mà chúng tôi sẽ đăng vào số sau.

Chúng tôi hoan-hỉ đăng bài của các bạn trong khám Chí-Hòa, và xin gửi lời thân ái chào các bạn.

N. V.

TÔI đến xóm ấy tìm nó. Bạn tôi ở căn nhà cỏ, với mộc-kính, cuộc sống đơn-độc trong xóm bản và bụi. Nó sông cần cỗi ở đây. Nhiều khi tôi có ý nghĩ nếu nó chết đi thì mọi tương giao của nó với xã-hội này chấm dứt. Dĩ nhiên, còn lại chúng tôi — lũ bạn nó. Nhưng có cũng như không; vì khi nó chết rồi, hay nó sông; chúng tôi ít khi nghĩ đến thân phận của nhau; mặc dầu hiểu nhau, thân yêu như găng bó lấy nhau đây. Mỗi tháng một số kiếp — một cuộc đời.

— Tôi làm-bầm.

... Nhà nó đóng cửa. Tôi gọi tướng lên:

— Tịnh ơi! Tịnh có ở nhà không?

— Hừ? Đang ngủ đây.

Tôi đẩy cửa bước vào. Nó đang cõn trần nằm ngủ ở sàn nhà, đầu tóc rối bù. Sách vở nó vứt bừa bãi. Tôi ngồi bệt xuống tựa lưng vào vách. Tịnh nhìn tôi uể oải rồi lại nhắm mắt.

— Dậy mấy. Đi uống cà-phê với tao.

— Ừ... Trời nóng mệt quá — Nó ngáp dài — Buồn ngủ quá.

Bạn tôi lồm, cồm bò dậy; với cái quần ca-ki vàng trên ghề mặc rất nhanh, khoác cái áo sơ-mi vừa xám vừa chưa của thằng Hải cho. Tịnh cào qua loa cái đầu. Tôi quăng cho nó đôi dép nhặt bên cạnh tôi.

Chúng tôi ra đi. Trời nắng gắt. Nó huýt sáo một điệu nhạc buồn, bản nhạc rất quen thuộc với những người đã sông ở vùng « hậu phương » hồi năm 45-48. « Đêm tôi... Mấy xám đem thăm thương... nhìn trời bao sầu thương... trông thấy bao thăm thương... » Tôi nhìn sang nó nét mặt buồn, và lý như gọt vào đá. Nhiều khi trông nó rất hiền như bây giờ. Nhiều khi nó dữ như tên sát nhân.

— Uống ở Bạch Mai nhé! Tôi hỏi nó.

— Tao ghét thằng cha chủ quán lắm.

— Ghét nó, nhưng cà-phê của nó mày có ghét không?

Nó cười. Chúng tôi vào quán, ngồi ở bàn sát tường. Lão chủ quán ra, mặt Tịnh hăm-hăm: « hai phin ». Tôi hơi bứt rứt tự hỏi; không biết tại sao Tịnh lại ghét, lại thù lão chủ quán này. Người lão nhỏ thó, mặt quắt như hai ngón tay bắt tréo, cặp mắt vừa ti-hí, vừa lé. Tôi nhìn kỹ lão và không thấy gì đáng để bạn tâm thù ghét. Hẳn không xứng làm đối thủ của Tịnh. Tôi hỏi bạn:

— Thằng ấy mà mày thù à?

— Thù gì. Tao ghét và muốn đập vào mặt nó.

Tôi ngạc nhiên. Cà phê đắng, thuốc lá bay nhẹ nhẹ vào câu chuyện bị bỏ rơi. Mỗi đứa chúng tôi theo đuổi một ý nghĩ. Âm thanh rè-rè phát ra từ cái máy hát cũ. Tôi khó chịu:

— Tức mày nhì — Tịnh nói.

— Tức cái gì cơ?

— Cái gì — Cái đời chó cái gì. Cái kiếp bị ối của tao bị bỏ rơi chó gì. Tôi nhìn bạn mỉm cười:

— Thiên tài nhiều nỗi buồn lạ lắm.

— Con khi

— Mày thì đã có gì bỏ rơi với chẳng bỏ rơi.

— Có thì chẳng có gì. Nhưng lúc nào cũng có mặc cảm bị cướp bóc hết. Đã thế, tao có mặc cảm như mình vay nợ, món nợ không muốn vay mà phải vay với số lãi quá đắt.

Tôi lặng thinh. Bạn tôi hơi cảm giận và có những mặc cảm không đâu.. Uống cà phê xong, chúng tôi lững thững ra ngồi công viên. Cả buổi chiều hôm ấy chúng tôi ngồi ở đây. Bờ sông giờ này hơi nước bốc lên, khó chịu. Chúng tôi giữ lặng im. Mây đưa trẻ chạy nhảy hò hét trông vui vui. Cuộc sông của chúng hồn nhiên như những con bướm. Tịnh nhặt hòn sỏi ném một đứa nhỏ rồi mỉm cười, đứa nhỏ quay lại méo mồm sang một bên rồi nghe ngang đi. Tịnh quay sang tôi:

— Thuở nhỏ tao sông khổ như một con trâu.

Tại nhỏ chơi đùa dễ thương lạ. Tao có bệnh đau khổ.

— Mày tưởng! Hoàn cảnh sông làm cho mình khổ sở,

dần vật. Tạo ra khổ làm quái gì ? Nó kể cho tôi nghe thuở bé của nó. Lần đầu tôi biết về quá khứ của bạn tôi, mặc dầu chơi với nhau từ khi còn ở Nice. Điều đó rất dễ hiểu vì chúng tôi chơi với nhau nhưng trọng đời tư của bạn, không muốn dò hỏi nếu bạn không tự nguyện.

Ông bà già trong nhà Tịnh không phải là bố mẹ nó như lâu nay tôi vẫn tưởng. Thì ra bố mẹ nuôi. Bạn tôi không mồ-côi. Nó không biết đến bố mẹ đẻ của nó, mà những người sinh ra nó cũng không muốn sinh nó. Nó sinh ra như một sự không may và bị vứt vào đời. Mẹ nó sau khi sinh nó, đem cho ông bà Ngọc rồi đi tỉnh khác lấy chồng. Nó sống với ông bà Ngọc cho đến bây giờ.

Bố nó vẫn ở đây và có vợ, con — theo lời ông Ngọc — nhà bố nó khá giàu. Cả bố mẹ nó còn đây, nhưng hình như họ quên sự có mặt của nó ở đời. Còn nó, bạn tôi nó tự coi như một kẻ sinh ra mà không mang ơn sinh thành của bố mẹ.

— Tao có ở đời do một

sự ngẫu nhiên. Những người sinh ra tao không phải là bố mẹ tao.

Tôi định khuyên nó vài câu, nhưng cảm thấy nhạt nhẽo, vô ích. Nó rất thông minh và hay suy nghĩ, có thể những điều tôi muốn nói nó đã nghĩ đến nhiều lần.

Chiều nay thứ bảy. Càng về chiều, công viên càng đông người. Nắng nhạt dần trên đám cỏ vàng úa. Tịnh nhặt mấy viên sỏi ném một cách lơ đãng.

— Tao định tối nay lễ chùa. Nhưng lại thôi. Đề dành Phật đàn vậy.

— Mày không lễ chùa bao lâu rồi ?

— Ba bốn năm rồi.

— Mày nghĩ gì về tôn giáo của mày ?

— Nghĩ gì à ? Một tập quán ! Được bố mẹ nuôi đưa đến chùa từ hồi còn bé, rồi người ta đi lễ thì mình cũng đi. Nó thành thói quen mày à.

— Thế mày còn định đi Chùa làm gì ?

— Tao định đi lễ vì bà mẹ nuôi tao buồn phiền hoài vì tao không ngoan đạo. Tao hứa sẽ đi lễ đọc kinh cho bà

ta vui lòng. Tao sẽ đi lễ để giữ lời hứa với mẹ nuôi tao. Thề thôi !

Tôi giữ im lặng, nghĩ về bạn tôi. Nó nhiều tình cảm, vừa rất hiền, vừa rất dữ — Phải nói là dữ chứ không phải cục — nhiều khi nó có những hành động như tàn nhẫn. Bây giờ thì tôi hiểu tại sao nó thế : vì cái kiếp sống dần vật đạo đầy của nó. Nếu nó ngu dốt nó sẽ đỡ khổ hơn.

— Nay Tịnh, mày có tin Trời Phật không ?

— Mập mờ thôi. Không có thì vô lý, nhưng có cũng vô lý ! Có Trời Phật, tại sao lại có những đứa như tao. Còn mày ?

— Tao tin có Trời Phật nhưng không yêu thương chút nào. Tao cho là vẫn có Trời Phật với đầy đủ sự mẫu nhiệm nhưng tao cảm thấy xa lạ và lạnh nhạt. Người ta sống gần nhau mà không yêu thương nhau... yêu ông Trời sao nổi.

Tịnh mỉm cười. Tôi hỏi nó :

— Có bao giờ mày tìm đến nhìn mặt người cha đẻ của mày không ?

Nó cười :

— Vô ích. Tao thấy như thể là thừa. Có thấy mặt ông ấy thì tao vẫn là tao, một đứa con không cha không mẹ.

Tôi nhặt mấy hòn sỏi tung lên trời. Tịnh nhìn tôi dò xét :

— Mày cho tao là một thằng tàn nhẫn ?

— Không. Tôi ngắt lời. — Tao đang nghĩ về mày. Nói mày đừng giận, tao đang so sánh mày với một cái cây bị nhổ rễ, rồi đem trồng vào một chỗ đất không thích hợp. Mày sống có lẽ như phải cõ bầu vú lầy đời.

— Đùa ! Mày mà còn nghĩ về tao như thế ? Mày tưởng tao không còn ai để yêu thương sao ? Ông bà Ngọc là cha mẹ tao ; lũ chúng mày, bạn tao, và cái xóm này nữa. Cuộc đời tao gắn liền với những liên hệ tình cảm ấy.

Tôi hồi hận và hơi buồn. Tịnh vẫn đáng điệu buồn và lỳ. Trên đường về cả hai đứa cùng im lặng. Khi qua quán Bạch Mai, Tịnh kể cho tôi nghe tại sao nó ghét cay ghét đắng lão chủ quán. Thì ra

khi nó đậu Tú-tài phần hai, lão này bảo : «Cái thằng đi ở tớ mà cũng đậu Tú-tài » Lần ấy nó vác cây ra tìm lão. Người lồi xóm túm lại can, họ ôm chặt lấy Tịnh, Tịnh quát vào mặt chủ quán : « Tao là con nuôi ông bà Ngọc, chứ không phải đi ở tớ. Đồ khốn nạn ».

Khi về gần đến nhà, nó ngâm khe khẽ mấy câu thơ của nó :

«... Anh trở về trên ngã ba đường,
Như người con gái điếm
Van nài một chút yêu đương... »

Tôi cười khẽ, nó cũng cười khẽ. Chúng tôi chia tay.

Bà Ngọc chết già với tuổi 64. Sau đám tang bà, tại ít lại gặp Tịnh. Rồi băng đi một thời gian lâu chúng tôi không tìm đến nhau nữa, vì những buổi gặp nhau thiếu ý nghĩa của tình bạn. Tịnh giữ im lặng và thỉnh thoảng trả lời tôi một cách hồ hững. Tôi ghét lời trả lời ấy...

Thời gian trôi, mỗi tháng theo đuổi một cuộc sống. Hôm nay tôi thấy nhớ Tịnh

và đến xóm cũ tìm bạn. Bước vào sân, tôi đứng dừng lại : qua khung cửa kính, hai ngọn đèn bạch lập hắt hiu, tôi thấy Tịnh đang chấp tay lẩn chuỗi, miệng lầm rầm cầu kinh. Tôi đẩy cửa bước vào, Tịnh ngẩng lên, thấy tôi, nỗi mừng của nó bật lên ánh mắt :

— Giang !

Tôi nắm chặt lấy tay bạn :

— Mày tụng kinh ?

Tịnh cười thoải mái, nhưng nét buồn còn vương trên môi nó :

— Mày không ngờ nhì!...

Mẹ tao, bà Ngọc, trước khi chết trời lại với tao : « Con có thương Mẹ thì sau khi mẹ chết, mỗi ngày con lẩn một chuỗi và đọc một tràng kinh để cầu nguyện cho mẹ... » Tao làm theo lời người đàn bà đau khổ ấy và, bây giờ thì đặt cả đức tin vào Đức Phật... Cái chuỗi bỏ để của bà mẹ nuôi tao đã có một sức nhiệm-mầu đem tao về với Phật...

Tôi mừng cho Tịnh — bạn tôi — đã có một lý-tưởng cho cuộc sống.

● LÂM-GIANG

thầm lặng

★ THANH-HUYỀN-CHI
(Saigon)

Thiết tha

Lời ghen

« Nụ cười trọn vẹn »

Trả lại tâm tư

Niềm riêng đã mấy năm dư

E ấp trong những vần thơ không lời

Viết hoài vẫn thấy tim cô

Ngâm hoài vẫn thấy buồn ôi là buồn !

Trách mình sao mãi vẫn vương

Hồn người lại thấy càng vương vẫn nhiều

Ngập ngừng viết một chữ « yêu »

Vào trang « nhật ký » từ chiều hôm qua

Rằng lần này nữa là ba

Mà câu « thăm-lặng thiết-tha » vẫn còn

Cô đơn lạnh chảy vào hồn

Tháng năm đọng lại mỗi buồn vô biên

Đường trần có nợ không duyên

Khách đa tình lụy đảo điên lăm lăm

Thoáng chào đã nguyện sẽ thân

Thoáng cười đã gọi cố nhân lâu rồi !

Nhưng than ôi !

Lệ đắng đọng từ khóe mắt

Lăn lóc xuống vành mi

Thiết tha từ dạo ấy

Song vẫn cứ ghen lời

Viết hoài vẫn thấy tim cô,

Ngâm hoài vẫn thấy buồn ôi là buồn!!!

18.— sáu bà vợ của

ANH - HOÀNG

HENRI VIII

HENRY VIII (1491-1547)

là một trong số những ông vua lớn nhất trong lịch-sử nước Anh. LỚN về thể-xác : hồi còn là một Hoàng-tử thanh-niên, ông đã to-béo, mặt vuông, râu quai nón, đầu to, trán rộng, chân tay vạm vỡ, thân hình lực-lượng, kết-xù. LỚN về chính-trị : 38 năm ngồi trên ngai vàng ông đã gây ra cho nước Anh nhiều biến cố quan-trọng, ảnh-hưởng lớn lao cho vận mệnh Anh-quốc, và một phần nào cho cả vận-mệnh Âu-châu.

Vì một người đẹp mà ông nhất định tôn làm Hoàng-hậu, ông đã dám tuyệt giao với Đức Giáo-Hoàng



★ T A N - P H O N G

ở La-Mã, để tự ông làm bá-chủ riêng biệt Nhà thờ Anh-quốc, hoàn-toàn tách hẳn ra khỏi ảnh-hưởng của Tòa Thánh Vatican. Chế-độ tôn-giáo ly-khai của Anh-quốc, khởi xướng do Henri VIII hãy còn kéo dài cho đến ngày nay.

Nhưng đây không phải chỗ để nói về đời chính-trị hay tôn-giáo của Henri VIII.

Tôi muốn nói đặc-biệt về đời sống tình-cảm phi-thường của Đại-vương Henri VIII với SÁU bà vợ kế-tiếp của ông !

Vâng, ông có 6 bà vợ, mà ông lần lượt say mê rồi giết chết, cũng yêu chán rồi truyền lệnh đem đi chặt đầu ! Lịch-sử của 6 bà Hoàng-hậu này đã lừng vang cả trong lịch-sử Âu-Châu, làm đề tài xôn xao kinh khùng cho các nhà sử-học thế-giới.



● Người vợ thứ nhất

CATHERINE D'ARAGON...

... chính là chị dâu của Vua

ĐÁNG lẽ người anh cả của Henri VIII là Arthur, được lên ngôi sau khi Phụ-Hoàng Henri đệ Thất băng hà. Hoàng tử Henri lúc bấy giờ cũng đã là một chàng thanh niên tuấn tú, trông bộ mặt của chàng so với Từ Hải trong truyện Kiều không khác mấy.

cũng :

Râu hùm, hàm én, mày ngài,

Vai năm tấc rộng, thân mười
thước cao.

và cũng :

Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức, lược thao
gồm tài.

Hoàng-tử Henri không những bắn nả rất giỏi, đánh gươm thật tài, mà lại còn chơi được đủ các thứ đàn rất tinh tế, thổi sáo cũng mê ly, tính tình vui vẻ.

Luôn luôn chàng mặc áo quần bằng sa tanh trắng, trông cốt cách và bộ điệu rõ là một vị hoàng-tử hào hoa phong nhã. Tất cả thanh niên kinh thành London đều mê chàng gọi chàng là **Gay Harry** (Harry Vui). Chàng lại có học thức rộng, nói được tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Espagnol, tiếng Grec, Latin và giao thiệp với Đại sứ nước nào thì nói tiếng nước ấy.

Anh cả của chàng là Thái-tử Arthur bị bệnh ho lao, cưới cô vợ đẹp là **Catherine d'Aragon** Công chúa xứ Espagne, chưa được hưởng tuần trăng mật đã đề công chúa thành nàng quả phụ.

Henri lên ngôi, thay thế cho anh, và lấy niên hiệu là **Henri VIII**.

Lúc bấy giờ là năm **1509**, vị Vua Anh-quốc trai trẻ mới được **18** tuổi.

Vừa lên làm vua, Henri lấy luôn người chị dâu góa bụa, **24** tuổi. Trong một lễ cưới cực-kỳ long trọng đầu tháng 6 năm 1509, **Catherine d'Aragon** được Henri VIII tôn lên làm Hoàng-hậu, mặc dầu

vị giám-mục Canturbory phản-đối, cho là một vụ loạn-luân.

Đám cưới nhà vua tung-bùng lộng-lẫy, chưa từng có bao giờ trong Lịch-sử Hoàng-gia-Anh. Những cô gái trẻ đẹp, cải-trang làm Tiên-nữ, bưng đi tặng các vị quan-khách dự tiệc mỗi người một cái bát rất đẹp trong đó đựng đầy những đồng tiền vàng của Vua làm quà cưới ban cho mỗi người.

Nhưng, con người ta muốn yêu thì cứ yêu, muốn say mê thì cứ say mê, ai muốn cầu chúc cho « bách niên giai lão », « loan phượng hòa minh », « sắc cầm hảo-hiệp », hay chi chi đi nữa, thì cứ việc cầu-nguyện hạnh phúc cho nhau, mà định-mệnh của ông Trời vẫn là định mệnh.

Vua Henri VIII và Hoàng-hậu Catherine d'Aragon yêu say-mê như thế đấy, nhưng rồi hạnh-phúc mà đôi tình nhân vương giả ấy có thực hiện được như ý muốn của họ không?

Có ai ngờ rằng không!

Suốt 18 năm Catherine có chưa 16 lần, mà không sanh ra được một đứa con nào cả. Mấy lần bị hư thai, mấy lần đẻ thiếu

tháng không nuôi được, mấy lần đẻ con ra chết yểu... Có một nhà viết Sử đã phải phê bình: « Hoàng hậu là một bãi tha ma đầy mồ con nít! »

Nhà Vua đau khổ ân-hận, cứ nghĩ lẫn quần rằng có lẽ bị Chúa

phạt vì đã phạm tội loạn luân, lấy người chị dâu. Henri VIII cầu nguyện đêm ngày, xin Chúa tha tội, và cầu xin Chúa ban phước lành cho Hoàng-hậu sinh một thái tử để nối nghiệp vua. Cuối cùng lúc 41 tuổi Catherine sinh được một đứa con gái. Một nàng Công Chúa ốm yếu, xanh xao, được vua đặt tên là Marie Tudor...

Vua Henri VIII thất vọng, ông chán nản, bỏ bê việc Hoàng-gia, và trở lại cuộc đời ăn chơi bê bối. Ông khiêu vũ cả đêm, uống rượu cả ngày và tính nết trở nên tàn bạo, độc đoán nghiêm-khắc, không còn vui vẻ như những ngày chưa lấy vợ.

Lúc lấy Catherine, ông thành thật muốn đóng vai trò một người yêu trung thành, một người chồng tận-tụy, hoàn toàn hưởng hạnh phúc gia-đình, vợ con êm-ấm. Nhưng bây giờ, thì ông hết còn tin tưởng vào hạnh-phúc nữa rồi, ông đâm ra chơi bời lêu lộng. Ông tìm những cuộc tình duyên phiêu lưu, yêu thoáng qua một năm, một tháng, một ngày rồi bỏ... để đi tìm tình yêu khác, mà không cần yêu lâu. Muốn yêu thật nhiều để rồi yêu thật ít. Muốn yêu tất cả, để đừng yêu ai cả.

Thế rồi, định mệnh xui khiến ông gặp cô **Arne Boleyn**.



Catherine d'Aragon.

● **Người vợ thứ hai**

ANNE BOLEYN

cô bé đẹp 15 tuổi

HENRI VIII lúc này đã 37 tuổi. Gặp Anne Boleyn, nhà Vua tưởng mình mới có 17 tuổi. Hoàng-hậu Catherine đã 43 tuổi, cằn-cỗi, khô-khàn.

Cô bé Anne Boleyn là ai, ở đâu đến đây? Trong trường hợp nào nhà Vua gặp cô? Anne cũng là con nhà quyền quý, trâm anh, con gái của ông Đô-trưởng Thủ đô London. Hồi nhỏ, cha cô đã cho cô sang học bên Pháp, và cô đã nhiệm theo đời sống hào hoa của các gia-đình quý-tộc ở Paris. Năm cô 15 tuổi, được gọi về London nhân dịp một dạ hội khiêu vũ trong Cung điện. Cô được đi dự hội, được nhà Vua trông thấy và đề ý, mê say.

Nhà Vua tỏ ngay tình yêu, nhưng Anne lễ phép duyên dáng chối từ:

— Tâu Bệ Hạ, em không thể làm tình nhân của Bệ Hạ được, mặc dầu đó là một vinh dự lớn lao cho đời em.

— Em muốn làm Hoàng hậu

không?

Anne Boleyn mỉm cười e lệ:

— Bệ Hạ cho phép em suy nghĩ kỹ một thời gian đã.

Đêm ấy, Vua Henri VIII quyết định ly dị Hoàng hậu Catherine d'Aragon, để cưới Anne Boleyn. Nhưng đây là cả một vấn đề rắc rối khó khăn, đụng chạm đến luật pháp của Thiên Chúa Giáo, và sẽ có ảnh hưởng phiến-phức đến chính trị trong nước, đến cả chính trị Âu-châu.

Và sự phiến phức về tôn giáo quả thật đã gây ra một biến cố vô cùng quan trọng: sự ly khai giữa nước Anh và Tòa thánh La-Mã.

Trong lúc nhà Vua thách-đố đức Giáo-Hoàng vì ông này không cho phép Vua ly-dị Hoàng-hậu theo luật pháp của Đạo Thiên-Chúa, trong lúc Henri VIII cương quyết từ bỏ cả Giáo-Hoàng, và tự lập riêng quyền bá-chủ của Đạo ở Anh-quốc, để được tự-do ly-dị Catherine và

cưới Anne Boleyn, thì cô con gái 15 tuổi của ông Đô-trưởng lại chơi cái trò cút-bắt với nhà Vua!... Khi biển, khi hiện, khi chịu, khi không, khi giận hờn, khi nhõng nhẽo, nàng làm cho trái tim Vua như bị phong ba bão tố, đầu-óc Vua như điên-đảo, tang thương, gây ra tiếng vang dội ly-kỳ, hồi-hộp, náo động, khắp cả các kinh-đô Âu-châu.

Lúc bấy giờ là năm 1527. Từ Paris đến Moscou, từ Stockholm đến Barcelone đến Madrid, đến Rome, đâu đâu cũng bàn tán xì-xầm mấy câu hỏi:

— Đức Giáo-hoàng Clément VII sẽ nhượng-bộ Anh-hoàng Henry VIII không?

— Anh-hoàng sẽ dám chống lại tòa thánh Vatican và ly-khai với vị Giáo-chủ tối cao của Thiên Chúa Giáo không?

— Henri VIII sẽ ly dị với Hoàng-hậu Catherine được không?

— Anne Boleyn sẽ ưng thuận lấy vua và lên chiếm ngôi Hoàng hậu Anh-quốc không?

Toàn thê Âu-châu hồi hộp đợi chờ và cuộc diện tôn giáo chính trị của Âu-châu sắp sửa có gì thay đổi quan-trọng vì một cô gái đẹp 15 tuổi!...

(kỳ sau tiếp)

● **TÂN-PHONG**



★ **TÔI LÀ... CHỒNG**

Một người đến hỏi thầy-kiện về luật pháp:

— Thưa trạng-sur, có phải một người đàn-bà hay gây chuyện cãi-cọ với chồng, làm ồn-ào cả hàng xóm thì người ta có thể mời ra khỏi nhà phải không ạ?

— Người ta sẽ mời về bót ngay lập tức. Vậy ông là người hàng xóm của một gia-đình nào đó hay sao?

— Thưa trạng-sur không ạ, tôi là... chồng người đàn-bà ấy!

cổ hương

★ TÂM-TÌNH
(Sàigòn)

Đã mấy năm rồi xa cổ hương,
Dòng sông ngăn cách, xẻ đôi đường.
Bao năm khói lửa bao xương máu
Cốt nhục tương tàn, luống xót thương !

Vọng về đất Bắc, chốn xa xôi,
Chỉ thấy ngang trời mây lặng trôi...
Cánh nhạn chập chờn, hiu-hắt gió,
Bay xa xa... mãi tận trùng khơi ..

Nhạn hỡi nhạn, bay về nơi đâu ?
Cho ta nhắn nhủ một đôi câu
Bắc Nam tuy cách xa ngàn dặm,
Chung thủy một niềm vẫn nhớ nhau !

Ta ước mong sao có một ngày,
Một ngày nào đó rất gần đây...
Bắc Nam nối lại tình sông núi
Nối kẻ chán trôi với cuối mây...



Tiếng nói
của
Gái và Trai
thế hệ



Chúng tôi mở diễn đàn « Tiếng nói của Gái và Trai thế hệ » để bạn trẻ ghi chép những cảm-nghĩ riêng của mình về các vấn đề thời-đại.

Chúng tôi sẽ chọn đăng những bài không dài quá 5 trang ; cô-động lại những suy-tư, diễn tả những thắc-mắc, phổ bày những nhận xét thành-thực, thò-lộ tâm-sự, những hân hoan, oán hận, đau buồn, hy-vọng..

Chỉ xin đừng đề cập đến chính-trị hiện-tại ở trong nước.

Yêu cầu bạn viết thật rõ-ràng, trên một mặt giấy và cho biết nghề-nghiệp, hoặc thất-nghiệp, hoặc sinh-viên, học-sinh với trình-độ học-thức.

Chúng tôi sẽ chọn lọc và lần-lượt đăng mỗi kỳ những bài nào đặc-sắc hơn cả, của các bạn gái và trai từ 18 đến 28 tuổi.

Bạn có thể gửi ảnh để đăng kèm với bài.

N. V.

HỌ

★ Chi-Lann

GIÓ êm êm vi vu, ru họ vào giấc mộng, giấc mộng trường cửu của đời họ.

Đời họ đẹp dễ như ánh nắng ban mai, sáng sửa như muôn ngàn ánh điện, trong sạch như pha-lê. Họ đang bước trên con đường mới mẻ, hướng lên của tâm hồn son trẻ, họ định đảo ngược tinh thần của hai câu thơ mà nhiều khi họ ấp ủ:

« Đời chỉ đẹp khi tình còn đang dở

Đời hết vui khi đã vẹn câu thề ».

Bây giờ đời họ đang tươi đẹp, hương tình đang lên. Tiếng va chạm mạnh của kim khí, sự ồn ào náo nhiệt của đô hội, cũng không sao làm lu mờ được bản nhạc với nốt nhạc trầm trầm êm êm mà họ đang ca; phải công nhận rằng họ đang ngồi sát nhau, đang ca những nhạc bản đắm âm, yêu đương chứ

không phải họ đang ngồi nói chuyện băng quơ, đề ca tụng tình yêu thấp hèn; nốt nhạc thánh thót, du dương hòa với tiếng gió đưa lên cao vút rồi tỏa ra khắp nơi... Ánh nắng xuyên qua lá cây, rung rinh chiều vào hồn họ, dễ sượt lòng họ ấm lại, dễ sượt cho hồng thắm thêm lên, cho bù lại những chuỗi ngày họ đã sống và sắp phải sống trong lạnh lùng xa cách.

★

Họ đang sống trong xa cách, xa phải chăng chỉ là kích thích tò mẫn liệt cho môi trường yêu đương gần bó, gió to sóng lớn phải chăng chỉ là đề đo lường tài chông đỡ của thủy đoàn. Nhưng gió ơi! Thời gian ơi, mi là kẻ thù vĩnh cửu, gió dôn dập thành phong ba, bão táp, thời gian ơi! đừng muôn trùng và vĩnh viễn, họ đang

TIẾNG NÓI CỦA GÁI VÀ TRAI THỀ HẸ

cầu nguyện và đang mơ, đang ước, xen lẫn oán hờn.

Nhưng rồi phong ba bão táp cũng tới, đã làm mất một nhịp cầu, trong khoảng thời gian vô định, họ bị chia lìa, phải, hai người đang đứng cách xa nhau một nhịp cầu, cần xây đắp bằng máu, bằng xương, bằng thịt họ và những người đồng chủng. Họ bắt đầu góp công xây dựng lại nhịp cầu, nó sẽ trường cửu, nó sẽ đứng trơ trọi với phong ba mà họ tận tâm xây đắp, nó đòi hỏi ở họ nhiều cố gắng, nhiều thiện chí, nhiệm vụ của họ vô cùng trọng đại, vô cùng nhiều khê. Nhưng họ sẽ thành công; và chắc hẳn họ sẽ thoát được cảnh chia lìa, họ sẽ đoàn tụ bên nhau và vĩnh viễn cùng nhau ca những nốt nhạc thánh thót du-dương.

Hôm nay, giữa bầu trời tự do, giữa lòng Saigon hoa lệ, họ đang diu nhau qua lòng đại lộ, ánh đèn muôn màu không còn hấp dẫn, không còn cầm chân họ, điệu nhạc dập diu năm xưa, không còn giá trị bằng khúc nhạc quân hành. Những bước chân dạo phố chen lẫn, cọ sát, không còn làm họ say mê bằng những bước chân vững chắc và dè

dặt, qua các mặt khu bắt khà xâm phạm. Làn da trắng trẻo, khuôn mặt khả ái đã nhường lại cho làn da ngăm đen, khuôn mặt gân guốc.

Họ bước tới cửa phòng trà, cả hai đều nhìn vào, và tự nhiên họ diu nhau, những bước chân vô cùng bờ ngỡ, xa lạ, mặc dầu bầu không khí rất quen thuộc với họ; rồi một chiếc bàn mà năm xưa họ thường tỷ tay lên, hai mái đầu chưa dăm dãi nắng mưa chụm lại, tâm tình, họ thể non hện biển, họ kéo dài thời gian này, họ muốn chiếc bàn đó là của riêng họ không khí hạnh phúc ấy, họ muốn giữ lấy mãi mãi. Nhưng hôm nay, không gian này giọng ca kia chỉ là thứ tiêu khiển, không còn là chỗ thường trực sau những giờ mài quán trên ghế.

Họ ung dung bước chân trong Sài-gòn, hôm nay với họ là ngày nghỉ chân, ngày mai trách nhiệm trọng đại của người trai thề hệ này đề lên vai họ. Họ sắp sửa chia tay nhau để góp máu, góp xương, góp công, góp sức vào công cuộc xây dựng lại nhịp cầu an-lạc.

CHI-LANN
(Saigon)

lưu thư
Paris

CÓ THIẾU-NỮ
VIỆT-NAM

★ Nguyễn-văn-Côn

Paris, ngày 5.3.1963

Bạn thân mến,

« Bức Thư Paris » này không phải là một truyện ngắn do tưởng tượng mà tạo ra. « Bức Thư Paris » luôn luôn theo dõi hoạt động Văn-ngệ và đời sống của đồng bào tại Pháp. Vậy tôi yêu cầu bạn tưởng chừng như đang sống ở xóm La-tinh để dễ thông cảm với những chi tiết của bài sau đây :

« Vào một buổi chiều hè, đầu tháng Août, Lâm và tôi ngồi ăn cơm ở hàng hiên (terrasse) một tiệm ở cạnh đền Panthéon, trước nhà thờ Saint Etienne Du Mont và bên thư viện Sainte Geneviève.

Tôi thiết tưởng không khi nào thú vị hơn một buổi chiều hè ở xóm La-tinh : Gần 8 giờ tối, trời còn chút ánh sáng dư với những màu sắc thanh nhạt, làn gió mát nhẹ thổi qua mặt, không khí nhẹ nhàng, dễ chịu.

Đền Panthéon, nhà thờ, thư viện, cổ kính và trang nghiêm càng làm cho tâm hồn thư thái ; lại thêm nơi này ít người qua lại, nên những phút nhàn hạ này rất quý báu đối với sự náo nhiệt ở Boul' Mich, cách đó không xa.

Bữa cơm đầy đủ (1 món rau, 1 đĩa thịt, 1 miếng pho-mai, 1 « ca » rượu đỏ) chỉ có 6 trăm quan cũ, kể cả tiền nước (pourboire). Nhưng tôi có cảm giác là Lâm không chú trọng đến hoàng hôn tươi mát và bữa cơm khá ngon. Tôi biết anh ta không uống rượu nhiều,

BỨC THƯ PARIS

chỉ một « ca » cũng đủ chênch-choáng ; thế mà hôm nay, sau khi hết « ca » của anh, anh làm hết « ca » của tôi (tôi không uống rượu. Đó là một khuyết điểm đáng tiếc, vì hình như rượu ở bên Pháp ngon lắm !). Anh gọi nửa chai « rosé », rồi còn muốn gọi thêm.

Tôi gạt đi.

— Thôi « cậu », thế đủ rồi, kéo lát nữa, tôi lại phải thuê người khiêng lên từng lầu thứ năm !

— Không sao đâu, hôm nay tôi muốn uống cho thật say !

— Để làm gì ?

— Để biết thế nào là thật say !

— Như thế còn chưa đủ say à ?

— Anh Ba ơi ! anh gần lắm, đối với anh chỉ nước lạnh hay chén trà là đủ, nhưng đối với những người muốn sống « cực điểm », thì phải ném cho thật đủ chứ !

— Để rồi say lún đùng ra như...

— như những lão « Clochard » (người lang thang, vô nghề nghiệp) hay như những con heo, anh thật kỳ cục !

— Vì tôi không muốn để Lâm quá say !

— Tôi đã say đâu anh, tôi còn tỉnh lắm ! »

Tôi nhìn Lâm, mặt anh ta đỏ ửng, hai mắt khi lơ-dờ, khi sáng quắc, đầu lắc lư gật gù, khi nói hai tay nắm lại, hay ấn mạnh xuống bàn.

— Anh để tôi uống một « ca » nữa thôi !. Rồi không đợi tôi trả lời, anh đã gọi người « garçon » đem cho anh một « ca » rượu « beau-jolais » trắng.

Tuy cử chỉ Lâm khác thường, nhưng không làm tôi quá ngạc nhiên, vì người ta ai lại không có những phút điên cuồng ! Tuy nói là tỉnh, nhưng tại sao 10 giờ đêm có khi tôi còn thức dậy, mặc quần áo, lội lên nhà thờ « Sacré Coeur » để ngắm ánh sáng đèn điện của thành phố Paris, dưới chân đồi. Vì vậy tôi cũng không cho phút « điên » của Lâm là quan trọng. Tuy đề anh uống thêm một ly nữa, nhưng tôi cũng « dẫn » trước :

— Một ly nữa thôi đây nhé !

Ăn cơm xong, thấy trời còn sáng, chúng tôi lại ngồi xuống ghế ở

một tiệm cà-phê gần vườn Luxembourg. Những ngọn cây phe phẩy trước làn gió mát, mặt trăng đang lách mình giữa những cành chằng-chịt, sao hôm đang nhấp-nháy trên tháp nhà thờ, tất cả cảnh hoàng hôn đem lại một cảm giác nhẹ nhàng, thư thái.

Tôi đang đề con mắt mơ mộng nhìn trời đất, thì anh "garçon" đã đem ra một ly nước cam và một ly whisky-soda. Nước cam để cho tôi và "Whisky" tất nhiên là để cho Lâm.

Thì ra trong lúc tôi bị "nàng thơ bá vô" lôi kéo, Lâm đã "com-măng" trước.

Tay anh nâng ly rượu lên ngang mắt, ngắm nghía những giọt rượu óng ánh vàng một cách mê ly, rồi anh uống thông thả như không còn "xem trời đất ra gì cả." Đặt ly xuống, anh ta làm nhăm một mình rồi khẽ nhớ được câu thơ nào, là khoái trí ngậm đề mình anh nghe.

Tôi biết Lâm có chuyện gì bất thường, nhưng theo phép xã-giao, mình không được hỏi tâm sự người ta, nếu "chủ-nhân" không muốn nói ra.

Nửa giờ sau, tôi đưa Lâm và đợi cho anh lên hết tầng lầu thứ năm, mới đi bộ về nhà. Tuy không phải là "Bao Công", nhưng tôi cũng thừa hiểu là Lâm đang có chuyện buồn bực.

Tôi biết anh yêu một thiếu-nữ Anh-quốc. Lâm gặp Nelly ở một quán cơm học-sinh. Hai người ăn ở với nhau đã hơn hai năm và sửa-soạn hợp-pháp-hóa việc vợ chồng. Cách đây ba tháng Nelly trở về thăm gia-đình ở Brighton. Tôi còn nhớ dáng điệu cô gái Anh-Cát-Lợi: người dong-dỏng cao, tóc vàng, nét mặt đều đặn, xinh-đẹp, luôn luôn có vẻ e-lệ, thùy-mị.

Nhưng hôm nay, thấy cử-chỉ Lâm như thế, tôi đoán chắc có việc gì đã làm "cho duyên dầm-thấm ra duyên bẽ-bàng".

Mười hai giờ khuya tôi định tắt đèn đi ngủ thì có tiếng gõ cửa. Lâm coi bộ rứt-rề hỏi tôi:

— Vào được chứ?

Tôi cười và vội đáp: « Được! »

Tôi hỏi Lâm: « Uống gì không? Rượu thì không có, nhưng có nước cam, nước suối ».

— « Anh cho tôi một ly nước cam! » Lâm trả lời.

Lâm uống một cách ngon lành, hình như khát lắm thì phải. Tôi đề anh ngồi ở divan, và cũng rót một ly đề « cầm » khách. Tôi chỉ hỏi Lâm đã bớt say chưa?

I âm bĩu-tĩnh, thông-thả đáp lại: « Say một tý cũng hay, vì khi tĩnh ra, tôi sức nhớ đã làm anh buồn và đã không kể sự thực cùng anh; vì vậy tôi đến đây đề xin lỗi ».

— Lỗi phải gì! Cứ ngồi chơi ở đây, mai chủ-nhật mà!

Câu khách sáo của tôi không làm cho Lâm « mất giây tư-tưởng ». Tựa hồ như anh không nghe và vẫn tiếp-tục: « Tôi đã nói dối anh! ... Nelly đã bỏ tôi! ».

Tôi vội hỏi: « Tại sao? »

— Tôi cũng không rõ! Lâm đáp lại.

— Anh có cãi nhau với Nelly trước khi « elle » về thăm nhà chẳng?

Lâm lắc đầu, rồi tiếp theo với dụng buồn buồn: « Tôi rất khổ tâm, nhưng trong mấy tháng trời vẫn cố giữ bình tĩnh, và giấu anh! »

Tôi rất tội nghiệp Lâm nhưng cũng chẳng biết nói gì để an ủi.

Hai chúng tôi im lặng, nhìn vợ vờ vờ mấy bức tranh trong phòng.

Tôi lại trở lại vấn-đề: « Có lẽ trước khi yêu một thiếu-nữ Âu-phương, Lâm đã biết sự bất trắc và nguy ngại (risques) rồi chứ? Người đàn bà Âu thường thường tính « một khối », (d'un seul bloc). Khi yêu, thì họ 9 bỏ làm 10, mà khi không yêu, thì 10 cũng chỉ còn zéro. Họ có thể bỏ tất cả, để làm đúng với ý-nguyện cá nhân. Sự đó là cả một tập quán cổ truyền, không ai có thể thay đổi được! »

Lâm thờ dãi trả lời: « Nhưng khi yêu, có ai nghĩ nông sâu bao giờ! »

Tôi đáp: « Phải! nhưng anh đề tôi nói tiếp: trái lại, người đàn bà Việt-Nam lấy chồng là lấy trăm năm! Chỉ có cái chết mới có thể chấm dứt tình nghĩa vợ chồng. Vì thế, và theo tập quán nhẫn nại, đức hi sinh, người đàn bà Việt-Nam, tuy đôi khi bị « thiệt thòi », nhưng lúc nào cũng nén ép tư tưởng cá nhân để cho toàn vẹn câu « Sự phu thê nghĩ đồng sinh tử ». Đó cũng là cả một tập quán cổ truyền, không ai có thể thay đổi được! »

một tiệm cà-phê gần vườn Luxembourg. Những ngọn cây phe phẩy trước làn gió mát, mặt trăng đang lách mình giữa những cành chằng-chịt, sao hôm đang nhấp-nháy trên tháp nhà thờ, tất cả cảnh hoàng hôn đem lại một cảm giác nhẹ nhàng, thư thái.

Tôi đang để con mắt mơ mộng nhìn trời đất, thì anh «garçon» đã đem ra một ly nước cam và một ly whisky-soda. Nước cam để cho tôi và «Whisky» tất nhiên là để cho Lâm.

Thì ra trong lúc tôi bị «nàng thơ bá vô» lôi kéo, Lâm đã «com-măng» trước.

Tay anh nâng ly rượu lên ngang mắt, ngắm nghía những giọt rượu óng ánh vàng một cách mê ly, rồi anh uống thông thả như không còn «xem trời đất ra gì cả.» Đặt ly xuống, anh ta lầm nhảm một mình rồi khẽ nhớ được câu thơ nào, là khoái trí ngâm đề mình anh nghe.

Tôi biết Lâm có chuyện gì bất thường, nhưng theo phép xã-giao, mình không được hỏi tâm sự người ta, nếu «chủ-nhân» không muốn nói ra.

Nửa giờ sau, tôi đưa Lâm và đợi cho anh lên hết tầng lầu thứ năm, mới đi bộ về nhà. Tuy không phải là «Bao Công», nhưng tôi cũng thừa hiểu là Lâm đang có chuyện buồn bực.

Tôi biết anh yêu một thiếu-nữ Anh-quốc. Lâm gặp Nelly ở một quán cơm học-sinh. Hai người ăn ở với nhau đã hơn hai năm và sửa-soạn hợp-pháp-hóa việc vợ chồng. Cách đây ba tháng Nelly trở về thăm gia-đình ở Brighton. Tôi còn nhớ dáng điệu cô gái Anh-Cát-Lợi : người dong-dòng cao, tóc vàng, nét mặt đều đặn, xinh-đẹp, luôn luôn có vẻ e-lệ, thùy-mị.

Nhưng hôm nay, thấy cử-chỉ Lâm như thế, tôi đoán chắc có việc gì đã làm «cho duyên dầm-thấm ra duyên bể-bàng».

Mười hai giờ khuya tôi định tắt đèn đi ngủ thì có tiếng gõ cửa.

Lâm coi bộ rụt-rè hỏi tôi :

— Vào được chứ ?

Tôi cười và vội đáp : « Được ! »

Tôi hỏi Lâm : « Uống gì không ? Rượu thì không có, nhưng có nước cam, nước suối ».

— « Anh cho tôi một ly nước cam ! » Lâm trả lời.

Lâm uống một cách ngon lành, hình như khát lắm thì phải. Tôi để anh ngồi ở divan, và cũng rót một ly đề «cầm» khách. Tôi chỉ hỏi Lâm đã bớt say chưa ?

Lâm bình-tĩnh, thông-hả đáp lại : « Say một tý cũng hay, vì khi tỉnh ra, tôi sẽ nhớ đã làm anh buồn và đã không kể sự thực cùng anh ; vì vậy tôi đến đây đề xin lỗi ».

— Lỗi phải gì ! Cứ ngồi chơi ở đây, mai chủ-nhật mà !

Câu khách sáo của tôi không làm cho Lâm «mất giây tư-tưởng».

Tựa hồ như anh không nghe và vẫn tiếp-tục : « Tôi đã nói dối anh ! ... Nelly đã bỏ tôi ! ».

Tôi vội hỏi : « Tại sao ? »

— Tôi cũng không rõ ! Lâm đáp lại.

— Anh có cãi nhau với Nelly trước khi «elle» về thăm nhà chẳng ?

Lâm lắc đầu, rồi tiếp theo với giọng buồn buồn : « Tôi rất khổ tâm, nhưng trong mấy tháng trời vẫn cố giữ bình-tĩnh, và giấu anh ! »

Tôi rất tội nghiệp Lâm nhưng cũng chẳng biết nói gì để an ủi.

Hai chúng tôi im lặng, nhìn vờ vào mấy bức tranh trong phòng.

Tôi lại trở lại vấn-đề : « Có lẽ trước khi yêu một thiếu-nữ Âu-phương, Lâm đã biết sự bất trắc và nguy ngại (risques) rồi chứ ? Người đàn bà Âu thường thường tính « một khối », (d'un seul bloc). Khi yêu, thì họ 9 bỏ làm 10, mà khi không yêu, thì 10 cũng chỉ còn zéro. Họ có thể bỏ tất cả, để làm đúng với ý-nguyện cá nhân. Sự đó là cả một tập quán cổ truyền, không ai có thể thay đổi được ! »

Lâm thở dài trả lời : « Nhưng khi yêu, có ai nghĩ nông sâu bao giờ ! »

Tôi đáp : « Phải ! nhưng anh đề tôi nói tiếp : trái lại, người đàn bà Việt-Nam lấy chồng là lấy trăm năm ! Chỉ có cái chết mới có thể chấm dứt tình nghĩa vợ chồng. Vì thế, và theo tập quán nhân-nại, đức hi sinh, người đàn bà Việt-Nam, tuy đôi khi bị «thiệt thòi», nhưng lúc nào cũng nén ép tư tưởng cá nhân để cho toàn vẹn câu « Sự phu thê nghĩ đồng sinh tử ». Đó cũng là cả một tập quán cổ truyền, không ai có thể thay đổi được ! »

Lâm đặt ly xuống bàn, nói lớn : « Có phải dễ thế đâu ! ». Rồi anh đưa hai tay lên ôm mặt, như muốn dấu nỗi tức giận hay đôi mắt ứa lệ.

Ta chớ vội cười anh vì rằng : « đoạn trường ai có qua cầu mới hay ! ».

Tôi ngồi lại gần Lâm, tay đặt lên vai anh để cố an ủi một người bạn trẻ đang đau khổ vì tình.

Lâm năm nay 27 tuổi, tốt nghiệp kỹ sư điện, rất có tương lai trong ngành « électronique » và hiện đang tập sự tại một hãng chuyên môn kỹ-nghệ điện. Lâm học giỏi, tính lại rất vui, nên tôi mến lắm.

Lâm bỏ hai tay ra và nói với giọng run run :

— Tỷ nữa tôi, đã thành một kẻ sát nhân anh ạ !

Tôi giật mình !

Lâm nói tiếp : « Tôi gặp Nelly đi với một người đàn ông khác ! »

— Hôm nào ? (tôi vội hỏi)

— Cách đây ba tuần lễ, tại tiệm ăn Pergola.

— Lâm có thấy rõ thật Nelly không ?

— Lại còn không rõ, nó ngồi trước mặt tôi và đã xanh mặt chợt thấy tôi khi nó với thẳng kia hôn nhau !

Tôi lại giật mình, vì tôi biết Lâm đang tuổi hăng hái.

Mặt Lâm xem tái ngắt, anh nói tiếp : « Tôi đã cầm con dao ăn, tính xông lại đâm cho nó một lát ! »

— Anh điên à !

— Tôi tính giết nó, rồi tự tử cho rảnh !

— Thế thì anh sẽ quá điên đi mất !

— Nhưng không biết, có sự gì làm tôi dẫn lòng. Tôi im lặng, trả tiền đứng dậy đi ra !

— Chính là tính trầm tĩnh và cao quý của dân-tộc mình đã cản anh lại. Anh đã nghĩ đến cha mẹ anh, và dân tộc, vì cử chỉ sát-nhân sẽ làm hoen-ố danh dự chung ! Và lại, Lâm nghe tôi đây : không có người đàn-bà nào trên thế-giới có thể làm cho mình trở nên một tên sát nhân. Anh thử nghĩ xem, cha mẹ cho anh ăn học đến bậc ấy, rồi vì một kẻ bội tình mà anh quên cả bổn phận hay sao ? Anh nên cảm

ơn Trời Phật và Ông Bà đã giữ tay anh lại, và con giao oan nghiệt kia không dám máu giết người !

Lâm đưa tay lau mồ-hôi trán như vừa thoát một cơn ác mộng ! Tôi vỗ vào vai Lâm, vừa tội nghiệp vừa vui sướng vẫn có bên cạnh một người bạn tốt, một đồng bào thân mến, không bị cửa ngục thất đóng trước con đường đời thành thời vô tội !

— Lâm uống ly nữa nhé ?

— Vâng, xin anh.

Lâm nhìn tôi, như có ý xin lỗi, rồi với một nụ cười trẻ thơ anh nói : « Đêm nay tôi ngủ ở divan phòng khách của anh có được không ? »

— Tôi chả đề Lâm về đâu ! Khuya rồi ! (tôi đáp lại).

Sáng hôm sau ; tôi mở mắt vì nghe có tiếng động ở trong bếp. Tiếng Lâm vui vẻ gọi tôi « Chín giờ rưỡi rồi, mời dậy đi ! Cà-phê pha rồi ! »

Hai chúng tôi ngồi uống cà-phê nóng, ngon lành. Lâm hỏi tôi « Hôm nay anh định làm gì ? »

Tôi trả lời : « Ba giờ tôi sẽ đi dự buổi ca nhạc của nam nữ sinh viên Pháp Nam ».

— Tôi đi với anh có được không ?

— Tôi cũng định rủ Lâm đi !

— Cảm ơn anh, tôi sẽ theo anh với cả tấm lòng thành thật.

Tôi nói : « Lâu nay Lâm hay đi chơi với thiếu nữ Âu phương. Hôm nay, Lâm sẽ gặp thiếu nữ Việt-Nam. Lâm sẽ nghe tiếng hát, sẽ hưởng điệu đàn, Lâm sẽ trở lại với cội rễ. Lâm sẽ thấy khuôn mặt hiền từ, dáng điệu dịu dàng và nụ cười kín đáo của thiếu nữ nước mình ».

Lâm im lặng nghe tôi và xem bộ suy nghĩ.

Tôi vẫn đuổi theo tư tưởng : « Lúc nào cây cũng mọc rừng và nước cũng ra bể. Hồn người ta luôn luôn hướng về Tổ-quốc ! Lâm sẽ thấy đời của mình và kiến thức của mình sẽ thêm phần ý-nghĩa, nếu mình biết yêu dân và nước mình ! »

Rồi tôi cười nói với Lâm : « Hôm nay Lâm sẽ thấy thiếu nữ Việt Nam yêu kiều diễm lệ trong bộ quốc phục Lâm sẽ thấy các cô Minh, Liên, Hoài, Hồng... Có lẽ Lâm sẽ giật mình và hối hận là đã sống xa cội rễ. Và biết đâu một người thiếu nữ Việt-Nam không làm

cho Lâm thấy rõ tương lai và hạnh phúc của mình ? Lâm nên nhớ là những kẻ sống tách đoàn lúc nào cũng thiếu thốn và yếu đuối ! ». Lâm ngồi im, nhưng có vẻ xa xôi. Rồi anh tươi cười nói : « Anh đề tôi xuống đi mua hai miếng thịt và mấy quả trứng, anh em mình làm cơm ăn, rồi đi dự buổi ca nhạc nghe ! »

— Lâm vì tôi mà đi, hay thật bụng muốn đi ?

Lâm trả lời : « Tôi đã nói với anh là tôi sẽ theo anh với tất cả tấm lòng thành thật ! »

— Nhưng Lâm có thích gặp đồng-bào không ?

— Sao lại không ! Anh thường ngâm câu : « *At về đường ấy hỡi ai ?* ». Hôm nay anh đề tôi ngâm câu ấy !

Hai chúng tôi vui cười. Lâm tay xách « lưới », chạy xuống lầu một cách nhanh nhẹn.

Tôi ước mong đáng điệu và tâm hồn một thiếu-nữ Việt-nam sẽ làm cho Lâm hết đau khổ và sẽ để anh tìm thấy chân lý cuộc đời của một thanh-niên nước Việt trong lúc :

** Giang sơn nghiêng ngửa,*

Thế sự thăng trầm ».

Tôi lại mong bao nhiêu thanh niên Việt-nam ở hải ngoại sẽ tìm thấy chân lý như Lâm, vì Lâm đã trở về với dân và nước Việt-nam. Thân mến chào bạn và xin hẹn « Bức Thư Paris » sau.

NGUYỄN-VĂN-CỒN



★ MỜI ĐẾN

Trong một tiệm ăn, khách bảo người bồi-bàn :

— Này anh, món thịt này nhà hàng mua đã lâu hay sao mà hời hợt thế hử anh ?

Người bồi bàn đáp rất tự-nhiên :

— Thưa ông, thú thật tôi không được rõ chủ tôi mua hôm nào, vì tôi mới đến đây làm được ba hôm nay thôi.

*Khi đó thời gian đã lạnh rung
Tôi ngồi nhớ lại buổi niên trung
Hai vai co rúc sầu đôi ngã
Tuổi chất chồng lên bóng hải hùng.*

*Khi đó thời gian nhẹ phớt buồn
Sầu nào lấp được huyết đau thương
Mòn con mắt vọng trời xa thăm
Cây đón trăng xưa ngã chập chờn.*

*Lại ôm thân thể lại đau lòng
Ôi gió xuân về ngõ gió đông
Hoa rớt đầu hiên màu héo úa
Ôi buồn chi xiết đóa phù dung*

*Nét mặt ai người son phấn tô
Ta buồn sững sốt với hư vô
Than ôi rung chuyển ngàn da máu
Chiều rữ hoàng hôn lạnh xuống mờ.*

vui

★ TUỆ-MAI
(Saigon)

Mưa vẫn rơi,
Hàng cây thích chỉ đứng cười.

No, mát
Trên đại-lộ sạch quang, chúng ca hát..
...Gọi tôi, lời vui xào-xạc.
Chúng bảo tôi rằng: Đi nữa đi,
Áo mưa ướt đầm — ăn thua gì..
Lúc này là lúc nên đi chứ;
Xe vắng người thưa, thế mới thú.

Lững-thà lững-thững tôi lại đi,
Một quãng đường, không một thứ xe.
Tốt đấy... xe cứ lăn ngả khác,
Đường tĩnh thênh-thang, dễ tôi bước.

Lòng nhẹ tênh tênh, mát như nước,
Chân nhẹ tênh tênh, dẻo như lướt.
Lướt đường lá hát, mưa bay
Vui vui, mình với lũ cây chuyện trò..

PHỎ-THÔNG VÒNG QUANH THẾ GIỚI

Xuân-Anh

✱ MỸ: **Học-thịnh-Đốn**

Những nhà bác-học phụ trách chương trình «Thám hiểm Kim-Tinh» với Mariner II đã tuyên bố rằng: Theo những tin tức dò xét của các máy móc đặt trên chiếc vệ-tinh này chuyến xuống thì không thể nào trên Kim Tinh có một đời sống tương tự như ở quả đất được vì nhiệt độ trên mặt của ngôi sao này lên đến 426 độ, không khí bao quanh ngôi sao dày đặc 10 lần hơn không khí bao quanh trái đất và mây dày và u ám đến nỗi ví thử có người đứng trên mặt của ngôi sao ấy thì chỉ thấy ánh sáng mờ mờ của mặt trời mà thôi.

Các nhà bác-học Hoa Kỳ kết luận rằng: Về sau này, nếu muốn đưa người lên thám hiểm Kim-Tinh thì không phải chuyện khó, có thể đến gần ngôi sao ấy như Vệ-tinh Mariner II đã đến cách Kim-Tinh 34.560 cây số nhưng không thể nào có thể nghĩ đến chuyện đáp xuống mặt ngôi sao được vì nhiệt độ trên ấy gần với nhiệt-độ... làm chảy chì.

**Hoàn cầu
cổ chết ngắc**

Trong dịp Hội-nghị thứ 31 của Viện Khoa học không gian ở Nữu-ước, ông Jérôme Press-

man đã trình bày về những tai hại do các hỏa tiễn gây nên cho nhân loại như sau :

Không khí ở trên cao độ 120 cây số loãng gần 1 tỷ lần không khí ở mặt bề. Vì vậy, 1 tấn hơi do hỏa tiễn phát ra trên cao độ ấy sẽ bằng 1 tỷ tấn hơi ở trên mặt đất. Nếu một hỏa tiễn khổng lồ như loại Nova được phóng lên, nó sẽ phát ra 2000 tấn hơi dầu hỏa trên thượng tầng không khí, nghĩa là bằng 2000 tỷ tấn ở dưới đất.

Ông Pressman cho hay rằng ở thượng tầng không khí chỉ cần 100 tấn hơi là có thể làm sinh ra một đám mây 160 cây số bề rộng, phải mất hàng tuần mới tan được. Như vậy nếu hỏa tiễn được phóng lên hoài thì hơi dầu của những hỏa tiễn ấy phụt ra sẽ làm thành một bình phong dày đặt toàn mây, chứa nhút chất flu-o, a-zôt và al-ca-li có thể làm thay đổi không khí và thời tiết một cách rất nguy hại.

Nếu những cuộc thí nghiệm phóng hỏa tiễn bớt đi thì vũ trụ sẽ trở lại bình thường, còn nếu các quốc gia cứ thi đua với nhau mãi thì... hoàn cầu sẽ có ngày chết ngắc.

**Chín lạng...
mười cân**

Tờ chức của bọn ăn cướp

(gangster) bên Mỹ cũng chu đáo không kém gì tờ-chức của Công-an Cảnh-sát Quốc-gia.

Chúng vừa cho xuất bản rất bí mật một cuốn « niên-giám » (annuaire) về Công-an Cảnh sát Mỹ ; trong đó chúng hoàn toàn bất chúc phương-pháp khoa-học áp dụng trong việc lập các phiếu niện dạng của cơ quan hình pháp và kiểm tực.

Niên giám ấy gồm có 6000 hình của nhân viên Công-an Cảnh-sát và mỗi nhân viên đều có những chi tiết đầy đủ về tình trạng gia-đình, tánh tình, đặc điểm, thói quen, trình độ thông minh và những yếu điểm v.v.. Nói tóm, mỗi người có một phiếu lý lịch y hệt những phiếu lý lịch của chúng do Nha Công-an Cảnh-sát quốc-gia giữ trong văn-khố vậy.

Ghe gớm thật. Ăn cướp mà cũng tờ-chức khoa-học như vậy thật đúng là « bên chín lạng, bên cũng mười cân », không ai chịu thua ai... chỉ chết người dân lành thôi !

*** NEW HAMPSHIRE :
Nền nhót vào chuông...**

« Nếu một người đàn bà nào ăn mặc không được đoan trang tề chỉnh thì hãy đem họ mà nhót vào chuông với loài thú ». Đó là lời tuyên bố danh thếp

của ông Pefer P. Charland, đại diện cho Tiểu bang New Hampshire.

*** PHÁP : Một tai nạn
hy hữu**

Một người bệnh mắc chứng trĩ. Bác-sĩ giải phẫu phải cần dùng phương-pháp « đốt điện » để hàn lại một mạch máu bị vỡ trong hậu môn (electro-coagulation).

Bất ngờ khi đặt ống hàn điện vào hậu môn và chuyển điện vào để cho lửa xẹt thì lửa ấy lại bắt hơi từ đại trường bốc ra và phát tiếng nổ làm tét ruột già. Bệnh nhơn đã phải cấp tốc được giải phẫu ngay và bác-sĩ đã phải rất khó khăn mới vá lại đoạn ruột bị rách.

Thật là một tai nạn hi hữu xưa nay các giới y-học không bao giờ đề ý đề phòng vì cho rằng hơi trong ruột người gồm nhiều thứ hỗn hợp không thành được một thứ « hơi dễ cháy » (gaz inflammable) hay là một thứ « hơi nổ » (gaz détonant).

— Vì vậy mà bệnh nhơn ra Tòa, phải chịu thua kiện.

**● Bản đồ xưa
4263 năm**

Người ta mới tìm ra được rằng bản đồ đầu tiên đã có từ 2.300 năm trước Thiên chúa Giáng sinh, nghĩa là kể đến bây giờ là 4.263 năm.

Ông cụ này đã 75 tuổi, có con đàn cháu đống và đã cương quyết giữ vững lập trường của cụ trong một dự án luật trình lên Nghị-viện của Tiểu bang này « cấm triệt để đàn bà « phở trương » bắp đùi của mình quá 2 phân trên đầu gối » (nghĩa là phải mặc cái « váy » xuống gần đầu gối 2 phân) không được cao hơn.

Sở dĩ ông cương quyết như vậy là vì theo lời ông, ông đã nhiều phen lấy làm « đau lòng » nhìn thấy các bà (kể cả các bà có thai) đi ra đường mà chỉ bận quần « sọt ». Rồi ông kết luận một cách cũng... cương quyết : Dầu các bà có giận tôi chẳng nữa, tôi cũng nhứt định giữ vững lập trường ».

● Quý vị độc giả chớ nên vội cho rằng ông Cụ này vì già mà trở chứng hay vì « ức » tuổi mình già mà trở nên khó tính như vậy. Không, ông xử sự phải thể lắm vì trong dự án luật của ông còn có một điều « vót vát » như sau : « Đạo luật này không áp dụng cho những người « mặc đúng kiểu » để tắm bể hay để chơi các môn thể thao ».

Bản đồ ấy do người Babylo-nien vẽ ra, không phải là bản đồ dùng trong việc phổ biến ngành du-lịch (lúc ấy chưa ai biết) mà để dùng trong việc... thâu thuế, giúp cho các nhân viên thuế vụ xê dịch trong nước để làm phận sự.

Xem đó thì biết rằng từ cổ chí kim, thuế vẫn là mạch sống của một quốc gia vậy.

* BỈ : NHÚT QUI NHÌ MA

Không biết bên Anh có câu tục ngữ ấy không, chứ bên ta ai cũng biết rằng «nhút qui, nhì ma, thứ ba là học trò». Vì học trò, tuổi trẻ hăng hái, thường ngộ nghịch vô cùng.

Tại Bruxelles, kinh - đô nước Bỉ vừa xảy ra câu chuyện như sau : Dân chúng thủ-đô Bruxelles thường hành diện với cái tượng của một đứa trẻ con đứng trong một hồ nước của thành phố và tự-do . tiêu tiện. Tượng ấy tên là «Manneken-Pis» và có cái tiêu sử ngộ nghĩnh như sau : một hôm đứa con trai của một vị Thị-trưởng rất già của đô-thị Bruxelles tự ý bỏ gia đình đi rong. Ông Cụ rất đau khổ, đi tìm con khắp nơi và sau cùng, gặp nó, trần truồng như nhộng, đang đứng tiêu tiện ở giữa đường Etuve. Ông Cụ liền cho làm một ti tượng của đứa con trai ngộ nghịch ấy ngay tại nơi

ông đã gặp để kỷ-niệm cuộc gặp gỡ mà ông cho là... kỳ thú ấy. Dân chúng Bỉ cũng cho là câu chuyện kỳ thú và cái tượng ấy đã trở nên danh tiếng với cái tên Manneken-Pis, (người nộm đất).

Thế mà, nhưn tiết trời lạnh quá mức vừa rồi, các cậu sinh viên ở Anvers đã gỡ trộm tượng ấy mang đi, báo hại cho sở Cảnh-sát Bỉ phải kiếm tìm bỏ hơi tai như độ nọ ông Cụ đã đi tìm con vậy. Rốt cuộc, tìm ra được và đã đem về gắn lại chỗ cũ.

Ý. — khoa học và... phù thủy

Bác-sĩ thú - y Schonauer, người gốc Hung-gia-Lợi, nhập tịch dân Ý, xưa nay có tiếng là nhà chuyên môn trị bệnh cho các thú dữ ở các gánh xiếc. Mỗi lần thấy ông, là những con sư tử, cọp, báo v.v... đều hiền khô và ngoan ngoãn để cho ông chữa bệnh.

Nhưng vừa rồi. Trong một gánh xiếc ở thành Naples, ông đã thất bại. Một con cá sấu và một con trắng bị bệnh nhút định không chịu để ông chữa đầu ông đã dùng đến cách cho chúng nó uống thuốc ngủ, chúng nó cũng cứ lờn lên, không chịu nghe theo.

Cuối cùng ông Giám-đốc gánh xiếc phải nhờ ông « phù thủy Ấn độ » (Fa-kia) cũng làm trong gánh xiếc dùng tài thời miên để làm cho chúng ngủ. Con cá sấu đầu tiên «gục» ngay trước luồng nhớn-quang của ông nhưng đến lượt con trắng thì nó cứ vương lên, ngóc đầu rất cao và lắc lư cái đầu để tránh đôi mắt của ông Fa-kia nhưng vì ông này «cao tay ấn», luồng nhớn quang rất mạnh nên cuối cùng con trắng cũng phải gục để cho ông Bác sĩ... giải phẫu và xức thuốc nơi đau.

* Cảnh xưa... người mới

Cô đào trứ danh, đẹp nhất, tài nhút, giàu nhút mà cũng nhiều chồng nhút thế giới là Elizabeth Taylor lại sắp sửa... lấy một ông chồng nữa. Đó là Richard Burton, anh kép vừa đóng chung với Elizabeth trong phim Cléopâtre.

Cô ta có ý định rằng sau khi cưới xong, cô sẽ cùng tân lang đi hưởng tuần trăng mật tại một biệt thự ở Acapulco... nơi mà trước đây cô ta có ở một thời gian với Mike Todd (người chồng tử nạn máy bay) và cũng là nơi mà cô đã tiếp Eddie Fisher là người chồng mà nay cô đã ly dị để lấy Richard Burton.

— Không biết trong cảnh xưa... «lắm chuyện» ấy, tân lang Richard

Burton có suy nghĩ gì không ?

NGA : «mốt» ăng lê

Năm 1963 «mốt» ăn mặc của «con người quý phái» (gentleman) Nga là : mũ quả dưa (chapeau melon) quần ống chặt lại thẳng, áo xuôi có «rơ-ve» (revers) nhỏ, giày đế mỏng mũi nhọn hay vuông. Đối với người tinh mắt, có thể nhận thấy ống quần phía dưới hơi lờ ra một tý để nhắc nhở lại chút hình ảnh của loại ống quần «chân voi» (patte d'éléphant) danh tiếng của «mốt xưa» dưới thời kỳ «Xít-la-lin».

«Mốt 1963» như vậy làm cho các «công tử Nga» giống các tay «áp-phe» của các khu vực doanh thương có tiếng ở Luân-Đôn.

Các «công-tử» phải bắt buộc thắt «cà-vạt» không còn cái «mốt trác táng» mặc sơ mi hở ngực như trước nữa.

* AN-ĐỘ : cuồng tín

Bacho Orano, một nông dân ở Bihrar là một tín đồ trung thành của một vị nữ thần mà anh ta sùng bái. Anh ta đã đem đứa con gái Rita mới lên 2 tuổi ra chặt đầu để tế-thần, tin tưởng rằng nữ thần sẽ giúp cho anh ta được mùa năm nay.

— Tin tưởng ở thần quyền đến thế chắc chắn thế gian chưa có mấy người.

tuyết

★ THANH-NHUNG
(Tokyo)

Nói gì đây? Chiều nay hồn nhẹ lắm
Bay theo từng giọt tuyết nhỏ lang thang.
Tôi ở nơi đâu? Thế-giới trần-gian
Hay xứ mộng vẫn nằm trong tâm tưởng?
Đây có phải phần hoa từ vạn hướng
Nàng tiên nào trang-diễm đã làm rơi?
Hay nhạc và thơ không ngỗ nên lời
Nhưng thấm-thía tận linh hồn băng giá?
Cây nở nghìn hoa một màu trang-nhã
Cỏ uốn tơ mềm bắt chước làm mây.
Từng giọt rơi, từng giọt nhạc rơi đầy
Từng giọt chở lời thơ về nao-nức.
Trong im lặng thoáng nghe niềm rạo-rực
Của một người tìm thấy dáng quê hương:
Màu trắng đơn sơ ấp ủ trong hồn
Trong mơ ước của thời hoa thiếu-nữ.
Nói gì đây? Hồn tôi là tơ lụa
Cùng tuyết chiều nay đồng hóa mất rồi.

lòng hện lòng

★ HỒNG - LIÊN
(Quảng-trị)

LỬA ĐÔI...

Không gian mờ hơi lạnh,
Hạt sao thưa tắt lịm bên trời.
Lòng đêm hiu quạnh,
Tình sầu chơi vơi.
Ánh mắt buồn trắng không tỏ lối,
Gió về xa lạc áng mây trôi.

Ta say
Cuộc sống tuyệt vời.
Viên ngọc trinh ngất mộng.
Tìm ảo huyền xa-xôi,
Thu buồn hiu hắt vầng rơi.
Ta mê lạc.
Hoa hồng trên môi.
Một trời hương sắc đang ngự trị.
Cả hồn, cả thể, của đời ta,
Ta mê bạc trắng môi cười,
Buông khuâng hồn mộng
Ta gục đầu trên áng sách,
Đi tìm anh tận cuối trời.
Mơ màng ta chẳng nói,
Ngờ ngàng anh không cười
Tay trong tay nhau mãi,
Lòng hện lòng lửa đôi.

Lệ nền ngân giòng tuôn lá chả.
Tiếc giấc mộng đang dật nửa vơi,
Sông thừa trăng lặn soi gổ biển
Một ánh sao đời thương nhớ ai?

Minh

Ơi!

Rượu LA-VE



CÓ BỞ

THẬT

KHÔNG

?

★ Điện-Huyền

Tại sao thế hả Minh?
Em thấy thí dụ như ở
Saigon này có 1 triệu
người đàn ông thì có 999.999
người thích uống bia. Chỉ có
một người mà không bao giờ
em thấy uống nó, là mình. Tại
sao mình ghét rượu bia dữ vậy?

— Em biết anh ghét hết tất cả
các thứ rượu, không riêng
gì rượu bia.

— Người ta bảo rượu bia bổ
lắm cơ mà? Có thật rượu bia
bổ không mình? Em không hiểu
nó có chất bổ gì và nó ngon
thế nào mà ai cũng thích uống
nó?

— Kề ra nó là một thứ giải
khát bổ hơn hết. Một lít rượu
bia có thể đem vào cho cơ thể
con người 400 ca-lô-ri, nghĩa
là bằng số lượng ca-lô-ri của
400 gờ-ram bánh mì, hay là
hai phần ba một lít sữa tươi.
Chỉ khác một điều là trong 400
calories của một lít bia đã có
trên 250 calories của rượu, mà
rượu thì không phải là một món
ăn như bánh mì và sữa. Bia
chứa nhiều Vi-ta-min *B1* và rất
nhiều *acide nicotique* (pyridine-
carbonique) kích thích bộ máy tiêu
hóa, giúp sự tiêu hóa dễ dàng.

Gọi là *rượu* bia, nhưng chất
rượu có ít thôi, nếu uống bia có

điều độ thì thiếu lượng rượu đó
không làm hại gì cho cơ thể,
vào trong máu nó bị tiêu tan
hết ngay.

— Anh Bảy của em là một
cây La-Ve, một rừng La-Ve,
Minh ơi! Cứ mỗi buổi trưa anh
ngồi ngoài hè đọc báo, làm hết
hai chai, một mình anh!

— Em nên cho anh ấy
biết rằng uống bia nhiều như
thế tất nhiên có hại. Nói ra
như thế, các nhà sản xuất bia
họ nghe được, họ sẽ oán mình
chết vì họ quảng cáo hơi thái
quá là rượu bia rất bổ dưỡng
cho cơ thể. Sự thật là nếu lạm
dụng nó như mỗi buổi trưa 2
chai chẳng hạn thì những chất
bổ của nó bị rượu phá hết.
Rượu bia bổ và giúp ta ăn ngon
cơm một phần lớn là nhờ chất
houblon.

— *Houblon* là gì hả Minh?

— *Houblon* là một loại cây
leo như cây nho, lá gần giống
như lá nho và có bông kết chùm.
Người ta nấu bia, phải trộn hoa
houblon vào cho nó thơm và
có đôi chất bổ. Tóm lại, nói bia
là rượu bổ thì hơi thái quá. Nói
nó là một thứ giải khát rất hợp
với vệ sinh thì đúng hơn.

— Thế sao Mình không thích uống bia? Giá sử trước mỗi bữa ăn, Mình uống một chai bia nhỏ nhỏ, chắc mình sẽ ăn ngon cơm hơn.

— Một chai 33 ?

Bà Tú cười:

— Mình thì phải một chai 35 !

— Ừ, cũng được, nhưng tại vì không có bia 35 cho nên anh không thích uống bia !

— Em nói đùa đùa chọc Mình chơi cho vui, chứ em biết mình ghét rượu, bất cứ rượu gì. Em cũng thích như thế. Mình nè, uống rượu bia thì ăn ngon cơm là tại sao ?

— Là vì trong bia có những chất colloïdes, nó dính tay như keo, như nhựa, mà nó thấm nước, uống bia vào thì những chất nhựa ấy dính phớt trên lưỡi, gây ra một giác quan kích thích. Tiếng Đức có một chữ diễn tả đúng cái giác quan trong miệng ấy, là *Wollmundigkeit*, tiếng Pháp cũng theo đó mà dịch là *plénitude de bouche*, nghĩa là sự cảm nhận một khiêu giác đầy trong miệng.

— Còn tại sao em uống bia thấy có vị đắng-đắng ?

— Đắng là tại chất đắng

trong vỏ lúa đại-mạch (*orge*) — vì Bia nấu bằng lúa *orge*, — và chất đắng trong *houblon*, pha trộn nhiều *houblon* chừng nào thì bia đắng chừng nấy.

— Mình ơi, trên thế-giới xứ nào cũng có nấu bia sao ? Người các xứ khác có thích uống bia như người Việt-nam mình không ?

— Rượu bia đã có từ thời thượng cổ lận, em ơi !

Mấy nghìn năm trước khi Chúa Christ ra đời người **Ai Cập** đã nấu rượu bia rồi. Cũng như người Tàu ở thời đại **Phục Hy Thần Nông** đã biết nấu rượu nếp. Rượu bia cũng như rượu nếp của á-đông, chỉ khác là ta nấu với lúa nếp, còn người Tây-phương nấu với lúa *orge* và *houblon*.

— Rượu nếp của Việt nam mình ngon hơn rượu bia nhiều chứ, phải không mình ?

— Ừ. Anh cũng khoái rượu nếp.

— Em cũng khoái rượu nếp. Hai đứa mình cái gì cũng khoái giống nhau, Mình há !

Ông Tú cười, cúi xuống hôn bà Tú một cái, nói tiếp :

— Đồng bào thiểu số của ta ở các miền núi cũng đã biết nấu

rượu nếp, rượu gạo và rượu bắp từ xưa từ xưa, từ **Indonésia**, **Malaya** truyền sang. Đó cũng là một loại như rượu bia. Sở dĩ mùi vị của rượu bia đặc biệt hơn là nhờ có *houblon*, có lúa *orge* thơm hơn, dẻo hơn và cũng nhờ họ nấu theo phương pháp khoa học tiến bộ hơn. Lúc ban đầu người **Ai cập** ở hai bên bờ sông **Ni-l** nấu rượu bia với lúa *orge* cũng như rượu nếp của ta.

Hồi đó, rượu bia người **Ai-cập** gọi là *Zythum*. Chắc chắn Nữ Hoàng **Cléopâtre** đã mời đại tướng **Antoine** ăn trái sung và uống rượu bia *Zythum* trong lúc trai tài gái sắc trao đổi ái-ân. Từ **Ai-cập**, các nhà buôn chở rượu *Zythum* sang bán bên

Hy-Lạp, rồi từ **Hy-Lạp** phong-trào uống bia tràn lan sang **La-Mã**, sang xứ **Gaule** (tên của nước Pháp thời xưa), và qua **Germanie** (Đức, Hòa-Lan, Ba-lan, Autriche ..)

Người **Gaulois** (Pháp xưa) bỏ danh từ **Ai-cập** *Zythum*, đặt lại là **cere visia** rượu của **Cérès**, Nữ-thần Mùa-màng. Sau lại biến thành **cervoise**, cũng nấu bằng lúa *orge*. Nhưng ghiền rượu lúa *orge* nhất là người Đức và các giống dân cùng huyết-hệ là giống người **Germanique**. Người Đức đổi ra tên Đức là rượu **Bier** từ năm **1435** và thêm *houblon* vào cho thơm và có hương-vị đắng-đắng đặc biệt hơn rượu *cervoise* của Pháp. Vì rượu **Bier** của



" AI MUA RƯỢU NẾP... KHÔNG "

Đức ngon hơn, thơm hơn, uống vào kích-thích các giác quan hơn, nên người Pháp chán bỏ rượu cervesse, bắt chước nấu **Bier** và áp-dụng danh-từ **Bierre** mãi cho đến năm **1835**, Hàn-lâm-viện Pháp mới sửa lại là **Bière**, cho giọng đọc gần đúng với tiếng Bier của Đức hơn. Người Anh cũng gọi theo tiếng Đức, là **Beer**. Sang Việt-nam thành **Bia**, sang Nhật bản là **Biro**.

— Mình ơi, còn tiếng **La-De**, hay **La-Ve** đặc-biệt thông-dụng ở miền Nam, là do ở đâu mà ra ?

— Là do hãng nấu Bia của người Pháp ở Saigon và Hanôï



Dân Sơn-Cước uống rượu Bắp, hoặc rượu gạo

hồi Tây mới mở cho đến lúc chiến-tranh, là hãng **Bière Larue**. Anh em công nhân ở hãng gọi trại chữ **Larue** thành **La-De**, mà viết thì **La-Ve**. Chữ **La-De** cũng có thể do chữ **La Bière** nói trại ra. Vào khoảng năm 1925 cho đến 1935, 36, ở trước chợ Bến-Thành gần ga xe điện (tramway) Cuniac, cứ chiều tối thường xuyên có một chiếc xe của hãng Larue đậu ở đấy để bán «**La-Ve**» cho dân chúng đi chơi mát. Có bảy tám cái ghế đầu kê hai bên xe. Thanh niên tụ lại ngồi ăn các món đồ chua, như củ kiệu, củ tỏi, hoặc mực khô nướng, nem nướng, và uống một «**bock**» **la-ve**, trả 3 xu. Coi bộ anh nào anh nấy cười-mở mắt, mặt đỏ bừng, miệng cười thỏa-mãn.

— Mình có ngồi ăn uống lần nào ở chỗ đó không ?

— Không có. Anh chỉ đứng xem. Đặc-biệt ở Saigon có những xe **La-Ve** ấy từ **1925**. Còn ở Hanôï thì mãi đến năm 1936, mới có một chiếc xe kiểu như xe Saigon, đậu ở Bờ-Hồ, gần ga tàu điện Cầu - Gỗ, nhưng khách ăn không có chen lấn đông đảo như ở Saigon. Vì người Bắc không ưa ăn uống ngoài đường phố. Và lại dân Hanôï không thích uống Bia. Nghiện rượu nhất như nhà văn **Trương Tửu** hay nhà Thơ **Tản Đà** cũng chỉ là

những «**cây**» rượu trắng (trong Nam gọi là **rượu đế**) hoặc là **rượu lậu**, hay «**rượu ty**», «**rượu công xi**» của Công ty Rượu Fontaine, hoặc hôm nào có tiền thì uống rượu chất đỏ hay chất trắng của Tây, chứ không mấy khi uống Bia.

Dân Trung-Kỳ thời bấy giờ cũng không thích **La-ve** cho nên rất ít nơi bán. Đa số thị thành lớn như Vinh, Huế, Đà-Nẵng, Quảng-ngãi, Qui-nhơn cũng không thấy nhiều nơi bán rượu bia. Hoặc có thì rất ít người uống.

— Mình ơi, nấu lúa orge và houblon cách sao mà thành ra rượu bia được, hả Mình ?

— Có khó gì đâu. Nấu rượu nếp thế nào thì nấu bia cũng thế. Nghĩa là theo nguyên tắc, ngâm lúa orge cho lên men, trộn thêm houblon, bỏ men vào, và nước lạnh, rồi ủ tất cả lại một thời gian thành rượu **Bier**. Rượu Bia nào ngon nhất là nhờ dùng loại lúa orge tốt nhất, trong lúa orge thường có những chất **hydrates de carbone** : từ 62 đến 74%, trong đó có bột (amidon) từ 44 đến 58%, đường : 1— 1,5%, chất đạm : 7 đến 13%

và một vài chất khác nữa. Hiện nay mỗi năm toàn thế giới sản xuất vào khoảng 25.000 triệu litres rượu Bia. Đứng đầu trong số sản xuất là Hoa-Kỳ (6300 triệu) rồi đến Đức (6000 triệu) Pháp, Bỉ, Nga (600 triệu) Australia, Suède, Canada, Nhật v.v...

Tính số lượng mỗi người uống thì ở Đức uống nhiều hơn nhưng trung bình mỗi người mỗi ngày 1 lít.

Ở Mỹ sản xuất hơn cả, và Bia được coi như là **quốc-âm** (**National Beverage**) nhưng mỗi người uống mỗi ngày không quá nửa lít. Số dư đề xuất càng.

— Mình ơi ! em nghiệm thấy đa số người Việt-Nam mình ăn uống không có điều độ và do đó mà sức khỏe sút kém hơn người ngoại quốc, phải không Mình ? Hễ món nào thích uống là cứ uống tướt hột sen, như rượu bia uống cho «**sướng**» thần khẩu, cho say túy lúy, ba bốn chai một lúc, ăn thì ăn cho no nê ứ ứ, bất chấp cả vệ - sinh, cả sức khỏe. Người ngoại quốc ăn hay uống đều nghĩ trước hết đến sự bô

MÌNH ƠI !

dưỡng cho thân thể, chứ không vì sướng miệng và tham lam. Đúng không Minh ?

— Đúng lắm. Đó cũng là một bài học vệ-sinh của sự sống mà chúng ta nên thí-nghiệm.

— Minh ơi, em đề nghị với Minh điều này, Minh có chịu không ?

— Nói đi.

— Minh chịu thì em mới nói.

— Em nói rồi anh mới chịu.

— Sẵn có 20 gói nem Huế của cái cô gì của Minh gửi vô

biếu Minh đó, hai đứa mình ăn nem uống La-De một chuyến chơi xem sao ? Minh chịu nhé.

— Uống say rồi tối nay làm sao anh viết ?

— Tối nay thứ Bảy mà ! Minh cho cây bút của Minh làm reo một đêm đi. Hai đứa mình say rồi ngủ, không cần biết Trời đất quỷ thần gì ráo !

— Ừ. Em muốn sao, anh cũng chịu.

★ *Diệu-Huyền*



★ NGƯỜI GIÚP VIỆC NGỒ-NGẦN

Một ông công-chức có nuôi một người ở rất tận-tụy, siêng-năng nhưng hơi ngổ-ngần. Một buổi sáng dậy trễ, ông công-chức hối-hả bảo người-ở đi lấy đôi giày đem sẵn cho ông trong lúc ông đi rửa mặt. Người-ở đem giày ra và bảo :

— Thưa ông, con đã cột sẵn cả giày giày cho ông rồi đây !

★ DANH NGÔN

● Chơi với người hay như vào nhà trồng hoa, tuy chưa thắm mùi thơm nhưng nhẹ thoảng trong người. Chơi với kẻ dở như vào hàng cá, tuy chưa nhiễm mùi tanh nhưng nặng nề trong người.

LÊ KỶ

tết nhất năm nay

★ **QUỐC-PHƯƠNG**
(Ty Công-Chánh - Quảng-Trị)

Tết nhất năm nay rõ chán phèo
Chăn trùn kín mít lạnh chèo-queo
Cha đời của có : trăm điều sướng
Mẹ kiếp tiền không : một chữ nghèo.
Thuở trước hạn bèo thăm rợn rợn
Bây giờ thân thể nghĩ buồn teo.
Muốn ngơ chẳng đón nàng Xuân nữa
Lại tiếc Xuân về tóc bạc theo.

xuân quý mảo thuật hoài

★ **SONG-THU**
(Gia-Định)

Thấm-thoát thiếu-quang trắng mái đầu,
Ba-mươi-sáu Tết nữa bao lâu !
Trên đời từng trải cơn giông tố,
Trước mắt lần qua cuộc bể dâu.
Non nước hẳn đành dan-điêu lở...
Nghiep duyên thôi chẳng hẹn-hò sau.
Ngày xuân ta hãy vui xuân đã,
Cùng bạn thi văn ngộ giải sầu.

xuân quý mảo thuật hoài

(THƠ HỌA)

★ **ĐAN-QUẾ**
(Dalat)

Sóng gió bao phen chóng bạc đầu,
Xuân về, hận cũ tưởng quên lâu.
Lợi danh lắm lở hoài băng tuyết,
Sự nghiệp âm thầm thẹn biển dâu.
Gánh vác đã cùng chung lớp trước,
Về thôi thôi để cậy người sau.
Xuân nào mới hẳn không Nam Bắc
Đề nước Hồ Gươm khỏi gợn sầu.

DỤC - TÍNH

một chứng bệnh

hay một

trạng-thái

SINH - LÝ

?

★ B.S. THIÊN-Y,

Một bản-tính tự nhiên của loài người

Tạo hóa sinh ra có nam có nữ, có đực có cái, cốt để các sinh vật duy trì lây nòi giống, vì cần phải phối hợp một giao tử đực (gamète male) với một giao tử cái (gamète femelle) để tạo sinh ra một cái trứng hay hợp tử (zygote). Trứng trưởng thành theo thời gian mà thành một sinh vật mới, chung đúc các đặc tính của giao tử cha mẹ, rồi cứ thế mà tiếp tục sinh tồn. Từ loài cây cỏ, đến các động vật, kể cả những con

vật bé nhỏ, cơ năng sinh dục là cơ năng căn bản của muôn loài, mà dục tính chỉ là tính chất tự nhiên phải có của sinh vật, ngoại trừ một thiểu số sinh vật hạ đẳng mà thôi.

Như vậy đã là người phải có tính dục, hơn thế, dục-tính phải phát triển điều-hòa, sớm quá, muộn quá, đều có hại cho cả tinh thần lẫn vật chất.

● Tuổi dậy thì

Đối với con người, dục tính bắt đầu từ tuổi dậy thì,

DỤC TÍNH, MỘT CHỨNG BỆNH

lúc con gái 15, 16 tuổi, con trai 17, 18, tức là thời kỳ mà bộ máy sinh dục phát triển mạnh mẽ. Có thể nói rằng tuổi dậy thì là lúc mà dục tính nổi dậy. Đó cũng là lúc có sự hòa đồng giữa thân thể và tâm hồn, hòa đồng trong sự phát triển này nọ, kèm thêm lòng khát khao ước muốn nhục dục. Vì vậy các nhà luân lý thường nhận thấy ở trong tuổi này không khéo giáo dục thì dễ dàng bị sa ngã.

Dục tính phát triển không điều hòa ở mọi bản chất con người mà thay đổi tùy theo từng thể xác, từng tâm hồn. Có những tâm hồn mộc mạc đơn sơ, thì chỉ là những rung động nhẹ nhàng, những nỗi buồn man mác, những mối tình thoáng như gió. Đối với con người đa cảm thì đó lại là cả một vấn đề: lụy, thương, ghét, nhớ !.. Đối với những thể xác mà bộ máy sinh dục phát triển quá mức, thì đó lại là cả những đòi hỏi xác thịt gắt gao, khó kiềm chế nổi, thương thường dễ đi quá trớn mà gây nên những hậu quả hết sức tai hại.

Một trường hợp : tảo hôn !

Tuy nhiên, dục tính phát

động, chưa phải là lúc đi tới hôn nhân (để mà giải quyết vấn đề !)

Ở nước ta, nhất là ở thôn quê, vẫn có một tệ tục là cha mẹ gả chồng cưới vợ cho con rất sớm. Vấn đề tảo hôn này hiện nay pháp luật đã ngăn cấm nhưng ta cũng nên hiểu thêm các nguy hại đứng về phương diện sinh-lý.

Trước tiên ta biết rõ dục tính chỉ là một tính chất tự nhiên của con người phát động nhưng không đều tùy theo từng thể chất con người, hơn thế đây chỉ là một tính chất cần phải có của một sinh vật tới lúc trưởng thành, không nên coi đó ngay là một nhu cầu tồi yếu, vì bộ phận sinh dục chưa bành trướng hoàn toàn, trí khôn con người chưa hẳn đã mở rộng, vợ chồng trẻ thiếu suy nghĩ, trong tuổi dậy thì thường dâm dục quá độ sẽ hao tổn rất nhiều sức lực, và nếu có sinh đẻ thì nguy hiểm cho cả mẹ lẫn con; mẹ non tuổi thiếu kinh nghiệm, con thiếu tháng, yếu ớt, khó nuôi.

Như vậy, trong tuổi dậy thì lúc mà dục tính bắt đầu, cần phải có một đường lối giáo dục vững vàng, hợp lý để hướng dẫn con em đến con đường chính đáng.

Trường hợp văn-hôn

Văn hôn cũng nguy hiểm không kém gì táo hôn. Kết hôn muộn màng, hoặc không kết hôn đều cũng ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tinh thần và vật chất. Tính dục bị kềm hãm trái với sinh lý, sẽ đưa đến những hậu quả không hay, người thiếu hòa nhã, hay gắt gỏng, cau có vô cớ, sức khỏe hao mòn, tâm hồn không thanh thoi mà trái lại bức bối, dục vẫn.

Cũng có người cứ để cho dục tính phát triển tự nhiên rồi đổi phó một cách giả tạo. Đó là những trường hợp ý dâm, thủ dâm, đều hết sức tai hại.

Lại cũng có người tìm cách giải quyết sinh lý. Đó là bước đầu dẫn tới truy lạc và các bệnh phong tình.

Cũng cần kể tới những trường hợp chênh lệch về tuổi tác quá nhiều, dục tính ảnh hưởng không phải là nhỏ. Đó là trường hợp bội hôn.

Trong mọi trường hợp, cần điều hòa cơ năng sinh dục để giữ vững các hoạt động của cơ thể.

Dâm dục quá độ

Để cho dục-tính phát triển

quá độ, lạng lẽ chiều theo các nhu cầu giả tạo, tức là đi vào hồ sa ngã.

Hậu quả là thủ dâm, đi tỉnh, liệt dương các chứng bệnh phong tình.

Khi mà dục-tính bùng nổ, người ta thường cũng dễ bị liệt-lương (anerection). Trường hợp này chỉ tạm thời, không coi là một chứng bệnh, mà đây chỉ là một hiện tượng sinh lý đặc biệt do cảm động, ngỡ ngàng hoặc mệt mỏi, suy yếu gây ra. Nghỉ ngơi, tỉnh dưỡng ít lâu sẽ hết. (Trường hợp những chàng trai mới lấy vợ, những người mới tiếp xúc với đàn bà...).

Trong thời kỳ dục-tính này nở, cần đề phòng, cần chế ngự bằng đủ mọi cách, để con người đủ năng lực điều khiển các cơ năng. Lòng tay, coi thường dễ gây ra những trường hợp đáng tiếc.

**Cần điều hòa giường
mây của cơ thể**

Tạo hóa đã ban cho con người ba cơ năng: cơ năng liên lạc, để hiểu mình và cảm thông với ngoại giới, — cơ năng dinh dưỡng để duy

trì lấy thể xác và tâm hồn — và cơ năng sinh sản để tiếp tục sinh tồn. Dục tính chỉ là một tính chất của cơ năng, một tính chất đặc biệt, đáng đề ý. Hướng dẫn, giữ gìn, thì đó là những trạng thái sinh lý thông thường của cơ thể. Để cho dục tính phát triển tự do, vượt mức, thì dục tính chỉ còn là một chứng bệnh của cơ thể cần phải điều

trị.

Guồng máy mà tạo hóa đã ban cho, con người cần phải biết cách điều khiển một cách chính xác.

Khi mà cả ba cơ năng cùng hoạt động điều hòa, đều nhịp thì lúc đó con người mới thật tìm thấy niềm vui trong lẽ sống.

● B.S THIÊN-Ý



Chung quanh vấn đề :

**« MỘT CHỨNG BỆNH TAI HẠI
CHO THANH THIẾU NIÊN »**

*** Bạn M.L. Đà-nẵng**

« Tôi rất đau khổ vì chứng bệnh kín như bác sĩ Thiên Ý có nói trong bài báo... Thân thể tôi bất hoại, làm việc không chuyên cần, kém nhớ... sút đi mất 4kg ».

Xin bạn xem cách chữa di tinh ở báo số 99.

*** Một học sinh, em
Võ-I-Ph. Thủ-đức**

«... Cháu xin thú thật chính là hệ đang mang tất cả những điều mà bác sĩ Thiên-Ý đã viết... bây giờ nên uống thuốc gì cho hợp... »

Em cần rút bỏ tất cả những ý nghĩ cũng như những cử chỉ có thể làm tăng dục tính lên. Nên giải trí thanh tao lành mạnh. Uống thuốc an thần Passiflorine.

★ Ông H. đ. Tr. Đà-nẵng

«... Sau một thời gian thủ dâm, tôi thấy người mệt mỏi khó chịu, mắt kém, cứ xoắn xang hoài, lưng đau, trí óc hình như kém minh mẫn như xưa, học rồi quên, thấy trong người mệt mỏi khó tả. Rất mong bác-sĩ vui lòng chỉ dẫn vạt loại thuốc chữa? Nếu tôi ngưng hẳn thủ dâm sẽ vẫn hồi được trí óc và bệnh tật chăng?»

Ông nên dùng một trong các thuốc an thần sau đây, *Passiflorine*, *Neurinase*, *Bromo-magnesium*, *B.l ergal*... Cần nghỉ ngơi, ăn những chất dễ tiêu, cử rượu, đồ gia vị, ăn nhiều trái cây. Ông nên dứt bỏ hẳn thủ dâm thì sẽ khoẻ mạnh và minh mẫn như xưa.

★ Ông Ng th. T. KBC 4091

«... Từ nay sẽ bỏ hẳn tật này, như thế sau này cưới vợ có con được không?»

Ông đã từ bỏ rồi, cơ thể sẽ lại như cũ, như vậy khi lấy vợ, tất là sẽ có con (trừ những trường hợp muộn còn do những nguyên nhân khác không hề).

TÍNH CHẤT BỔ KHỎE của sản phẩm B.G.I.

Được quý vị tín nhiệm, hãng BGI hàng ngày trung tâm phân phối quý vị với các loại giải lao tinh khiết, thơm ngon và bổ khỏe.

La-ve Larue, đầy đủ các khoáng chất và sinh tố cần bản cần thiết cho cơ thể, được quý vị ưa chuộng vì phẩm cao mà giá hạ.

La-ve «33» đại bổ dưỡng, đánh tiếng quốc tế với cấp bằng label «Sélection Eur pe» — hương vị tinh tế làm vừa ý người sành điệu khó tánh nhất.

Nước ngọt Con Cọp, phẩm chất vô song, giúp ích bộ tiêu hóa, giúp cơ thể chống lại sự hao hụt chất nước cần thiết, rất nguy hại cho sức khỏe và thường xảy ra trong những ngày nóng nực. Xá Xị Hòa Tiến và Bạc Hà Con Cọp còn có những được tính trị liệu đặc biệt chống các chứng bệnh cảm mạo.

Xi-rô Con Cọp: Cam, Chanh, Lựu, Bạc Hà, Dâu, tinh chế với hương liệu chọn lọc, tươi tốt và nhiều sinh tố, đứng hàng đầu các loại Xi-rô thơm ngon nhất. Qua mọi giai đoạn chế-biến, từ các máy tinh vi trong phòng lạnh cực tinh sạch đến khi vô chai, việc chế tạo Xi-rô Con Cọp không phải cần đến bàn tay người. Nên tính chất cực tinh khiết của Xi-rô Con Cọp được bảo đảm hoàn-toàn, khác hẳn với các thứ pha chế theo lối thủ công nghệ.

Tất cả các loại giải lao Con Cọp đều chế tạo với mục đích cung cấp cho nhu cầu giải khát của quý vị các thức uống có tính cách gia tăng Sức khỏe và sự vui tươi của quý vị.

Chào Quốc

tò khai

ĂN HỐI LỘ

Bị bắt vì một vụ ăn hối lộ, một vị công chức có nhờ Diêu-Huyền làm giùm một bản trần tình bằng thơ mà ông căn dặn «Nhờ cô viết thể nào cho hấp-dẫn nhé, bào chữa cho khéo léo nhé». Vì trường hợp của ông công chức này lương tháng không quá mười ngàn mà ông đã tậu được 3 villas, hai xe hơi Huê-kỳ, và đời sống rất dễ vương.

Kể cũng khó đấy. Nhưng Diêu-Huyền muốn thử làm trạng sư một lần xem may ra Quan-Toà có rộng lượng tha cho ông công chức thì hay quá! Lạy trời!

Xin thay lời bị-cáo, mà kính cần thưa với quý Quan-toà như sau đây:

★

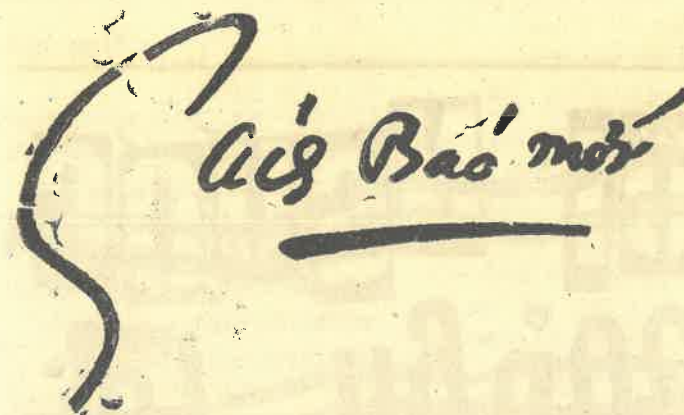
Tôi, một công-chức xoàng
Lương tháng gần mười ngàn
Bảy con, ba mụ vợ.
Vấn ăn-xài huyênh-hoang
Vợ lớn và vợ bé,
Đời tôi sầm hột-xoàn.
Vợ muốn thì phải được,
Không tiền cũng sầm càng.
Tại các bà lớn bự,
Đeo dây ngọc, dây vàng,
Nào kim-cương, ngọc-thạch,
Ngực cổ đều sáng choang,
Vợ tôi thấy bắt chước,
Theo gương các bà Hoàng,

Nhông-nheo cho kỳ được,
Mỗi cô chuỗi hột xoàn!
Con gái tôi bốn đứa,
Thi đua diện thời trang
Hùa theo đợt sóng mới,
Chơi với bọn đẽm-dàng,
Nhảy rum-ba, tu-uyt (twist)
Đi Dalat, Nha-Trang.
Xin tiền đua chúng bạn,
Không cho, chúng làm tàng.
Cô thì đòi tự-tử
Cô khóc la rùm vang
Cô chê tôi «chậm tiến»,
Ăn cắp tiền... đi hoang!

Hai trai học bên Pháp
 Mỗi tháng tốn sáu ngàn.
 Chúng nó chê trường Việt,
 Dạy tú-tài «lô-can!»
 Một thằng mê gái Pháp
 Lấy nó đã có mang
 Viết thư về khảo của
 Mỗi tháng năm ngàn quan.
 Riêng tôi còn phải mượn
 Hai biệt-thư thật sang
 Cho hai cô vũ-nữ,
 Mỗi cái cho mỗi nàng.
 Vì hai cô thất nghiệp
 Đêm buồn đi lang thang,
 Thấy thế tôi thương xót,
 Phải đem về cứu mang.
 Tôi lo sợ vợ cả
 Biết được sẽ la làng.
 Nhưng tôi phải cấp dưỡng
 Hai cô tháng mười ngàn.
 Và hai xe vợ-đét
 Tốn hơn bốn trăm ngàn,
 Đề phu-nhân dạo phố
 Lái xe chạy nghênh ngang,
 Đề cho người ngoại-quốc
 Trông thấy phải kinh-hoàng
 Hết khinh ta «chậm tiến»,
 Phụ-nữ ta về-vang!
 Thế, tôi mới hãnh diện
 Làm chức vụ cao sang,
 Trung-thành với chính phủ
 Xây-dựng cho giang-san
 Hy-sinh vì tổ-quốc,
 Phục-vụ cho nhân-dân!
 Cho nên tôi cần phải
 Có bộ giớ hiên-ngang

Lấy le với cô-bác.
 Vênh váo với bàng-quan.
 Nhờ trời có địa-vị
 Làm tiền được dễ-dàng.
 Áp-phe vào rùm rụp,
 Chợ đen với ngoại-bang.
 Ấy thế tôi mới có
 Mấy triệu bỏ ngân-hàng.
 Nên tuy tôi công-chức
 Lương tháng độ mười ngàn
 Nhưng tôi là triệu-phú,
 Tiền bạc xài thả dàng.
 Đến những việc hối lộ
 Tôi xin khai rõ-ràng,
 Giúp những người xin-xỏ,
 Chỉ ăn vài trăm ngàn.
 Sống trong thời giặc-giã
 Phải tranh thủ thời-gian!
 Còn bao nhiêu ông khác
 Ăn hối-lộ nghênh ngang.
 Miệng hô-hào đạo đức,
 Bạc nhét đầy túi tham!
 Họ ăn cấp hàng triệu,
 Vẫn tự-do nghênh-ngang.
 Sao không ai bắt họ,
 Riêng tôi bị bắt oan?
 Xin quan toà rộng xét
 Nào phải riêng tôi gian!
 Tôi vô nằm trong khám,
 Sản-nghiệp tôi tiêu-tan
 Vợ tôi lấy chồng khác
 Gót ngọc bước sang ngang
 Nhờ lượng toà thương xót.
 Cúi đầu lạy các quan!

Viết giùm : *Diệu-Huyền*



★ **Hương Lam** Giải phẩm của gia-đình Phật-tử Chánh-Giác Gò Công do Phật-tử Minh-Đức, Trang-Ly gởi tặng.

Sở 1 và sở 2, kỷ niệm ngày xuất gia của Đức Thích Ca và ngày Ngài thành đạo.

Ban biên tập toàn là anh chị em gia-đình Phật-tử Chánh-giác. Thân-mền chúc các bạn thành công trong Phật-sự

★ **Vì sao em buồn**, nhạc bản của Hoàng-song-Nhy Đà-Nẵng. Nhạc bản này là một sáng-tác mới nhất của nhạc-sĩ Hoàng-song-Nhy.

★ **Bình pháp tinh hoa** của Lam-Giang Nguyễn-quang-Trứ. «Phiên-dịch 13 thiên binh-pháp Tôn-vô-Tử. Đối chiếu các nguyên-lý hành-binh và các trận đánh lớn của lịch-sử Đông-Tây hiện đại và cận-đại» nhà xuất bản Tân-Việt — 185 trang giá 55\$.

★ **Việt-Nam nhân vật chí vụng biên**. Tập thượng và tập hạ, do Thái-văn-Kiểm và Hồ-đắc-Hàm biên soạn. Nhà Văn-hóa Bộ quốc-gia giáo-dục xuất bản.

★ **Những bức thư tình của danh nhân thế-giới** do các ông Nguyễn-văn-Tạo, Đắc-Sơn và Tuấn-Tú biên dịch. Bản đặc biệt giá 100\$.

★ **Sao em không về làm chim thành phố Thơ** của Lam-vi-Thủy. Trình bày mới đẹp. 65 trang giá 25\$

LỜI NGƯỜC

Con bạn tôi

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VY

(Tiếp theo P.T. 99)

NGHE thằng Ngọng nói đến đây, tôi cười sặc-sụa, ăn hủ-tiêu không được nữa. Tôi có cái tật cứ hề cười thì chảy ra nước mắt, thằng Ngọng chạy vô buồng lấy khăn mu-soa của tôi đem ra cho tôi lau mắt, rồi nó kể tiếp :

— Ông Nón tức giận quá, cậu nghe chưa, niên xăn tới đánh Bà Nón một tát tai păng ! păng ! Bà Nón cũng hông chịu thua, nghe hông cậu, bà mặt-đặt cú xuống này chiếc giày cao gót đánh vào mặt

ông Nón dộp! dộp! thề nà thề nào? Nhưng ông Nón ôm chầm lấy bà Nón để dượt chiếc giày, hai người dành qua dành nại, nưonai nưonai qua, kéo nhau mãi một núc thật nẫu, thề nà thề nào! Rồi cuộc tay ông Nón mạnh hơn, ông Nón dượt được chiếc giày, ném vọt ra cửa kiền nằm bẻ miếng kiền, Con đứng núp ngoài cửa sổ nhìn vô, cậu ơi, con vừa nghe thầy thề con đã vội vàng ngồi thụp xuống, Thề mà chiếc giày và mảy mảnh kiền cũng rơi noăng-choăng

LỜI NGƯỜC

ngay trên đầu con. ! Con đau thầy mỗ, thề nà thề nào !

Tôi cười quá xá là cười. Nước mắt tôi chảy ràn rụa, tôi vừa lau mắt vừa cười, mà thằng Ngọng cứ nói mãi :

— Con sợ quá thề nà thề nào.

— Rồi mấy có chạy trốn không ?

— Thừa cậu, con sợ mà con hông chạy, Tại vì con biết nà ông Nón bà Nón đang hăng hái đánh nộn, không biết nà có con đứng rình nghe ngoài cửa sổ thề nà thề nào.

Bà Nón chạy nại nằm xuống giường vừa khóc, vừa na : « Đố khôn nạn ! » Ông Nón xăn đến xưng-xô hỏi : « Mấy bảo ai khôn-nạn, hà con kia ? » Bà Nón trả đũa nại : « Tao bảo mấy khôn-nạn đố ! » Rồi ông Nón bà Nón nại oánh nhau uyên-uyên trên giường, thề nà thề nào.

Tội nghiệp thằng Ngọng.

Tôi mền nó là vì thề. Tuy nó còn muốn kể nữa, nhưng sức thầy tôi ăn hết tờ hủ-tiêu đã lâu mà chưa uống nước, nó bảo tôi :

— Để con xuống bẻ nẫu nước sôi pha cà-phê cho cậu uống, rồi con sẽ kể hết cho cậu nghe.

Tôi mỉm cười bảo :

— Con vào buồng ầm nước trà ra đây rót cho cậu một ly nước trà nguội, được rồi.

— Sáng nay cậu không uống cà phê, thề nà thề nào ?

— Cậu muốn nghe con kể nốt câu chuyện.

Thằng Ngọng nhanh nhẩu chạy vào buồng ầm nước trà ra. Nó rót một ly nước trà nguội cho tôi, lấy cho tôi cái que tăm, rồi nó nói tiếp :

Bà Nón ngồi chồm dậy, cậu nghe hông, bà nhảy xuống đất đi nại chỗ bàn trang điểm ngồi xuống đánh phấn thề nà thề nào. Bà xoa phấn, mau nẹ trên hai cái má, rồi đánh m i son, rồi này nước chải nại mái tóc, rất vội vàng. Xong bà Nón đi mở tủ, thay bộ áo quần sơ mi trắng ten, mặc vào quần sa tanh trắng và áo ni-nông màu hoa cà, thề nà thề nào. Bà Nón trở nại bàn trang điểm, này nọ dầu thơm rưới trên tóc, bôi trên

cò, xong bà Nón xách bóp ngoay-ngoay ra đi, không nói với ông Nón một tiếng, thề nà thề nào? Ông Nón nằm yên trên giường cũng không nói với bà Nón một tiếng, thề nà thề nào?

— Bà Lớn ra đi, ông Lớn không chạy theo gọi lại sao?

— Dạ, thưa cậu, ông Nón không có gọi bà Nón nài. Con nghe Bà Nón mở cửa ra sân sau để ra ga-ra, thì con vội vàng chạy băng ra góc cây, đứng nấp trong bóng tối. Con thấy bà Nón nài chiếc xe *Kit-le* ra đi mất dạng, thề nà thề nào.

— Bà Lớn không trông thấy mấy hả?

— Dạ, Bà Nón không trông thấy con.

— Linh gác cũng không trông thấy mấy sao?

— Dạ, có bác ninh gác ngoài cổng, nhưng bác ninh cũng không trông thấy con, thề nà thề nào.

— Mấy phải coi chừng nghe! Mấy cứ quen tạt đi rình chuyện ông Lớn, lỡ lính gác bắt gặp, họ bắn chết!

— Nếu ninh thấy bóng con,

họ phải hỏi: «ai đây?» thì con sẽ nên tiếng trả nài nà: «Thằng Ngọng đây!» thì ninh hồng bán con, thề nà thề nào. Để con nói hết cho cậu nghe...

Tôi cười gật đầu. Thằng Ngọng nói tiếp:

— Cậu có biết, Bà Nón đi rồi, ông Nón nằm gì không?

— Tao làm sao biết được, Chắc ông tắt đèn đi ngủ chứ gì.

Thằng Ngọng cười:

— Cậu nói sai rồi! Ông Nón không đi ngủ. Ông Nón nằm suy nghĩ một núc thật nẫu, rồi ông Nón ngồi dậy này thuộc hát. Một núc thật nẫu nữa, con nghe đồng hồ điểm 1 giờ sáng. Ông Nón bấm chuông điện kêu reng-reng... thì 5 phút sau có anh bồi ở dưới phòng ngủ của ông Nón, thề nà thề nào. Con không biết ông Nón nói gì với anh Bồi, ông nói nhỏ nài, rồi anh bồi ra này xe máy phóng đi thật nhanh, thề nà thề nào. Con đánh cái đầu hỏi trong đầu con: «Ông Nón sai anh bồi đi đâu 1 giờ sáng? Rồi con đoán

chừng: ở có nẽ... hay nà... ông Nón sai anh Bồi đi mời Bà Nón Nhỏ đến với ông Nón? Con nhất định neo nên cây phượng ngồi chờ xem. Con đã buồn ngủ thấy mờ. Con sợ ngủ gục té xuống đất nên con ôm chặt vào cành hoa Phượng, thề nà thề nào. Một hồi nẫu, thánh bồi về, nói gì với ông Nón. Rồi một hồi nẫu... nẫu... nẫu... thiết nà nẫu, đồng hồ điểm 2 giờ sáng. thì con thấy chiếc xe mẹt-xơ-dít của Bà Nón-Nhỏ tới, thề nà thề nào. Người ninh gác cổng, nặt-đặt mở rộng hai cánh cửa để cho xe Bà Nón-Nhỏ vào, thề nà thề nào. Bà Nón-Nhỏ vô buồng ông Nón, thì con cũng neo xuống, chạy nài cửa sổ để nghe. Con nghe bà Nón Nhỏ vừa vô thì nói ngay cái giọng chua chát:

— «Vây chớ vợ anh đêm nay đi đâu mà giờ này anh truyền ninh cho em đến?»

Ông Nón nói khế:

— Em ngồi đây, anh nói chuyện cho em nghe.

Thề rồi ông Nón học lại chuyện đánh nộn với Bà Nón để cho Bà Nón Nhỏ nghe,

Nghe xong, bà Nón Nhỏ cười giọng mỉa mai:

— Nó đi Saigon với mèo

nó rồi, anh cứ tin em đi!

Thề nà thề nào? Ông Nón với Bà Nón-Nhỏ nói chuyện gì một núc, nói nhỏ quá con không nghe được, nài. Tự nhiên con thấy đèn tắt trong phòng ngủ, thề nà thề nào? Con dòm vô tối đen tối thui không thấy gì cả. Chắc nà bà Nón Nhỏ ngủ với ông Nón, thề nà thề nào? Con cũng buồn ngủ quá xá con đi về, thề nà thề nào?

— Mấy về bằng cách nào?

— Thưa cậu, ở ngay góc vườn ông Nón có một cây ôi xá-nị sùm-sê, con đã để ý chỗ đó từ nẫu. Con nen-nôi trong bóng tối ra đến cây ôi, con treo cây ôi nên đèn mái tường, thì con nài nằm cạnh ôi mà tụt xuống nẽ đường. Cánh ôi tuy nà bị, nhưng không bị nài, nó nài dẻo dai thề nà thề nào. Con hái một trái ôi bị nhét vào túi quần, rồi con bò ra gần đèn cái ngọn, con bám vào đây mà thả buông xuống y như con nhảy dè, thề nà thề nào!

Nói xong, thằng Ngọng thò tay vào túi quần, lấy trái ôi xá-lị to bằng trái cam, nhe răng cười, đưa tới:

— Thưa cậu, ăn đi, cậu, ôi xá-nị này ngon nài, thề nà thề nào. (còn nữa)



★ Bộ Y-tế «lành mạnh hóa»

(Của một Sinh-viên Y-khoa Saigon)

... Chúng tôi đọc trong các báo hằng ngày bản thông cáo của Bộ Y-tế có câu : «lành mạnh hóa các nghề trị bệnh và săn sóc sức khoẻ nhân dân...»

Thật chúng tôi rất khó chịu vì cũng ở trong gia đình Y-tế Việt-Nam mà đọc phải một câu Việt-văn của Bộ Y-tế còn dùng một chữ bệnh - hoạn như thế. «Lành-mạnh-hóa» là cái quái gì?? Xin biết rằng đã lâu rồi chính báo Phê-Thông đã đã-kích cở vô-nghĩa ấy, và chính bộ Giáo-dục cũng đã loại bỏ chữ ấy rồi. Sao bộ Y-tế còn đi lượm lại một chữ rác-rến đem dùng mãi trong thông cáo?

★ Cô Nguyên.

(của ông Vũ văn Bách, Kỹ-sư sở Hỏa Xa, Saigon)

... Nhân đọc Bài «Bức thư Paris» trong P. T. số 98 của ông Nghè Cồn có nhắc đến bài thơ của cụ Phạm T... làm tặng cô Nguyên, mà người bạn tôi tìm thấy trong tập thư từ giao thiệp với Giáo Sư Cồn từ mấy năm trước. Nên đưa cho tôi để gửi đến cho anh xem. Bài thơ đó công phu ở chỗ chắp những chữ đầu cả 8 câu lại thành «Cô Nguyên» và chữ Đầu của 2 câu 1 và 8 cũng là tên cô Nguyên.

Đây chính là rút trong bức thư của giáo sư Cồn viết cho người bạn, cùng nói về truyện thơ văn — từ năm 1956 đây, mà ngẫu nhiên đến nay lại có cơ hội nói đến l...

Vì bài thơ hay như thế, nên gửi anh đăng lên Phê-Thông để đọc giả thưởng-thức :

Cô cũng như tôi giống lạc loài
Ôm cầm bán đạo giữa trần ai.
Nước non mộng cũ nào đôi lứa
Giăng gió tình sương khéo một hai
U-uẩn cam đành thân với bóng
Yêu thương đề lụy sắc cùng tài
Ê-a mấy tiếng cho xong chuyện
Nguyên vẹn tình ta vẫn giữ hoài.
PH. T.

Bài thơ này giỏi và hay là mỗi câu thơ đều bắt đầu bằng mỗi chữ *Cô Nguyên*, và giỏi hơn nữa là chữ đầu câu đầu là *Cô*, còn chữ đầu câu chót là *Nguyên*.

★ Xin góp ý-kiến với Giáo-sư H.X.Hãn

(Của ông Phong-Trần-Khách, Giáo-sư Vật-lý-học Saigon)

... Do chỗ thắc-mắc ấy mà hôm nay tôi đánh bạo viết thư này nhờ ông chủ-nhiệm đăng lên Phê-Thông (ở mục nào cũng được) để được hân hạnh nghe Giáo-sư Hoàng-xuân-Hãn chỉ giáo cho. Không những riêng tôi, mà còn đa số các bạn Giáo-sư, và sinh-viên cũng có thắc mắc ấy.

Trong bài *Năng-lượng nguyên-tử* đăng trong Phê-Thông số Xuân và mấy số kế, Giáo-sư Hoàng dùng danh từ *Năng-lượng*. Chúng tôi thì quen dùng danh-từ *Năng-lực nguyên-tử* (Énergie atomique). Vậy chúng tôi không biết nên duy trì chữ *năng-lực*, hay nên sửa đổi theo Giáo-sư H X H.

Nhân tiện, Giáo-sư Hoàng cũng dịch chữ *Thermomètre* ra tiếng Việt là *Hàn-thứ-kế*. Trong tự điển Tàu, chép là *Hàn-thứ-biêu*. Còn theo thiên ý của chúng tôi thì có lẽ dịch là *Nhiệt-độ-biêu* đúng nghĩa hơn chăng? Vì *Nhiệt-độ-biêu* là dùng đo *sức nóng*, đúng cái nghĩa của chữ *Thermomètre*.

Còn *Hàn-thứ-kế*, thì chúng tôi không hiểu nghĩa chữ «*Kế*» ngoài cái nghĩa là *tính toán*.

Nhưng cái *nhiệt độ biểu* (Thermomètre) đâu có công dụng «*tính toán*».

Chúng tôi rất mong được học hỏi thêm nơi Giáo sư H.X.H.

Kính xin ông Chủ nhiệm Phê Thông thông cảm cho, và xin Giáo sư Hoàng xuân Hãn nhận nơi đây lòng cảm phục và tri ân sâu đậm của chúng tôi...

P. T. K

★ Tuấn chàng trai nước Việt

(của các bạn Huỳnh Ba, Chế minh Anh,

Lê trung Hòa, Phạm văn Cán, Quảng-ngãi)

... Chúng cháu là một nhóm thanh niên và học sinh ở Quảng Ngãi.

Đã từ lâu, chúng cháu hằng theo dõi mục «Tuấn, chàng trai nước Việt» của Bác viết một cách vô cùng thích thú. Chúng cháu là những kẻ hậu sinh, từ trước đến giờ hằng ước ao có những

bác tiền sinh kể lại đời sống và xã hội ngày xưa cho chúng cháu nghe, thế mà chẳng thấy báo chí nào nói đến như mục « Tuổi, chàng trai nước Việt » cả.

Thành thật, chúng cháu vô cùng biết ơn bác đã thay thế ông bà cha chú chúng cháu kể lại quãng thời gian của ngày xưa.

Chúng cháu cũng không khỏi ngạc nhiên và thích thú vô cùng khi nghe bác kể đến những cái chi tiết nhỏ nhặt dưới một ngời bút vô cùng duyên dáng, như chỗ kể lại vị hoàng tử Ai-lao với cô gái Việt-nam; cuộc đón chiếc máy bay đầu tiên, chuyển đi chiếc xe hơi « cà rịch cà tang » vào Qui-nhơn vv và vv

Nhưng rồi chúng cháu lại buồn. Chúng cháu không hiểu rồi đây ai sẽ kể lại thế hệ bây giờ cho hậu thế nghe ?!! chúng cháu cầu Trời phò hộ Bác sống lâu lâu để Bác sẽ kể mãi từ năm 1960 đến năm 2000 cho thế-hệ sau nghe. Và chúng cháu cũng mong sao Bác viết thật dài về mục đó để chúng cháu khỏi bị xem lờ đờ.

* Anh em Bảo-an yêu cầu Bộ G.D.

(của một nhóm Bảo-an, vùng 1 chiến thuật — Đà-nẵng)

Đà-nẵng, ngày 6-3-1963.

Kính thưa Ông, Theo tinh-thần văn-thư số 286/GD/HV3 ngày 19-01-1963 của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thì trong các kỳ thi Trung-tiêu-học kể từ niên-khoá 1962 — 1963. Bảo-an và Dân-Vệ được cộng thêm 1/10 tổng số điểm như quân nhân QĐVNCH.

Chúng tôi, một số Bảo-an viên thuộc Vùng 1 Chiến-thuật, trân trọng kính nhờ Ông Giám-Đốc Tập-Chỉ Phò-Thông chuyển lên Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục lòng biết ơn chân thành của chúng tôi. Một quyết định sáng suốt và hợp lý, mà chúng tôi hằng mong đợi từ bấy năm nay, kể từ ngày Bình-chủng Bảo-an được chính thức thành lập — xét ra hơi muộn, nhưng có còn hơn không.

Nhưng trong văn thư trên lại viết : « Bộ tôi chấp-thuận cho thí-sinh Dân-Vệ và luôn cả Bảo-an cũng được giảm 1/10 tổng số điểm... ». Theo chúng tôi, nói như thế không thuận tí nào cả, vì dầu sao Bảo-an cũng là Bình-chủng đàn anh đối với Dân-Vệ, cũng như Bảo-an đương nhiên đứng sau QĐVNCH — không phải chúng tôi quá cầu nệ, nhưng mong rằng Bộ Q. G. G. D. nên thận trọng hơn một tí nữa trong cách dùng chữ.

Trân trọng kính chào Ông và ước mong những giòng trên đây sẽ đến mắt Ông Bộ-Trưởng Quốc Gia Giáo-Dục.

HOÀI-NGỌC

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

Trả lời chung quý bạn Đại-lý

● Quyền Thơ HOANG VU hết đa lâu, và KHÔNG TÁI BẢN, vì chúng tôi còn lo xuất bản các tác phẩm kế tiếp.

● Tập Thơ Ngoại ngữ Solitude. Loneliness đang in. Chúng tôi sẽ cho biết giá bán sau.

● Mồ Hôi Nước Mắt, sẽ ấn hành trong mùa Thu tới. Khi nào gần phát hành, chúng tôi sẽ tin quý bạn biết rõ bằng thư riêng.

* Bạn Lê Trung Sơn Q. ngời

Ngày 2 tháng 4 năm Quý-Mùi = 5-5-1943

* Bạn Ph. Ánh, Vĩnh Bình

— Thư gửi cho tôi (Diệu Huyền) mà ngoài phong bì đề tên ở N.V. nhận, cũng vẫn đến tôi, chứ không bao giờ mất được. Và lại, theo thông lệ, tất cả thư gửi về tòa báo (mà không phải thư riêng), đều phải đề tên ông Giám đốc.

— Bạn hỏi : ngày 16 âm lịch năm 1953 là ngày mấy dương lịch, thì không thể nào trả lời được. Phải nói rõ là ngày 16 tháng nào chứ ?

* Ông Công Dân, Giáo sư, Huế

Mất phương mảy ngài.

Ngài, do chữ Hán là Nga, mảy ngài : là nga-mi. Con ngài không phải là con tằm. Nếu lông mảy của cô Kiều mà giống như con tằm, thì ghê sợ lắm chứ có vẻ gì là đẹp đâu. Ngài đúng ra là con bướm của một loại tằm, có râu công mà nhỏ và ngắn. Lông mảy của mỹ nữ đẹp vì mỏng và cong giống như sợi râu của con ngài.

* Ông Hoàng-Minh-Đạo, Đà-nẵng

Đây tôi xin chép rõ nguyên văn « Lời thề của Hippocrate » (Le serment d'Hippocrate) :

En présence des Maîtres de cette école et de mes chers condisciples, je promets et je jure d'être fidèle aux lois de l'honneur et de la probité dans l'exercice de la Médecine.

Je donnerai mes soins gratuits à l'indigent et n'exigerai jamais un salaire au-dessus de mon travail. Admis dans l'intérieur des maisons, mes yeux ne verront pas ce qui s'y passe, ma langue taira les secrets qui me seront confiés et mon état ne servira pas à corrompre les mœurs ni à favoriser le crime.

Respectueux et reconnaissant envers mes Maîtres, je rendrai à leurs enfants l'instruction que j'ai reçue de leurs pères.

Que les hommes m'accordent leur estime si je suis fidèle à mes promesses, que je sois couvert d'opprobre et méprisé de mes confrères si j'y manque.

• Tôi xin dịch đúng theo nguyên văn :

Trước mặt các Thầy của trường này và các bạn đồng-môn thân mến của tôi, tôi xin hứa, và tôi xin tuyên thệ trung-thành với luật-lệ của danh-dự và đức-linh liêm-trực trong sự hành nghề Y-khoa.

Đối với người bạn-cùng, tôi xin sẵn-sóc không lấy tiền, đối với các bệnh nhân, tôi sẽ không bao giờ đòi hỏi một giá tiền đắt hơn công-việc của tôi. Bước chân vào trong nhà cửa của bệnh-nhân, mắt tôi sẽ không ngó những gì ở trong gia-dình người ta, lưỡi tôi sẽ giữ kín những điều gì bí-mật mà người nhà nói riêng cho tôi nghe, và tôi sẽ không lợi-dụng địa-vị của tôi để làm việc đòi phong bại-tục, cũng không khuyến-khích tội-ác.

Tôn-kính và tri-ân các vị Thầy của tôi, tôi sẽ xin truyền lại cho các người con của quý Thầy những điều mà tôi đã được quý Thầy dạy-bảo.

Tôi cầu mong mọi người trên Thế-gian đều cho tôi lòng thương mến của họ nếu tôi giữ trung-thành với lời hứa, và tôi xin chịu sự nguyên-rủa và khinh-bĩ của các bạn đồng-nghiệp của tôi nếu tôi phản-bội lời thề.

Tất cả các Sinh-viên Y-học đã tốt nghiệp Đại-học Y-khoa, trong buổi lễ nhận linh bằng cấp Bác-sĩ tại các Đại học đường Âu-Mỹ đều được phép hành nghề Y-khoa, đều phải đọc lời tuyên thệ trên đây. Nhưng tiếc thay, trong số Bác-sĩ Việt-nam thường có một số ít đã phản bội lời thề!

★ Bà Lê văn Dĩnh, Hiệp Hòa

— Đường Da Bà Bầu : Hồi trước ở nơi một góc đường gần trường đua Phú Thọ có một cây đa cao, dưới gốc cây đa có quán nước của một bà già tên là bà Bầu. Dân chúng trong vùng đi đâu về hay ghé quán uống nước, ăn trầu, uống rượu, nên quen gọi chỗ đó là Cây Đa Bà Bầu. Người đời sau gọi tắt là Da bà Bầu.

— Xin cảm ơn trước về cái bao đường Hiệp-Hòa.

Ô. Ng Từ Thi Huế.

Về việc ông thắc mắc trong thư, xin ông viết thư thẳng đến ông Thái-văn-Kiểm, bảo-tàng-Viện Quốc-gia Saigon, và cho địa chỉ của ông để ông K trả lời thư riêng cho ông.

★ Bạn Hàn-duy-Sinh, Ninh-Thuận.

Thành thật cảm ơn thư bạn.

UN VIETNAMIEN EN OCCIDENT

★ NGUYỄN-VĂN-CỒN

(Paris)

A mon ami Nguyễn-Vỹ

Directeur de la Revue Phô-Thông (Saigon-Viêt-nam)

Cher ami,

Vous m'avez demandé, pour le supplément en français de notre Revue Phô-Thông, d'écrire « quelque chose qui ferait mieux connaître et aimer le Viêt-nam ». Pieuse pensée qui vous ennoblit en ce sens qu'elle rejoint, dans une suprême élévation d'esprit, le penchant de tout homme : l'amour du pays natal.

Je vous comprends. Le Viêt-nam a besoin d'être mieux connu et aimé. Depuis ces vingt dernières années, on ne le connaît hélas ! qu'à travers les noms des champs de bataille baignés du sang de nos compatriotes. Pour beaucoup d'étrangers, le Viêt-nam moral, spirituel, poétique, est encore une entité presque inaccessible. A cette pensée, je ne peux que souscrire dans la mesure de mes faibles moyens à votre initiative.

Je formule le vœu qu'elle soit couronnée de succès et que notre voix (la vôtre, la mienne et celle de tous les camarades de la Rédaction) trouve une audience aussi large et aussi favorable que possible.

A travers la Revue Phô-Thông que vous dirigez avec tant de compétence, et pour mon premier contact humain avec les lecteurs étrangers, je me permets de dédier aux amis actuels et futurs du Viêt-nam deux poèmes que j'ai écrits directement en français : le premier est un « Hymne à la fraternité humaine » le second une « Prière à la Bonté Infinie de Bouddha ».